

I THÁNG 9 NĂM 1970
**BACH
KHOA**

năm mười bốn

TỪ TRÌ chiến tranh và hòa bình tại Trung-Đông * VIỆT
PHƯƠNG Trung Cộng và Liên Hiệp Quốc * NGUYỄN
HIỂN LÊ Einstein * TRẦN VĂN TÍCH lược khảo về dược
liệu Đông-Y * VÕ QUANG YẾN proteine thảo mộc *
NGUYỄN TRỌNG VĂN ngủ dò * THẾ UYÊN những
căn nhà của tôi * LINH BẢO cây chuối buồn *
NGUYỄN KHẢI HOÀNG một ngày bình thản * HẰNG
VŨ sâu hạ — ngậm ngùi — nỗi buồn chung thân *

SINH HOẠT thời sự

thế giới * thời sự khoa

học * thời sự văn nghệ

328





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyên-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

Số 328 ngày 1 - 9 - 1970

TỪ TRÌ <i>chiến tranh và hòa bình tại Trung Đông</i>	5
VIỆT PHƯƠNG <i>Trung Cộng và Liên Hiệp Quốc</i>	15
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Einstein (1879 - 1955)</i>	25
TRẦN VĂN TÍCH <i>lược khảo về dược liệu Tây-Y</i>	37
VÔ QUANG YÊN <i>protéine thảo mộc</i>	45
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>ngủ đờ (lùy bút)</i>	49
THẾ UYÊN <i>những căn nhà của tôi (đoản văn)</i>	57
LINH BẢO <i>cây c' uối buồn (truyện)</i>	65
NGUYỄN KHẢI HOANG <i>một ngày bình thản (thơ)</i>	71
HẰNG VŨ <i>sầu hạ — ngâm ngùi — nỗi buồn chung thân (thơ)</i>	75

SINH - HOẠT

TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	76
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	81
TRĂNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 359 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

— **Thời thượng** truyện dài của Mai Thảo, do Còi Sơn xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm xuất bản thứ 20 của tác giả dày 340 trang, giá 300đ.

— **Quê người** tập truyện của Dương Nghiễm Mậu, do Văn Xá xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm xuất bản thứ 15 của tác giả dày 88 trang, gồm 5 truyện ngắn. Bìa của Nguyễn-Trung và Đinh-Cường.

— **Buồn ơi, bắt tay**, nguyên tác « Bonjour Tristesse » của Françoise Sagan, bản Việt-văn của Lê Huy Oanh, do Tân-Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 143 trang. Giá nhất định 50đ.

— **Gió bắc, trẻ nhỏ, đóa hồng** và để tập thơ của Hoài-Khánh do Ca dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 3 của tác giả dày 110 trang gồm 28 bài thơ, ấn loát rất đẹp. Giá 200đ... Bản đặc biệt.

Một chút lửa tập thơ của Huyền-Giane do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 54 trang gồm 21 bài thơ, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt.

— **Chiếc xe thổ mộ** truyện thiếu nhi của Bích-Thủy, do Tuổi-Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216 trang, rất hợp với tuổi trẻ, in lần thứ ba, trình bày đẹp. Giá 75đ.

— **Ngục thất giữa rừng già** truyện thiếu nhi của Minh Quân và Mỹ-Lan, do Tuổi Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 180 trang, do bà Minh Quân, một cây bút được các thiếu nhi đặc biệt ưa thích và cô Mỹ Lan một cây bút trẻ tuổi viết rập hắp dẫn. Bản đặc biệt. Giá 65đ.

— **Bông hồng cài áo** (tái bản), của Nhất Hạnh, làm con nên nhớ của Lộc Đình và Đông Hồ. Trọn đôn

hòa giải của Võ Hồng là 3 tập sách khổ 10x25 giấy hồng, ấn loát thật đẹp, do nhà Lá Bối phát hành nhân dịp lễ Vulcan, nội dung nói về tình mẹ con, cha con bác cháu, anh chị em .. rất cảm động. Mỗi cuốn đều để trong một bao thư để tiện tặng nhau, giá 40đ.

— **Mười khuôn mặt văn nghệ** của Tạ Ty do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 270 trang trình bày cuộc đời, tác phẩm và kỷ niệm với Lãng Nhân, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bình, Đinh Hùng, Văn Cao, Sơn Nam, Mai Thảo, Nguyễn Sa, mỗi nhà văn nghệ đều có 1 hình do Tạ Ty vẽ và thủ bút. Sách trình bày và in rất đẹp. Bản đặc biệt. Giá 300đ.

— **Phong lưu cũ mới** của Vương Hồng Sển do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 300 trang, dưới hình thức « Hiếu cổ đặc san » số 1, gồm 5 chương nói về: Thú nuôi chim, Thú đá gà, Thú đá cá thia thia, Thú chơi đế mèn, cúc cống... có thêm bài luận về chim phụng hoàng, ve ve, bọ hung. Nhiều hình ảnh. Bản đặc biệt.

— **Thuyết giáo giới số 1** (15/8) cơ quan nghiên luận của Tổng-hội giáo-giới Việt-nam, vận động phong trào giáo chức đấu tranh trên toàn quốc, do Ô. Trương văn Chôm chủ nhiệm, Ô. Trần thế Lý Chủ biên, Tòa soạn đặt tại 134 Yên-Đồ Saigon. Mỗi số dày 94 trang khổ 14x21, gồm những bài về giáo chức, về chính sách giáo-dục, về hội-nghị quốc-tế giáo dục, về sinh viên học sinh vv... Giá mỗi số 50đ.

— **Khai phá số 1**, tạp chí dụng lường sinh-khí nghệ-thuật mới với chủ-đề: nhìn văn-nghệ trong tình-thế hiện tại, Tòa-soạn đặt tại 3 Bạch-Đẳng, Châu-Đốc. Bìa vẽ do Lưu Nhữ Thụy. Mỗi số dày 110 trang, khổ 16x25, gồm những bài tiểu-luận về văn nghệ, thơ, văn, họa, kịch. Giá 70đ.

C hiến - tranh và Hòa - bình

t ại T r u n g - Đ ô n g

Vụ ba quốc gia Do-thái, Ai-cập và Jordanie chấp nhận kế-hoạch hòa-bình của Ngoại-trưởng Hoa-kỳ William Rogers là một sự-kiện lịch-sử vô cùng quan trọng trong đời sống chính trị tại Trung-Đông. Từ 22 năm qua vùng này luôn luôn ở trong một tình trạng chiến tranh. Nếu không chiến tranh nóng, thì người ta lại chứng kiến một nền hòa bình vô-trang cứ vài ngày ại bị gián-đoạn bằng những hành động thù nghịch. Với Việt Nam, vùng Trung-Đông đã là một trong hai điểm nóng của thế-giới hiện tại. Nhưng điểm nóng Trung-Đông đã tạm thời được làm nguội trong 3 tháng trời để cho các phe liên-hệ có đủ thì giờ kiếm tìm một giải-pháp chính-trị.

Nếu chiến-tranh Trung-Đông bắt nguồn từ chính-sách thực-dân của các đại-cường thống-trị thế-giới vào đầu thế-kỷ thứ 20, thì hòa-bình ở Trung-Đông lại có thể là công-trình của các đại-cường thống-trị thế-giới vào hậu bán thế-kỷ này. Thật vậy, các bài toán chính-trị của Anh và Pháp trong cuộc Đệ-nhất thế-chiến, các cuộc chia cắt đất đai do họ thực hiện đã tạo nên tình-trạng chia rẽ tại Trung-Đông ngày nay. Sau khi Đệ-nhị thế-chiến chấm dứt, Nga và Mỹ thay thế Anh Pháp tại Trung-Đông đã dần dần phải gánh nhận những trách-nhiệm nặng nề ở vùng này. Nhưng dù Nga và Mỹ có bắt buộc các quốc-gia Trung-Đông phải chấp nhận một giải-pháp nào

đi nữa thì giải-pháp này vẫn chỉ có một tính cách tạm thời. Giải-quyết vấn-đề Trung-Đông một cách hữu-hiệu lâu dài là một điều mà có lẽ chỉ có chính các quốc-gia Trung-Đông mới có thể thực - hiện được. Do đó một giải - pháp tốt đẹp phải là một giải-pháp của người Trung-Đông, cho vùng Trung Đông. Nhưng một giải-pháp như vậy bắt buộc sẽ đưa vùng này tới một cuộc đảo lộn chính trị.

Từ tranh chấp Anh-Pháp tới tranh chấp Mỹ-Nga

Năm 1917, Cuộc Đệ-nhất thế-chiến đã kéo dài tới gần 3 năm mà cân cân lực lượng vẫn chưa ngã hẳn về bên nào. Tuy nhiên Anh và Pháp ỏ ra hết sức lo ngại trước các biến-chuyển tại Nga-sô. Thật vậy chính phủ của Nga-Hoàng Nicolas II bị phe Cách-mạng lật đổ và Tân chính thể Cộng-sản bắt đầu thương thuyết với Đức để rút ra khỏi cuộc thế-chiến. Nếu Nga, một đồng-minh của Anh và Pháp, ngưng chiến với Đức Đức sẽ được rảnh tay tại phía Đông để dồn mọi nỗ lực về mặt trận phía Tây. Trong tình trạng này chỉ có sự tham chiến của Hoa-kỳ mới có thể cứu vãn nỗi tình thế. Biết rằng tại Hoa-kỳ có nhiều người gốc Do-thái và những người này có ảnh-hưởng mạnh trong đời sống chính-trị Hoa-kỳ nên Ngoại-trưởng Anh Balfour

đã cố gắng lấy lòng họ bằng cách tuyên bố là sau khi hòa bình trở lại, ông sẽ thành lập một «quốc-gia Do-thái» tại vùng Palestine.

Được khuyến khích bằng những lời tuyên bố không mấy thận trọng của Balfour, những người Do-thái từ nhiều quốc-gia trên thế-giới đã lũ lượt kéo về Palestine để lập nghiệp. Vì chấm dứt cuộc đời phiêu-lưu để trở về đất hứa vẫn là hoài-bão của mỗi người Do-thái. Do đó, suốt trong thời-gian giữa hai cuộc Thế-chiến, Palestine đã đón nhận gần một triệu người Do-thái. Nhưng họ đã gặp sự chống đối mạnh mẽ của những người Ả-rập tại chỗ, khiến cho ngay từ đầu, xứ Palestine đã sống trong một tình-trạng cực-kỳ căng thẳng.

Ngoài ra một phần lớn các quốc-gia Trung-Đông hồi bấy giờ thuộc bá-quyền của Đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Và Thổ-nhĩ-kỳ lại là một đồng-minh của Đức. Chính-sách của Anh và Pháp đối với Thổ-nhĩ-kỳ nhằm hai mục-tiêu. Mục-tiêu thứ nhất là cắt lãnh-thổ của Thổ-nhĩ-kỳ để chia nhau vì từ đầu thế-kỷ thứ 19, đế-quốc này đã bước vào giai-đoạn suy đồi nên được mệnh danh là «con người bệnh hoạn của Âu-châu». Mục-tiêu thứ hai là xúi dục các tiểu vương-quốc ở bán-đảo Ả-rập nổi loạn chống chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ khiến nước này phải ngưng chiến đấu bên cạnh Đức. Vì vậy tại Trung-Đông, hai chính-phủ Pháp và nhất là Anh đã có những lời hứa mâu thuẫn với nhau. Nếu Anh hứa cho dân tộc Do-thái vùng Palestine thì họ cũng hứa hẹn với cả giòng họ Hachémite (tổ tiên của quốc-vương Hussein xứ Jordanie hiện nay) là những tay sai đắc lực của Anh ở Trung-Đông.

Khi chiến tranh chấm dứt, người nào cũng đòi Anh giữ lời hứa, nên chính-phủ Luân-đôn đã phải cố gắng dàn xếp mới tạm làm hài lòng mọi người. Tuy là hứa cho Pháp vùng Irak, nhưng vì vùng này có dầu-hóa nên Anh giữ cho mình và đền cho Pháp hai vùng Syrie và Liban. Ý được lãnh xứ Lyb-e. Anh thành lập hai vương-quốc Irak và Transjordanie để trao cho hai anh em nhà Hachémite. Riêng Palestine được đặt dưới quyền ủy-trị (mandat) của Anh cũng như Syrie và Liban được đặt dưới quyền ủy-trị của Pháp.

Song song với cuộc di dân của người Do-thái trở về Palestine, các cuộc đụng độ xảy ra giữa hai cộng-đồng Do-thái Ả-rập mỗi ngày một nhiều. Từ năm 1921 tới năm 1926, gần 80.000 Do-thái đã tới Palestine để tiếp tay với 71.000 người Do-thái tại chỗ, hầu tổ-chức định-cư tại nơi đất hứa. Nhưng lúc đó người Do-thái chỉ chiếm có tỷ-lệ 1/5 dân số ở Palestine mà thôi, 4/5 còn lại là người Ả-rập. Những người Ả-rập trước chính-sách «tàn thực» của người Do-thái đã phản đối chính quyền Anh và tuyên bố hủy bỏ chế độ ủy-trị. Người Do-thái phản đối lại bằng cách tranh đấu trên hai mặt trận cùng một lúc: chống Anh và chống Ả-rập.

Tình trạng này kéo dài tới năm 1948. Trong giai-đoạn này người ta không ngần ngại trước một hành động khủng bố phá hoại nào. Tổ chức khủng bố Irgoun của Do-thái đã nổi tiếng vì tàn bạo.

Sau khi Đế-nhị thế-chiến chấm dứt chính-phủ Anh không giải quyết nổi nên đã đưa vấn-đề Palestine ra trước Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-quốc Liên-Hiệp-Quốc quyết-định đưa ra một kế hoạch chia đất và Anh lợi dụng dịp này để rút ra

khỏi Palestine ngày 15-5-1948. Nhưng ngay sau khi chính-quyền Anh chấm dứt thì dân Do-thái, dưới quyền lãnh đạo của Ben Gourion, đã nổi dậy tuyên bố thành lập một quốc-gia Do Thái. Các quốc-gia Ả-rập phản ứng lại bằng cách ồ ạt kéo quân tới chinh phạt Do-thái. Nhưng dân Do-thái lúc đó đã lên tới trên 500.000 người và lực lượng võ-trang Haganah của Do-thái được trang-bị bằng những phương tiện tân tiến nên các quốc-gia Ả-rập bị đại bại.

Với cuộc Đệ-nhi thế-chiến hai quốc gia Âu-châu có trách nhiệm ở Trung-Đông không còn đủ mạnh để làm chủ vùng này nữa nên ảnh-hưởng của họ bị lu mờ dần. Vùng Trung-Đông trở thành một khoảng trống. Nhưng Nga và Mỹ đã vội vàng nhảy vào lấp khoảng trống này để thay thế Anh và Pháp. Vì vậy mà Hoa-kỳ là nước đầu tiên đã thừa nhận Do-thái ngay vài giờ sau khi quốc-gia này được thành lập. Nga-sô cũng không kém vội vã nên đã là nước thứ hai thừa nhận Do-thái.

Nếu cả Mỹ lẫn Nga đều theo đuổi cùng một mục-đích là nắm giữ một vai trò tích-cực ở Trung-Đông thì Nga lại còn nhắm một mục-tiêu khác là làm suy yếu các đế-quốc thuộc-địa Âu-châu.

Từ khi Nga và Mỹ xuất hiện trên chính-trường Trung-Đông người ta thấy cả hai quốc-gia này luôn luôn vật lộn với những mâu thuẫn khó giải-quyết. Tuy có thiện-cảm với Do-thái, vì tại Hoa-kỳ có tới 7 triệu dân gốc Do-thái, nhưng Hoa-kỳ vẫn phải o bế các quốc-gia Ả-rập vì các nước này có mỏ dầu hỏa. Hoa-kỳ ủng hộ Do-thái về lý do chính-trị. Những lá phiếu của công-dân gốc Do-thái có thể làm nghiêng cán cân

lực lượng tại Tiểu-bang New-York trong các cuộc bầu-cử Tổng-thống. Nhưng Hoa-kỳ lại ủng hộ Ả-rập vì lý do kinh-tế. Tại Irak, tại Arabie Seoudite, tại Koweit, các mỏ dầu hỏa một phần lớn đều do các công ty Mỹ khai thác. Nga cũng vậy, tuy ủng hộ Do-thái để phá Anh nhưng Nga cũng không quên o bế Ả-rập để ngăn chặn ảnh-hưởng của Mỹ. Nếu Mỹ làm chủ Trung-Đông tức là quân-đội Mỹ ngồi ngay tại ngưỡng cửa Nga. Vì vậy nên cả Nga và Mỹ đều phải áp dụng một chính-sách quân-bình vô cùng tế-nhị tại vùng này. Còn các quốc-gia Anh và Pháp lại cố vớt vát bằng cách phá rối cả hai bên, nhưng ảnh-hưởng của họ đã biến hẳn khỏi vùng này sau trận chiến-ranh dọc kinh Suez năm 1956.

Với chiến tranh năm 1956 người ta thấy Mỹ và Nga bước vào một chính-sách hợp-tác. Chính nhờ có họ mà cả hai cuộc chiến-tranh 1956 và 1967 bị chặn đứng. Nhưng hai cuộc chiến-tranh này là hai đám lửa lớn bị tạm thời dập tắt mà thôi, cả Mỹ và Nga đều chưa dập nổi những đốm lửa chiến-tranh nhỏ đang âm ỉ cháy và chỉ đợi dịp là bùng lên.

Một tình-trạng chiến-tranh thường-xuyên

Ngay sau khi cuộc chiến tranh giữa Do-thái và Ả-rập chấm dứt, cả hai bên tuy đình chiến nhưng đều tổ chức khủng-bố giết hại lẫn nhau. Quân cảm-tử Ai-cập Feddaying đặt căn-cứ tại bán đảo Sinai, ngày đêm xâm nhập vào lãnh-thổ Do-thái. Quân đội Syrie từ trên các ngọn đồi Golan oanh tạc các nông trại Do-thái. Và mỗi khi bị tấn công Do-thái đều trả đũa mạnh mẽ nên suốt trong 22 năm trời vùng Trung-

Đông không bao giờ im tiếng súng.

Một yếu-tố thứ hai luôn luôn nhóm ngọn lửa chiến tranh là sự hiện-diện của những người Ả-rập gốc Palestine chạy sang tỵ nạn tại các quốc-gia lân cận. Năm 1948 khoảng 500 000 người Palestine đã chạy sang cư ngụ tại Liban và nhất là Jordanie. Sau 22 năm, với một sinh suất rất cao số người Palestine tỵ nạn ở bên ngoài đã tăng lên khoảng từ 1.400.000 người tới 2000.000 người. Người ta không biết rõ được con số chính xác. Những lúc bình thường, Tổng-thống Ai-cập Nasser cho rằng có 1 triệu 400 ngàn nhưng những khi ông tức giận Do-thái thì ông lại thổi phồng con số này lên tới 2 triệu để quan-trọng-hóa vấn-đề. Nhưng dù sao với một số di-cư đông đảo như vậy đời sống chính-trị của Trung-Đông cũng chịu nhiều ảnh-hưởng sâu rộng. Thật vậy, dân Palestine hiện thời đã chiếm tỷ-lệ 3/4 dân số của Jordanie và tại Liban họ là một thiểu số hoạt động. Trong cả hai nơi họ là một quốc-gia trong một quốc-gia. Họ luôn luôn chủ trương phục thù, tái chiếm Palestine, đuổi người Do-thái xuống biển. Các quốc-gia Ả-rập dù muốn hòa-bình với Do-thái cũng không yên được với các người Palestine. Nhất là hiện thời những người này đã tổ chức được những lực lượng rất hùng hậu tại Liban và Jordanie. Vào tháng 10-1969 chỉ vì chính-phủ Liban muốn giới hạn các hoạt-dộng của họ mà những người Palestine đã tấn công các cơ-sở chính-quyền, đưa Liban tới gần kề một cuộc nội-chiến. Tại Jordanie, lúc nào họ cũng lăm le đảo-chánh quốc vương Hussein để lập một chính-thể Cộng-hòa thiên Cộng-sản. Trong những tháng vừa qua, chỉ vì muốn ngăn chặn ảnh-hưởng của

họ, mà Quốc vương Hussein đã suýt bị ám sát và lật đổ. Không những các người Palestine chi phối đời sống chính trị ở bên trong mà họ lại còn dùng lãnh thổ của Jordanie và Liban để làm điểm xuất phát tấn công Do-thái. Khi Do-thái trả đũa, thì dân chúng của hai nước này phải lãnh đủ.

Nếu các người tỵ nạn Palestinê có lý do để đòi chiến tranh phục thù thì các quốc gia Ả-rập dùng chiến tranh làm phương-tiện để hàn gắn những rạn nứt trong tình đoàn-kết Ả-rập. Thật vậy, từ năm 1952 khi Đại tá Nasser xuất hiện trên chính-trường Trung-Đông, vùng này đã làm mối cho những sự chia rẽ sâu rộng. Nasser có tham vọng lãnh-đạo một khối Ả-rập thống-nhất và cấp-tiến. Nhưng các-vương quốc phong-kiến Ả-rập như Arabie Séoudite, Irak, Jordanie và Yémen lại muốn duy trì chế độ quân chủ cũ. Các quốc-vương của những nước này sợ rằng những tư-tưởng cấp tiến và cách-mạnh sẽ xâm nhập nước họ, nên họ đã cố gắng phá chính-sách của Nasser. Các quốc-vương Fayçal của Irak, Hussein của xứ Jordanie, thuộc giòng họ Hachémite, trước kia có một mối thù với quốc-vương Saoud I, vì Saoud đã đuổi gia-đình Hachémite khỏi quê-hương của họ là xứ Hejaz. Nhưng trước những âm mưu của Nasser, các quốc-vương này đã quên thù cũ để thành lập một mặt trận các vương-quốc chống phe Cách-mạng. Và Tổng-thống Nasser cũng cố thành lập một nước Cộng-hòa Ả-rập thông-nhất với Syrie. Mặt trận các vương-quốc không sống được bao lâu vì tháng 7 — 1958 một cuộc đảo chính tại Irak đã sát hại quốc-vương Fayçal để thành lập một chính-thể mới thân Nasser. Cộng-hòa Ả-rập thống-nhất cũng

không tránh khỏi rạn nứt vì Syrie quyết định ly khai. Tại Irak các cuộc đảo - chánh liên miên đã đưa nước này tới chính - thể bất thân - hữu với Nasser. Trong một tình trạng chính-trị như vậy tại cả các vương - quốc phong-kiến lẫn các nước Cộng hòa cách-mạng, các lãnh-tự đều phải có một chính-sách hiếu-chiến đối với Israël để duy trì ảnh-hưởng của mình. Trước các khó khăn nội bộ, đánh Israël là một cách đánh lạc hướng các phong - trào đối lập trong nước.

Hơn nữa Do-thái, với một xã-hội tiến-bộ và phát-triển, luôn luôn là một cái gương để dư-luận trong nước so sánh với tình-trạng khiếm khai của các nước Ả-rập. Các chính-phủ Ả-rập không thể tha thứ cho Do-thái đã thành công trong lãnh-vực kinh-tế khi mà chính họ lại thất bại.

Nhưng tình-trạng chiến-tranh càng ngày càng tỏ ra bất lợi cho tất cả các phe liên-hệ tại Trung-Đông. Các nỗ-lực quân-sự đòi hỏi nhân lực trong nước, động viên các tài nguyên, khiến cả Do-thái lẫn Ả-rập đều khó tiến mạnh được trên đường phát-triển. Từ tháng 6-1967 tới nay, kinh Suez bị ngưng hoạt động khiến Ai-cập mất một nguồn lợi rất lớn. Ngoài ra các nước Ả-rập tuy hiếu chiến nhưng không chịu đóng góp vào các cuộc hành quân mà chỉ nghĩ tới quyền lợi riêng của mình. Năm 1948, khi các quốc-gia Ả-rập tấn công Do-thái, tuy quân-đội Jordanie do Glub Pacha chỉ-huy thiêu chiến nhất nhưng sau khi chiếm được một vùng ở tả ngạn sông Jourdain, quân đội Jordanie đã đơn phương ngưng chiến để củng cố lãnh-thổ mới chiếm được. Bị bỏ rơi quân đội Ai-cập phải gánh chịu mọi đòi

hỏi của cuộc chiến. Chính Tổng-Thống Nasser, lúc đó còn là Đại-úy Nasser, đã phải cố thủ trong một cái hầm, bị Do-thái bao vây suốt cả tháng trời. Năm 1967 chỉ vì Syrie hiếu chiến mà Do-thái đã tấn công các quốc gia Ả-rập, nhưng chính Syrie đã vội vã rút khỏi vòng chiến để mặc cho Ai-cập tiếp tục chiến đấu. Kết quả là Syrie mất có 50 người trong khi Ai-cập có một số thương vong lên tới 10.000 người. Sau đó các quốc gia sản-xuất dầu hỏa như Arabie Séoudite, Lybie đều không cajú viện trợ cho Ai-cập để tài trợ các nỗ-lực chiến-tranh. Trong điều kiện này người ta hiểu tại sao Tổng-thống Nasser muốn giảng hoà với Do-thái. Jordanie cũng gặp những khó khăn không kém. Vì có chiến-tranh nên nước này đã mất các lãnh-thổ ở tả ngạn sông Jourdain từ tháng 6-1967 và chính quyền càng ngày càng bị các người Palestine lấn át.

Nga và Mỹ cũng gặp khó khăn không kém. Chiến tranh bùng nổ bất cứ một lúc nào. Và nếu chiến tranh bùng nổ họ không biết bên nào. Bên Do-thái thì mất dầu hỏa Ai-cập, không bên Do-thái thì chính-phủ Mỹ sẽ gặp khó khăn với các người Mỹ gốc Do-thái trong nước. Nga ở trong một tình-trạng ít khó khăn hơn. Họ có thể bên Ả-rập. Nhưng nếu làm như vậy họ sẽ trực tiếp đương đầu với Mỹ, và chiến tranh Trung-Đông sẽ đưa tới chiến tranh thế-giới. Vì vậy mà Nga và Mỹ bắt buộc phải cộng tác với nhau để ngăn chặn ngôi chiến-tranh ở đây. Năm 1956 trước lời đe dọa của Nga và những lời lêu lắt của Mỹ, Anh, Pháp và Do-thái đã phải ngưng chiến. Năm 1967 Nga và Mỹ cộng tác chặt chẽ hơn đến nỗi Mỹ đã trao cả những tin tức mật vụ về Trung-Đông của mình cho Nga và cả hai đã cấm dứt được ngay

mỗi lửa chiến tranh. Trong 3 năm qua Nga và Mỹ đã tiếp tay với nhau để làm áp lực, buộc các quốc-gia Trung-Đông phải chấp nhận hòa-bình. Trong khi ông Gunnar Jarring, Đại-sứ Thụy-điển tại Mạc-tư-khoa, đi từ thủ-đô nọ tới thủ-đô kia để hoà giải các lãnh tụ Ả-rập và Do-thái thì Nga gửi vũ khí sang Ai-cập và Syrie để tăng cường lực lượng Ả-rập. Ai cũng tưởng là Nga ra mặt chống Mỹ tại Trung-Đông nhưng sự thực lại khác hẳn. trước viện trợ của Nga cho Ả-rập. Do-thái đòi Mỹ bán cho vũ khí để lập lại thế quân-bình lực lượng. Mỹ đã từ chối. Nhưng cùng một lúc cả Nga lẫn Mỹ đều làm áp lực để cả hai bên phải chấp nhận các đề nghị hòa-bình của ông William Rogers Tháng 6 và 7 vừa qua Nasser sang Nga 3 tuần lễ để xin viện trợ thêm. Chính phủ Nga đã cho biết rằng Nga chỉ viện trợ để Ai-cập tái lập lại khả năng phòng vệ mà thôi và buộc Nasser phải có một thái độ hòa-hoãn. Một mặt Mỹ hối thúc Do-thái phải chấp nhận hòa bình nếu không Mỹ sẽ nã cho Nga giúp Ả-rập. Vì vậy mà sau bao ngày do dự, sau cả hai bên đều chấp nhận hưu chiến 90 ngày để ông Jarring tiếp tục công cuộc hòa giải. Nhưng hưu chiến chưa có nghĩa là hòa bình. Hòa bình sẽ chỉ trở lại vùng Trung-Đông sau một cuộc đảo lộn chính trị.

Một cuộc đảo lộn chính trị gần kề.

Cả Do-thái và Ai-cập, khi chấp nhận đề-nghị Rogers, đều vấp phải những phong trào chống-đối nội bộ. Tại Do-thái, ông Menakhem Begin, Tổng-trưởng không bộ trong nội-các Golda Meir đã cực lực phản đối quyết-định chấp nhận cái

mà ông gọi là "Munich ở Trung-Đông". Ông Begin là 1 trong 6 vị Tổng-trưởng của đảng cực hữu Gahal tham gia nội-các. Ông cũng còn là lãnh-tu của tổ chức khùng-bổ Irgoun. Trong khi chỉ-huy tổ chức này, ông đã từng có thành-tích như t n phá làng Deir Yassin vào tháng 4-1948 khiến cho 150 đàn bà và trẻ con Ả-rập bị tàn sát. Để phản đối chính-phủ, ông Begin đã từ chức và rút luôn cả 5 vị Tổng-trưởng khác của đảng Gahal ra khỏi nội-các Golda Meir. Sự rút lui của đảng Gahal không làm lung lay nội-các Golda Meir vì nội các này vẫn còn giữ được 78 phiếu trên 120 tại Quốc hội. Nhưng nó đã chia rẽ dân-tộc Do-thái trong khi người ta cần phải đoàn-kết chặt chẽ để đối phó với các cuộc trả giá trong tương-lai.

Nếu phe cực hữu Do-thái nói tới "Munich ở Trung-Đông" thì thành-ngữ này cũng được các phe cực tả của Ả-rập nhắc tới. Từ Syrie tới Algérie người ta lớn tiếng tố cáo Nasser và Hussein là phản bội dân Ả-rập. Ngay tại Ai-cập ông Anouar El Sadat, Chủ-tích Quốc-hội, đã dám phản đối Tổng-thống Nasser bằng cách bỏ chức-vụ về quê ở. Ông Sadat, vì xưa kia đã hoạt động đồng thời với ông Begin và cũng đã tổ-chức khùng-bổ như ông Begin, nên người ta sợ rằng ông Begin tại Do-thái và ông Sadat tại Ai-cập, sẽ là những chương-ngại cho nền hòa-bình của Trung-Đông.

Những khó khăn, những trở ngại khác là cuộc trả giá hết sức gay go giữa Ả-rập và Do-thái. Theo kế hoạch Rogers thì Do-thái phải trả lại hết đất đai họ chiếm được trong trận chiến tháng 6-1967 và Ả-rập phải thừa nhận Do-thái. Nhưng Do-thái muốn dùng các lãnh thổ này để bảo đảm cho hòa-bình.

(Xem tiếp trang 79)

Trung - Cộng và Liên - Hiệp - Quốc

Vấn đề Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc được đặt ra ngay từ khi Bắc-Kinh làm chủ lục-địa Trung-Hoa, nghĩa là vào năm 1950, 5 năm sau khi tổ chức Liên-Hiệp-Quốc ra đời.

Đó là một vấn đề hết sức quan trọng vì tùy theo việc Trung-Cộng được chấp nhận gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc hay không mà cục diện thế-giới có thể có những biến chuyển lớn lao. Thực vậy, giải quyết vấn đề này tức là giải quyết vấn-đề đại diện của một nước chia đôi ở Liên-Hiệp-Quốc : Chấp nhận Trung-Cộng vào Liên-Hiệp-Quốc có nghĩa là gạt bỏ Đài-Loan không, hay Đài-Loan vẫn cứ giữ vững ghế của mình ở Hội-đồng Bảo-an, hay Đài-Loan phải nhường ghế này cho Bắc-Kinh để xuống địa vị một hội-viên thường ? Đó là vấn-đề đại diện của một nước Trung-Hoa hay của hai nước Trung-Hoa. Nếu vấn đề này được giải-quyết một cách dứt khoát tất sẽ có ảnh-hưởng một cách rất lớn đến vấn đề đại diện của các nước chia đôi tại Liên-Hiệp-Quốc. Ngay nay Đông và Tây Đức, Nam và Bắc Triều-Tiên, Nam và Bắc Việt-nam vẫn còn đứng ngoài tổ chức Liên-Hiệp-Quốc vì tình trạng phân đôi của các nước đó. Liên-Hiệp-Quốc không thể chấp nhận một bên này gia nhập vì sẽ vấp phải quyền phủ quyết của đại-cường hội-viên thường trực Liên-Hiệp-Quốc (Liên-xô, Hoa-Kỳ, Anh, Pháp, Trung-Hoa) bên vực phía

bên kia. Nhưng nếu vấn đề đại diện Trung-hoa được giải quyết theo chiều hướng hai nước Trung-hoa thì vấn-đề đại diện của các nước chia đôi kia cũng được dễ dàng một phần lớn.

Ngay từ lúc mới thành lập, Liên-Hiệp-Quốc cũng đã phải giải quyết một vấn đề đại diện rất khó khăn tế-nhị. Đó là vấn-đề đại diện Liên-xô. Ai cũng biết Liên-xô là một đại-cường sáng lập ra Liên-Hiệp-Quốc, có quyền phủ quyết và là hội-viên thường-trực của Hội-đồng Bảo-an.

Đáng lẽ, cũng như Hoa-kỳ, Anh, Pháp v.v... Liên-xô chỉ được quyền có một ghế tại Đại-Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng vì hồi mới thành lập, Liên-Hiệp-Quốc chỉ có 51 hội-viên. Phe Hoa-kỳ rất đông đảo, nhưng phe Liên-xô thì chỉ có mấy nước Đông-Âu mà thôi. Muốn để cho phe Cộng sản bằng lòng đôi chút, Liên-Hiệp-Quốc đã thỏa thuận cho Liên-xô thêm 2 ghế nữa, ngoài ghế hội-viên thường-trực. Hai ghế này, một dành cho Ukraine một dành cho Biélorussie. Liên-xô viện lẽ rằng 2 nước này tuy ở trong Liên-bang Xô-viết nhưng là 2 nước Cộng-hòa độc-lập. Lý lẽ này thực ra không vững vì 2 nước đó cũng chỉ như 2 tiểu-bang của Hoa-kỳ, tuy có một chính-phủ địa-phương nhưng không có chủ-quyền đối-ngoại. Nếu cho 2 nước đó là hội-viên Liên-

Hiệp-Quốc thì tại sao lại không cho các nước Cộng-hòa độc-lập khác (Liên-xô có tới 11 nước Cộng-hòa) ? Hồi đó Liên-Hiệp-Quốc chưa có khối các nước Á-Phi, phe Liên-xô quá ít nên Đại hội đồng Liên-Hiệp-Quốc đã thông qua một cách dễ dàng vấn đề đại-diện Liên-xô.

Đến khi Trung-Cộng xuất hiện, vấn đề đại-diện mới trở nên khó khăn phức tạp và đó cũng là vấn đề của các nước chia đôi ta vừa nói ở trên. Các nước này còn chưa được gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc thì Liên-Hiệp-Quốc còn gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề quốc-tế.

oOo

Đã có một thời kỳ, Bắc-kinh tầy chay Liên-Hiệp-Quốc, không thềm nhắc tới vấn đề gia-nhập hay không gia nhập. Đến nay lại có nhiều dấu-hiệu chứng tỏ là Trung-Cộng chú trọng đến vấn đề này. Bắc-kinh thường nhắc tới việc trả lại cho Trung-Cộng địa-vị hợp-pháp của họ ở tòa nhà Liên-Hiệp-Quốc mà họ cho là Đài-loan đã chiếm đoạt một cách phi pháp.

Thật ra ngay từ đầu, cả hai phe Quốc Cộng Trung-hoa đều chú trọng đến chỗ ngồi của Trung-hoa ở Liên-Hiệp-Quốc. Tờ Đại Công-báo (thân Cộng), hồi còn ở Trùng-Khánh, đã ca tụng ngày 25-4-1945, ngày khai mạc khóa họp đầu tiên của Liên-Hiệp-Quốc ở San Francisco như là "ngày giải phóng của toàn thể nhân loại". Trùng-ương nhật-báo, cơ quan chính-thức của Quốc-dân-đảng cũng coi hội-nghị San Francisco là một cố gắng lớn lao của các nước yêu chuộng hòa-bình để kết thúc chiến tranh". Chính họ Mao ngày 24-4-1945

đã viết là « Đảng Cộng-sản Trung-quốc hoàn toàn ủng hộ các quyết-định của hội-nghị Dumbarton Oaks và Yalta và sẵn sàng cử người tham-dự đoàn đại-biểu Trung-hoa tại San Francisco ». Đoàn đại-biểu Trung-hoa hồi đó gồm 12 nhân viên : 4 thuộc đảng cầm quyền (Quốc-dân-đảng), 3 thuộc các đảng thiểu-số trong đó có 1 đại-biểu Cộng-sản là Đồng-Tắc-Vũ. Trung-hoa đã ký vào văn-kiện kết thúc hội-nghị. Sau đó hội-nghị chính-trị hiệp-thương nhân-dân Trung-quốc (Quốc-hội lâm-thời) đã chấp thuận và Tổng-thống Tưởng-Giới-Thạch đã duyệt-ký ngày 24-8-1945 bản Hiến chương Liên-Hiệp-Quốc.

Ngày 18-11-1949, ngay khi vừa mới thiết lập xong chính-quyền nhân-dân ở Bắc-Kinh, Trung-Cộng đã gửi văn thư cho Liên-Hiệp-Quốc đòi trước đoạt mọi quyền đại-diện của phái đoàn Trung-hoa quốc-gia.

Ngày 25-11-1949, phái đoàn Sô-viét và 4 phái-đoàn Cộng-sản khác đã từ chối không tham-dự các phiên họp của Hội-đồng thứ nhất thuộc Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc bàn về vấn đề do Trung-hoa Quốc-gia nêu lên : « Sự đe dọa nền độc-lập chính-trị và toàn vẹn lãnh thổ của Trung-hoa ». Phái-đoàn Nga cho rằng Trung-hoa quốc-gia không có thẩm quyền đối với toàn-thể lãnh-thổ Trung-hoa, trừ một phần đất rất nhỏ. Tuy nhiên Hội-đồng thứ nhất vẫn cứ tiếp-tục họp và chấp thuận một quyết-nghị do đoàn đại-biểu Úc đưa ra gồm 2 điểm :

— 1) Tôn trọng nền độc-lập chính-trị của Trung-hoa.

— 2) Tôn trọng quyền của nhân dân

Trung-hoa tự do lựa chọn chế-độ chính-trị của mình và có một chính-quyền không bị ngoại bang kiểm soát.

Ngày 8-1-1950, Châu-Âu-Lai, hồi đó còn là Ngoại-trưởng, đã gửi điện cho Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc bác bỏ quyền đại-diện hợp pháp của Trung-hoa Quốc-gia. Hai ngày sau, trong một phiên họp của Hội-đồng Bảo-an, Liên-xô đề-nghị đuổi đại-diện của Trung-hoa Quốc-gia ra khỏi Hội-đồng. Ngày 13-1-1950, đề-nghị đó bị bác bỏ với 3 phiếu thuận, 6 phiếu chống và 2 phiếu trắng (3 thuận là Liên-xô, Ấn-độ và Nam-tư, 6 chống là Pháp, Mỹ, Trung-hoa, Cuba, Equateur, Ai-Cập, hai trắng là Na-uy và Anh). Sau phiên-họp này, Nga-sô tẩy chay Liên-Hiệp-Quốc trong vòng 7 tháng. Nhờ có cuộc tẩy chay này mà Hội - đồng Bảo - an đã thông qua được quyết - nghị can thiệp vào cuộc chiến-tranh Triều - tiên. Ngày 1-8-1950, Nga - sô trở lại chủ tọa Hội-đồng Bảo - an lập tức đề - nghị đuổi đoàn đại-biểu Trung-hoa quốc-gia ra khỏi Hội-đồng này. Đề-nghị này lại bị bác với 8 phiếu chống, 3 phiếu thuận. Liên-xô lại đề-nghị ghi vấn-đề đại-diện Trung-hoa vào chương-trình nghị-sự của Đại Hội-đồng; đề-nghị này cũng bị bác với 5 chống 5 thuận và 1 phiếu trắng.

Ngày 24-8-1950. Ngoại-trưởng Trung-Cộng gửi thư đến Hội-đồng Bảo-an tố-cáo Hoa-kỳ xâm-lược Đài-Loan. Ngày 17-9-1950, Châu-ân-Lai lại gửi một điện-văn nữa tuyên bố chỉ có Bắc-Kinh mới có quyền đại-diện cho toàn thể nhân-dân Trung-hoa và đề bênh vực lập trường của mình, Trung-Cộng đòi quyền cử một đoàn đại-diện đến dự phiên họp của Hội đồng Bảo-an. Ngày 29-9-1950, Hội-đồng Bảo-an đã thông qua một quyết-nghị mời Trung-Cộng cử đại-diện đến dự các phiên họp sau ngày 15-11-1950 về vấn-đề Trung-Cộng tố cáo Mỹ xâm-lược Đài-loan. Bắc-kinh đã nhận lời và cử đại diện đến hội nghị ngày 27-11-50.

Bước sang năm 1951, Liên-xô lại đòi ghi vấn-đề đại-diện Trung-hoa vào chương-trình nghị-sự của Đại Hội-đồng. Vì lúc đó Trung-Cộng đang chống nhau với Liên-Hiệp-Quốc ở Triều-tiên nên đề-nghị đó bị bác bỏ với 37 phiếu chống, 11 phiếu thuận và 4 phiếu trắng.

Từ năm đó cho tới năm 1960, năm nào phe Cộng-sản cũng đặt vấn-đề đại diện Trung-Cộng và đòi ghi vấn-đề đó vào chương-trình nghị-sự của Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng năm nào đưa ra cũng bị bác bỏ.

Dưới đây là một đồ-biểu ghi vấn-đề đại-diện Trung-Cộng tại Liên-Hiệp-Quốc từ 1951 đến 1960.

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỐI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CO CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HOA-LAN

Năm	Tổng số hội viên LHQ	Tán thành ghi C.T.N.S.	Bác bỏ ghi C.T.N.S.	Phiếu trắng	Vắng mặt	Nước đề xướng
1951	60	11 (18,7%)	37 (61 %)	4		Liên xô
1952	60	7 (11,7%)	42 (70 %)	11	0	Liên xô
1953	60	10 (16,7%)	44 (73,3%)	2	4	Liên xô
1954	60	11 (18,3%)	43 (71,7%)	6	0	Liên xô
1955	60	12 (20 %)	42 (70 %)	6	0	Liên xô
1956	79	24 (30,4%)	47 (59,4%)	8	0	Ấn độ
1957	82	27 (32,9%)	48 (58,6%)	6	1	Ấn độ
1958	81	28 (34,6%)	44 (54,3%)	9	0	Ấn độ
1959	82	29 (35,4%)	44 (53,7%)	9	0	Ấn độ
1960	98	34 (34,7%)	42 (42,9%)	22	0	Ấn độ

NHẬN XÉT: Cho tới 1955 số hội viên LHQ chỉ có 60. Từ 1956 số hội viên đó tăng vọt lên là nhờ sự tham gia đông đảo của các nước Phi-Châu. Số nước ủng hộ Trung-Cộng cũng tăng vọt lên theo tỉ-lệ hơn một gấp rưỡi trong khi số những nước chống vẫn gần như đứng nguyên. Tuy nhiên họ vẫn là đa số.

Bước sang năm 1961, Tân-Tây-Lan đưa ra một đề-nghị mới được Anh Mỹ ủng-hộ là ghi vấn-đề đại-diện Trung-hoa vào chương-trình nghị-sự, nhưng coi vấn-đề đó là một vấn-đề quan-trọng. Đã là một vấn-đề quan-trọng thì muốn được thông qua, theo điều 18 của Hiến-Chương Liên-Hiệp-Quốc phải được một đa số tuyệt-đối 2/3. Đề-nghị này được biểu-quyết thông qua với đa số 61/34 và 7 phiếu trắng. Bắt đầu từ năm đó hầu như năm nào (trừ năm 1964, phiên

họp của Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc hoãn lại) vấn-đề Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc cũng được đưa ra, nhưng không năm nào được tới đa số tuyệt đối chứ đừng nói đa số 2/3, nên cho tới nay, Trung-Cộng vẫn bị gạt ra ngoài Liên-Hiệp-Quốc.

Dưới đây là biểu-đồ chỉ rõ số nước tán thành và không tán thành Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc trong các năm từ 1961 đến 1969. Phe ủng hộ chưa lần nào đạt tới đa số tuyệt đối. Nhưng số phiếu trắng cũng trở nên rất quan trọng

Năm	Tổng số	Ủng hộ	Bác bỏ	Phiếu trắng	Vắng mặt	Nước đề xướng
1961	104	34 (34,6%)	48 (46,1%)	20	1	Liên xô
1962	110	42 (38,7%)	56 (50,9%)	12	0	Liên xô
1963	111	41 (36,9%)	57 (51,4%)	12	0	Albanie
1964						
1965	117	47 (40,2%)	47 (40,2%)	20	0	Compuchia, Albanie, Algérie, Congo, Brazaville, Cuba, Ghana, Guinée, Mali, Pakistan, Roumanie, Somalie, Syrie.
1966	121	46 (38,%)	57 (47,1%)	17	1	cũng những mười năm 1965 trừ Ghana, Somalie, thêm Mauritanie
1967	121	45 (37,1%)	58 (47,9%)	17	1	cũng những nước năm 1966 thêm Soudan
1968	125	44 (36%)	58 (46,4%)	23	0	cũng những nước năm 1967 thêm Nam Yemen, Tanzanie. Yemen và Zambie
1969	126	48 (38,9%)	56 (44,4%)	21	1	cũng những nước năm 1968 thêm Irak

NHẬN XÉT — Mặc dầu số hội viên LHQ tăng gia rất nhanh, số nước ủng-hộ Trung-Cộng tăng gia chậm hơn. Ngay trước khi xảy ra cuộc Cách-mạng Văn-hóa (1965) số phiếu ủng hộ Trung-Cộng đã ngang với số phiếu chống đối. Từ khi cuộc Cách-mạng Văn-hóa bùng nổ thì số phiếu chống đối vọt lên, trong khi số phiếu ủng hộ có hơi sút giảm hay chỉ nhích lên một chút. Số phiếu trắng trở nên mỗi ngày một quan trọng ; Năm 1968 số phiếu trắng lên tới 23 phiếu. Những nước đề xướng trong thời-gian đầu là Liên-xô, về sau toàn là các nước Á-Phi trừ Ấn-độ. Tuy không đề-xướng nhưng Liên-Xô và Ấn-độ vẫn bỏ phiếu cho Trung Cộng gia nhập LHQ mặc dầu giữa Trung Cộng và những nước này có xích mích nặng nề.

Khía cạnh pháp-lý

Theo điều 4 của Hiến-chương LHQ thì muốn gia-nhập LHQ phải hội đủ mấy điều-kiện sau đây :

- Phải là một quốc gia.
- Phải là một quốc gia yêu chuộng hòa bình.
- Phải tuân theo những nghĩa-vụ do Hiến-chương đề ra.
- Phải có khả-năng làm tròn những nghĩa vụ đó.
- Phải có thiện-chí làm tròn những nghĩa-vụ đó.

Có nước cho rằng Trung Cộng có quyền đại diện vì đã thực tế kiểm soát tất cả lục-địa Trung-Hoa. Có nước lại cho rằng Trung-Cộng không xứng đáng đại diện vì hiếu chiến. Có nước lại cho rằng chính Bắc-kinh đã phủ nhận những nguyên-tắc của Liên-Hiệp-Quốc tức là không chịu tuân theo những nghĩa-vụ và không có thiện-chí làm tròn những nghĩa-vụ đó. Có nước lại cho rằng không thể gạt bỏ Trung-Cộng ra ngoài lề sinh-hoạt quốc-tế trong khi Bắc-Kinh đóng vai trò mỗi ngày mỗi quan trọng trên võ-đài quốc-tế. Không có Trung-Cộng, Liên-Hiệp-Quốc sẽ không thể giải-quyết được bất cứ vấn-đề quan trọng nào trên thế-giới.

Do sự chia rẽ trong dư-luận quốc-tế đối với vấn-đề chấp nhận hay không chấp nhận Trung Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc nên đã có 3 môn-phái khác nhau xuất hiện :

- Phái thứ nhất cho rằng Trung Cộng không xứng đáng là một tân hội-viên và Trung Cộng không đại-dien cho Trung-Hoa, Trung Cộng không yêu chuộng hòa-bình và cũng không có ý muốn làm tròn những nghĩa-vụ quốc-tế. Trung Cộng không có đầy đủ các điều-kiện đã nêu trong điều 4 của Hiến-

chương và lại Trung-Cộng luôn luôn phủ nhận quyền của Liên-Hiệp-Quốc và hô hào thành lập một tổ-chức quốc-tế khác chống lại Liên-Hiệp-Quốc. Hơn nữa điều 5 và điều 6 Hiến-chương không cho phép Liên-Hiệp-Quốc tổng xuất một hội viên, nếu hội-viên đó không phạm lỗi nào. Từ khi thành lập, Trung-hoa Quốc-gia là một hội viên rất trọng kỷ-luật của Liên-Hiệp-Quốc, và không có cơ gì để tổng xuất hội-viên đó. Đó là thuyết hội-viên. (membership school)

— Phái thứ hai căn cứ trên việc xem xét ủy-nhiệm-thư (credential school). Việt xem xét này phải làm theo một số thủ-tục do Liên-Hiệp Quốc đề ra. Ví dụ điều 29 thủ-tục này nói rằng : đại-dien nào bị một quốc-gia hội-viên phản đối sự có mặt vẫn có thể tham-dự các phiên họp như các đại-dien khác cho đến khi Hội-đồng kiểm-nhận ủy-nhiệm-thư đã trình bày và Đại Hội-đồng quyết định.

Trung-Cộng là nước thực sự kiểm soát lục-địa Trung-hoa có quyền trình ủy-nhiệm-thư và được công nhận. Thuyết này do Liên-xô rồi Albanie đề-xướng và bảo vệ.

— Phái thứ ba gọi là môn phái đại-dien (Representation school). Thuyết này chủ trương phải căn cứ trên những nguyên-tắc nêu trong Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc và phải xem xét từng trường-hợp một để quyết-định. Quyết-định phải theo đa số 2/3 của Đại Hội-đồng nhất là đối với vấn-đề Trung-hoa.

Lúc đầu Hoa-kỳ theo thuyết thứ nhất cho đến năm 1960, sau đó bỏ thuyết này theo thuyết đại-dien và thuyết này cũng đã được đa số các hội viên Liên-Hiệp-Quốc chấp nhận. Do đó, cho tới nay Trung Cộng vẫn phải đứng ngoài Liên-Hiệp-Quốc..

Thái-độ của Trung-Cộng đối với Liên-Hiệp-Quốc

Vấn-đề này lại càng phức tạp hơn khi người ta đề ý đến thái-độ của cả Bắc-kinh lẫn Đài-loan.

Cả hai chính quyền Quốc-gia và Cộng sản đều cương quyết bảo vệ lập trường chỉ có một đại-diện Trung-hoa ở Liên-Hiệp-Quốc và nhất định không chịu thỏa-hiệp. Cả hai đều giành độc-quyền đại-diện cho nước Trung-hoa và mỗi bên đều có một số nước ủng-hộ, coi như chính-phủ hợp-pháp của Trung-quốc. Cả hai đều vô ngược cho rằng mình bảo vệ Hiến-chương Liên-Hiệp quốc.

Hiến-pháp của Trung-hoa dân-quốc ngày 25-12-1946 trong điều 141 nói : « Chính sách ngoại-giao của Trung-hoa dân-quốc là ... tôn trọng các hiệp-uớc và Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc ».

Hiến-Pháp Trung-Cộng ngày 20-9-1954, trong Phần mở đầu nói : « Chính sách của Trung-hoa là thiết lập và mở rộng bang-giao với tất cả các nước trên nguyên-tắc bình-đẳng, lợi ích hỗ-tương và tôn-trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh-thô của nhau... Trên lãnh-vực bang-giao quốc-tế, chính sách rõ rệt và trước sau như một của Trung-hoa là tranh đấu cho chính-nghĩa cao cả của hòa - bình thế-giới và tự-do nhân loại ». Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc đã được Trung Cộng nhất tới trong một số hiệp - định song phương ký kết với Liên-xô (1950), Đông Đức (1955) Tiệp (1957) Hung (1959), Afghanistan (1960). Đồng Tác Vũ (Phó Chủ tịch Trung Cộng ngày nay), Chu-an-Lai đều có tuyên bố ủng hộ những mục-tiêu và nguyên-tắc của Hiến-

chương Liên-Hiệp-Quốc, là một thái-độ bất biến của Trung Cộng.

Một mặt khác Trung-Cộng cũng đã ủng hộ việc xét lại Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc, nhưng cương quyết chống lại việc sửa đổi có lợi cho phe Mỹ : ví dụ Trung Cộng tán thành việc Liên-xô phủ quyết, ngày 17-12-1967 đề-nghị tăng cường số hội-viên Hội - đồng Bảo-an và Hội-đồng kinh-tế xã-hội.

Tuy nhiên khi Indonésia tuyên bố rút chân ra khỏi Liên-Hiệp-Quốc vào 1965-1966, Bắc-kinh có đề-nghị hoàn toàn cải-tổ cơ-cấu Liên-Hiệp-Quốc và đã nói tới việc thành lập một « tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc có tính cách cách-mạng ». Trong thời-gian đó tuyên truyền Bắc-kinh tố cáo Liên-Hiệp-Quốc như là một dụng cụ xâm lăng của Hoa-kỳ và kẻ tội Liên-Hiệp-Quốc như sau : xâm-lược Triều-Tiên, chống đối Trung Cộng, can thiệp ở Đông Dương, chống đối Indonésia, can thiệp ở Cuba, xâm lăng Congo (Léopoldville), chống đối các nước Ả-rập, can thiệp ở Chypre...

Mặc dầu lên án Liên - Hiệp-Quốc nặng nề như vậy, nhưng chưa bao giờ Trung - Cộng phủ nhận Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc, chưa bao giờ công khai tuyên bố rút chân ra khỏi Liên-Hiệp-Quốc.

Từ khi có cuộc Cách-mạng Văn-hóa, thái-độ của Trung-Cộng đối với Liên-Hiệp-Quốc là một thái-độ chờ xem (wait and see). Trung-Cộng đã bỏ ý định thành lập một « Tân Liên-Hiệp-Quốc » và trong bữa tiệc đãi Thủ-tướng Congo Brazzaville sang thăm Bắc-kinh, Châu-an-Lai đã đòi « khôi phục những quyền chính đáng của Trung-hoa ở Liên-Hiệp-Quốc và trục xuất bè lũ TƯỚNG-giới-Thạch ».

Vấn đề hai nước Trung-hoa

Thực là một vấn-đề khó khăn và tế-nhị. Trục xuất Trung-hoa quốc-gia ư? Lấy cớ gì để trục xuất? Họ không phạm lỗi nào từ khi thành lập Liên-Hiệp-Quốc tới nay. Họ thực sự đại-diện cho khoảng 14 triệu dân Đài-loan và chừng 10 triệu Hoa-khẩu hải-ngoại. Họ kiểm soát một số đất đai gồm các đảo Đài-loan (36.000 km²) và một số quần đảo khác như Kim-môn, Mã-tổ, Bành-hồ... Họ còn hy vọng một ngày kia trở về tái chiếm lục-địa.

Từ chối mãi không chịu chấp-nhận Bắc-kinh vào Liên - Hiệp - Quốc ư? Trung-Cộng ngày nay đã thực sự kiểm soát 750 triệu dân với một lãnh-thổ gần 6 triệu cây số vuông. Tất cả mọi vấn-đề ở Á-châu và cả ở thế giới đều không thể giải quyết được nếu không có sự hiện-diện của Trung-Cộng.

Nhưng chấp nhận Trung-Cộng vào Liên - Hiệp - Quốc tức là phải chấp nhận họ vào Hội - đồng Bảo - an và có quyền phủ-quyết. Đó là điều mà Hoa-kỳ lo ngại nhất. Hơn nữa, chấp nhận Trung Cộng vào Liên-Hiệp-Quốc tất nhiên phải đuổi Trung-hoa quốc gia ra khỏi tổ-chức này. Đó là điều mà Liên-Hiệp-Quốc không thể làm được vì trái với Hiến-chương. Trung-hoa quốc-

gia cũng không bao giờ chịu dễ dàng đứng lên rũ áo ra đi, nhường cái ghế hội-viên thường trực của Hội-đồng Bảo-an một cách ngon lành cho Trung-Cộng.

Vậy làm thế nào để vượt qua những trở ngại lớn lao đó? Có một thuyết cho rằng, căn cứ trên thực-tế có hai nước Trung-hoa: một nước Trung-hoa kiểm soát lục địa, một nước Trung-hoa kiểm soát nước Đài-loan. Hai nước cùng có quyền cử đại-diện đến Liên-Hiệp-Quốc để đại-diện cho các phần mình thực-sự kiểm soát. Thuyết này, như chúng ta đã biết, đã bị cả Bắc-kinh lẫn Đài-Bắc cực lực bác bỏ và bên nào cũng nhận là đại-diện cho toàn-thể lãnh-thổ Trung-hoa.

Một thuyết khác cho rằng: Trên thực-tế chỉ có một Trung-quốc là hội-viên sáng lập Liên-Hiệp-Quốc. Vậy Liên-Hiệp-quốc có thể chấp nhận hai phái-đoàn đại-diện cho hai chính-phủ. Mỗi phái-đoàn có một phiếu tại Đại Hội-đồng. Nhưng Hội-đồng Bảo-an chỉ có một phiếu và phiếu đó phải dành cho lục-địa. Những người đưa ra thuyết này đã căn cứ trên một tiền-lệ là trường-hợp Liên-xô: Hiện nay Liên-xô có 3 phiếu ở Đại-Hội-đồng (Liên-xô, Ukraine và Biélorussie) và một phiếu ở Hội-đồng Bảo-an.

Thuyết này cũng khó lòng được cả 2 bên chính-phủ Trung-hoa chấp nhận.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Chưa biết trong tương lai vấn đề đại-diện của Trung-Cộng có những tiến triển mới nào không. Nhưng trong tình trạng ngày nay, vấn-đề không thể giải-quyết được mặc dầu vai trò mỗi ngày một quan trọng của Trung-Cộng. Số lượng những nước ủng hộ Trung-Cộng khó lòng đạt được đa số 2/3, cho dù những phiếu trắng có dồn hết cho phe ủng-hộ.

Trừ khi Liên-Hiệp-Quốc tìm ra được một biện-pháp nào mới mẻ, hoặc tình hình thế-giới đến một khúc quẹo mới, vấn-đề đại-diện Trung-cộng ở Liên-Hiệp-Quốc sẽ còn lòng vòng trong nhiều năm nữa và chưa ai biết nó sẽ được giải quyết ra sao. Người ta chỉ biết rằng sự giải-quyết này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến

tình-trạng của các nước chia đôi và sự gia nhập Liên-Hiệp-Quốc của các nước này. Nhưng một ảnh-hưởng ngược lại cũng có thể xảy ra. Chắc chắn là trong phiên họp Liên-Hiệp-Quốc năm nay, vấn-đề Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc sẽ lại được nêu ra. Mặc dầu Tổng-Thống Nixon có thái độ mềm dẻo hơn, mặc dù nhiều nước Tây-phương có vẻ vẫn Bắc-kính hơn, nhưng vấn-đề này vẫn chưa thể được giải quyết một cách dứt khoát, vì việc Trung Cộng nhảy vào Liên-Hiệp-Quốc sẽ làm cho cán cân lực lượng trên thế-giới mất thăng bằng một cách nguy hiểm khi mà giữa Tam cường chưa đi đến một thỏa thuận nào đáng kể.

VIỆT-PHƯƠNG

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

EINSTEIN

(1879 — 1955)



1914

Năm 1952 hay 1953, Đại-sứ Ấn-Độ ở Hoa-Kỳ là Mehta, lại thăm Einstein đề thay mặt chính phủ Ấn mời Einstein qua Ấn dự một hội nghị khoa học. Einstein vừa già vừa yếu, từ chối rồi nói thêm :

— Tôi thực ân hận vì tôi rất quý mến dân tộc An-Độ và Thủ-tướng Nehru.

Khi Mehta nói về các vĩ-nhân hiện-đại, so sánh Einstein với Gandhi, Einstein nhỏ nhẹ bảo :

— Ông ạ, xin ông đừng so sánh tôi với Gandhi. Gandhi đã giúp cho nhân loại được biết bao. Còn tôi, tôi đã làm được gì đâu ? Tìm ra được vài công-thức khoa-học, cái đó có gì là phi thường ?

Lời đó không phải là một lời nói nhữn. Einstein đã nhiều lần tỏ ý ngưỡng mộ Gandhi và trong nhà ông ở Princeton có treo một bức hình Gandhi.

Nhưng hầu khắp thế giới đều cho Einstein và Gandhi là những vĩ-nhân làm vẻ vang nhất cho nhân loại ở thế kỷ XX này.

Chúng ta phục nhất bộ óc lạ lùng của Einstein đã « tìm ra được điểm cốt yếu trong cái trật tự thâm áo của vũ trụ » (1), mà chúng ta cũng phục cái tâm của ông nữa : lý-tưởng nhân-bản tự do, hòa bình, hợp tác quốc tế mà ông bênh vực, nhất là từ đầu thế chiến thứ nhì cho tới khi ông mất, làm cho một nhà báo đã bảo : « Đức độ của ông còn rực rỡ hơn thiên tài của ông nữa. »

Hầu hết các nhà bác học chân chính đều có một cá tính cao đẹp, nhưng tôi chưa thấy ai bằng Einstein.

Chắc nhiều độc giả đã thấy chân dung của ông. Rất dễ nhận, chỉ coi một lần là nhớ : mớ tóc bạc phơ bù xù như bờm sư tử, vàng trán rộng, cao, nét mặt cân đối, phúc hậu, nhất là cặp mắt tinh anh mà hiền từ, lúc nào cũng như mơ mộng, suy tư.

(1) Lời của nhà bác học Oppenheimer

Đời học sinh

Albert Einstein sinh trong một gia đình Do-thái (nhưng không theo Do Thái giáo) ở Ulm (Đức) ngày 14 tháng ba năm 1879. Cha là Hermann làm chủ một xưởng nhỏ chế đồ điện, vui tính. Mẹ là Pauline Koch, hiền lương, thích chơi đàn piano mỗi khi rảnh công việc nhà.

Albert bẩm sinh từ tốn, bình tĩnh, không ưa các trò chơi hung hăng của các trẻ khác, thích cùng với em gái là Maya chơi chim và bọ rầy ở sân cỏ. Một lần cha cậu dắt cậu đi chơi gặp một đoàn quân đi qua thành phố kèn trống inh ỏi, theo sau là một bầy con nít hò la nhảy nhót; cậu sợ quá, nắm chặt lấy tay cha, khóc lóc, năn nỉ cha đưa về nhà, không chịu nổi tiếng ồn đó.

Sáu tuổi cậu vào học một trường Công giáo vì không có trường Do-thái nào ở gần. Mười tuổi, cậu vào trường trung học Luitold. Cậu không ưa kỷ-luật rất-nghiêm khắc của trường, không thích hai môn cổ ngữ Hi-lạp và La-tinh, ghét nhất cái lối học thuộc lòng niên đại và chi tiết về các biến cố lịch sử. Sau này, khi đã nổi danh rồi, Einstein vẫn mặt sắt lối học đó, bảo: "Cần gì phải nhớ mỗi giây ánh sáng đi được bao nhiêu cây số. Mở tự điển ra mà tra. Dạy học là tập cho trẻ suy nghĩ chứ không phải nhồi cho chúng nhớ."

Và cậu thích suy nghĩ, thường hỏi giáo sư: Tại sao vậy? Cách nào vậy? Khi giáo-sư hỏi, cậu chậm chạp suy nghĩ, cân nhắc rồi mới đáp, làm cho nhiều ông bực mình. Về mặt cậu lúc nào cũng như mơ mộng. Cậu cũng tự hỏi những câu chẳng hạn như: "Nếu có thể nhốt được một tia sáng thì sẽ ra sao nhỉ?"

Mười hai tuổi cậu bắt đầu mê môn hình học, cả ngày chỉ lúi húi làm toán lúc nào muốn nghỉ thì chơi vĩ cầm, thích nhất những bản du dương, vui tươi của Mozart.

Năm Albert mười lăm tuổi, công việc làm ăn của cha sa sút, gia đình phải qua Ý, để cậu ở lại Munich một mình vì đương giữa niên học. Cậu buồn bã, chán nản, học có phần kém đi, bị đuổi. Cậu qua Milan (Ý) ở với cha mẹ, thích nền trời sáng sủa ở Ý, thích tính tình vui vẻ, ưa ca nhạc của dân Ý.

Nhưng công việc làm ăn của cha ở Milan còn tệ hơn ở Munich, cậu xuất phải thôi học; may được mấy người anh họ tình nguyện giúp đỡ, cậu bèn qua Thụy Sĩ, (1) xin thi vào trường Bách Khoa *Polytechnicum* ở Zurich. Thi rớt vì kém các môn vạn vật học và ngoại ngữ; nhưng được Viện trưởng Herzog an ủi:

— Bài toán và bài vật-lý của cậu xuất sắc lắm. Cậu nên học lại các môn kém ở một trường trung học nào đó. Cậu mới mười sáu tuổi đầu mà vội gì. Tôi giới thiệu cho cậu một trường ở Aarau, cách đây năm chục cây số. Lại đó học vạn-vật học và ngoại ngữ đi. Cậu có tương lai về hai môn toán và vật-lý.

Không khí ở Aarau rất dễ chịu: kỷ luật không nghiêm khắc như ở Munich tình thầy trò, bạn bè lại thân mật. Học hết năm, Albert được vào trường *Polytechnicum* khỏi phải thi lựa ngành giáo sư chứ không phải kỹ sư như thân phụ muốn, chuyên về vật-lý và toán.

Hồi đó cậu đã bỏ quốc tịch Đức rồi,

(1) Vì ở Thụy Sĩ có trường dạy tiếng Đức ở Ý không có.

thích tinh thần tự do của Zurich, muốn nhập quốc tịch Thụy sĩ. Theo luật, phải sống trong nước bốn năm rồi đóng một số tiền. Cậu phải nhịn ăn nhịn tiêu, để dành mỗi tháng một phần tư số tiền được anh họ chu cấp.

oOo

Lựa con đường phát minh và nổi danh

Năm 1900, cha mất. Cũng năm đó cậu ra trường, được sắp ưu hạng về hai môn toán và vật-lý. Cậu viết trong nhật ký :

« Về khoa-học, tôi có nhiều ý hay lắm, nhưng phải một thời gian ấp ủ lâu rồi mới đưa ra được ». Cậu đã chê Newton là đưa ra những luật mà chẳng có bằng cứ gì cả.

Mặc dầu đậu cao, Albert xin việc ở đâu cũng bị từ chối, trong khi các bạn học tầm thường lại kiếm được chỗ tốt. Cậu phải dạy tại tư gia để kiếm ăn. Mãi đến mùa thu năm 1902, nhờ một người giới thiệu, cậu mới được vào làm Phòng Phát minh chấp chiếu ở Berne. Công việc của cậu là xét các phát minh người ta gởi tới xem có giá trị không, có phải là một sáng kiến không, hay chỉ là cóp một phát minh có từ trước để phát tờ chấp chiếu cho người ta.

Cậu hơi thích công việc đó, xét đoán mau và sáng suốt, được cấp trên mến. Có việc làm rồi, Albert cưới cô Mileva, bạn học cũ ở trường *Politechnicum*, và hai vợ chồng trẻ mượn nhà ở riêng, sống một cách cực khổ, nhưng vui : vợ lo việc nhà và lúc rảnh, hăng hái bàn về vật-lý với chồng.

Hồi này Einstein đưa một lý thuyết về các *photon* (tựa như «hạt» ánh sáng) được

đăng trên tờ *Niên-giám vật-lý*. Nhiều người không chấp nhận thuyết đó, nổi lên công kích, chàng tự tin, nói với vợ :

— Không sao... Kẻ nào đã lựa con đường phát minh thì phải tập chịu cảnh cô độc trên đường.

Ít lâu sau chàng lại đưa ra một thuyết mới nữa : thuyết « chuyển động brownien của các phần tử » mà chàng chứng minh bằng toán học. Nhờ thuyết đó, chàng được Đại-học Zurich cấp cho bằng Tiến-sĩ và giới khoa học Thụy-sĩ bắt đầu đề ý tới tên Einstein.

Năm 1905 Einstein lại chứng minh cũng bằng toán học rằng tốc độ của ánh sáng trong khoảng chân không là hằng số duy nhất trong vũ trụ : không có một năng lực nào có thể làm cho nó tăng hoặc giảm được, luôn luôn nó vào khoảng 300.000 cây số/giây.

Cũng năm đó, ông đưa ra « thuyết tương đối hẹp » (*théorie de la relativité restreinte*).

Ông bảo chuyển động đều (*mouvement uniforme*) nào cũng là chuyển động của một vật này tương đối với một vật khác. Ví dụ đứng trên một toa xe lửa đang chạy nhìn một chiếc xe hơi chạy dưới đường, nếu xe hơi chạy cùng chiều với xe lửa thì ta thấy nó chạy chậm, nếu nó chạy ngược chiều với xe lửa thì ta thấy nó chạy nhanh. Mà nếu toa xe đóng kín mít các cửa, tối om om, thì ta có cảm tưởng rằng xe lửa không chạy.

Vì thuyết của ông chỉ mới xét riêng về các chuyển động đều, nên ông gọi nó là « thuyết tương đối hẹp ». Thuyết đó giảng được vài cái mâu thuẫn trong môn vật lý thời đó, nên một số nhà bác

học rất phục ông. Như Witkowski, người Ba Lan, gọi ông là « một Copernic nữa mới ra đời ! » ; Max Plank, người Đức, khen ông là can đảm và độc đáo.

Năm đó Einstein mới hai mươi sáu tuổi !

$E=mc^2$ và nguyên-tử-lực

Nhưng độc đáo nhất là ý này : từ trước các nhà vật-lý-học đều cho năng lượng (énergie) và khối lượng (masse) là hai cái khác hẳn nhau ; Einstein không tin như vậy, thấy tốc độ của các électron càng tăng thì năng lượng của nó cũng tăng theo, ngờ rằng năng lượng và khối lượng chỉ là một. Ông suy nghĩ dùng toán học mà tìm ra được công thức lạ lùng này :

$$E=mc^2$$

nghĩa là năng lượng E bằng khối lượng m nhân với tốc độ, rồi lại nhân với tốc độ nữa. Chẳng hạn khối lượng một gram vật chất chứa một năng lượng (tính theo erg) bằng bình phương của tốc độ ánh sáng (tính theo cm). Như vậy một kilo vật chất nếu đổi ra thành năng lượng thì sẽ được 25 ngàn triệu kw giờ, nghĩa là bằng tổng số năng lượng mà kỹ nghệ điện sản xuất được ở Hoa-kỳ trong hai tháng (năm 1939), trong khi một kilo than đốt lên, chỉ cho ta được có 8,5 kw giờ thôi.

Công thức $E=mc^2$ làm xao động giới khoa học trên thế giới. Nó làm cho họ thấy cái năng lượng vĩ đại nằm trong cái nhân của nguyên tử, và sau này khi chế tạo được bom nguyên tử người ta mới thấy công thức đó đúng.

Nó lại giảng được tại sao mặt trời phát ra ánh sáng và sức nóng cả bao nhiêu tỉ năm nay mà không nguội đi, tắt đi.

Nếu mặt trời là than hay dầu lửa thì tất đã tắt ngúm từ lâu rồi ; sở dĩ còn cháy được là nhờ những phản ứng hạch-tâm tạo nên những năng-lượng theo công thức $E=mc^2$. Ta thử tưởng tượng chỉ một kilo vật chất tạo được 25 ngàn triệu kw giờ năng lượng, thì khối lượng lớn lao vô cùng của mặt trời kia tạo được biết bao là năng lượng.

Nhờ những phát minh đó, năm 1909, Einstein được mời làm giáo sư vật-lý ở đại học đường Zurich. Ông mừng lắm, viết thư báo tin cho thân mẫu : « Thắng Albert của má nay là giáo sư rồi má ạ. »

Lương của ông tăng lên, nhưng ông không lấy vậy làm vui, hỏi các bạn đồng sự : « Tại sao lương người này lại lớn hơn lương người khác, vì ai cũng có bốn phen phụng sự nhân loại như nhau cả ? » Mà tại sao lại tôn trọng người này hơn người khác ? Ông cư xử với người lao công cũng lễ độ như với ông viện trưởng viện đại học. Thái độ đó làm cho một số lớn bạn đồng sự không ưa ông.

Hai ông bà lúc này đã có hai người con trai Hans và Edouard, bà phàn nàn rằng không đủ tiêu, ông ngạc nhiên, hỏi tại sao. Bà giảng giải : tại có thêm con, và khách khứa nhiều hơn trước, từ khi ông được làm giáo-sư.

Ông thú thực không có cách nào kiếm thêm tiền được và bà phải nuôi thêm người ở trọ.

Năm 1910, ông được mời dạy môn vật-lý lý-thuyết ở đại học đường Prague, chức cao hơn, lương cũng cao hơn, năm 1912, lại được mời dạy ở trường *Polytechnicum* ở Zurich ; và hai năm sau, hai nhà bác học danh tiếng Max Plank và Walter Nernst lại mời ông làm giáo sư ở đại học đường Berlin và vô Hàn lâm viện

khoa học Đức. Ông chấp nhận với điều kiện là vẫn giữ quốc tịch Thụy Sĩ.

Lúc lên đường qua Berlin, ông sa lầy vì bà không thích sống ở Đức, nhất định ở lại Thụy Sĩ với hai người con. Không khí trong gia đình trong mấy năm nay không còn vui như hồi đầu: tính tình của bà không hiểu tại sao đã thay đổi, nhiều lúc quạu quọ. Ông hy vọng tới Berlin ít tháng rồi vợ con sẽ qua sau, nhưng tin tức cứ mỗi ngày mỗi thưa, và họ mặc nhiên ly thân nhau. Sau ông cưới cô Elsa, một người em họ, cũng đã ly thân với chồng, và có hai người con gái riêng. Cuộc hôn nhân sau này bền bỉ hơn, có hạnh phúc hơn: Elsa không biết chút gì về vật-lý, nhưng tận tâm săn sóc chồng.

« Einstein hạ giới » và thuyết tương-đối ra đời

Đầu năm 1916, Einstein phát triển thêm «thuyết tương đối hẹp» thành «thuyết tương đối tổng quát» (relativité généralisée). Lúc đó mọi người mãi theo dõi những tin tức trên mặt trận Pháp, nên chỉ có một số ít tờ báo đăng tin phát minh mới đó của ông; vả lại thuyết đó cao quá, tương truyền khắp thế giới chỉ có mười hai nhà bác học hiểu nổi. Nhưng ai đã hiểu nổi cũng phải nhận rằng nó là một cuộc cách mạng vĩ đại vào bậc nhất trong khoa học từ thời Newton tới nay.

Suốt hai thế kỷ, người ta đều nhận thuyết vạn vật hấp dẫn của Newton là đích xác rồi, giải được những vấn đề căn bản của khoa học, đến nỗi một thi sĩ Anh Alexandre Pope (1688 — 1744) đã ca tụng Newton như sau :

Nature et Nature's law lay hid in night.

God said, let Newton be ! and all was light.

Thiên nhiên và luật Thiên nhiên còn chìm trong bóng tối;

Thượng-đế truyền : «Newton hạ giới !»
Và vũ-trụ bừng sáng.

Nhưng khi thuyết «tương đối suy rộng» của Einstein xuất hiện có người đã đề nghị thêm hai câu dưới đây nữa :
Nhưng chẳng được bao lâu, rồi Quỷ Satan bảo :
« Einstein hạ giới ! » Và vũ trụ lại tối tăm lại.

Hai câu đó diễn được ý kiến rất phổ biến này : học thuyết của Newton đã sụp đổ, khoa vật lý trước thế kỷ XX cũng sụp đổ, người ta không thể giảng vũ-trụ bằng cơ học (mécanique) nữa. Nhưng bảo rằng : « Vũ trụ lại tối tăm lại » thì sai, vì thuyết của Einstein giảng được vũ trụ một cách đúng hơn trước.

Newton chỉ coi sự hấp dẫn (gravitation) là một sức mạnh. Einstein dùng môn toán để chứng minh rằng khoảng ở chung quanh bất kỳ một thiên cầu nào (mặt trời, mặt trăng, trái đất, các ngôi sao...) đều là một trường hấp dẫn (champ gravitationnel) cũng như trường từ tính (champ magnétique) ở chung quanh một cực nam châm.

Mấy thế kỷ nay, thuyết của Newton không giảng được chuyển động khác thường của hành tinh Mercure, nay theo thuyết của Einstein, thì những chuyển động đó hiểu được. Sức hấp dẫn của champ gravitationnel đó lớn đến nỗi tia sáng gặp nó phải quẹo đường đi.

Cũng theo thuyết của Einstein, vũ trụ là một khoảng cong, và như vậy

vũ trụ không phải là vô biên nữa. Điều đó, tất cả cá: nhà thiên văn cho là vô lý. Các nhà hình học cũng hoang mang: phải bỏ môn hình học ba chiều (trois dimensions) của Euclide, mà thay vào một môn hình học bốn chiều.

Không do nhận xét thiên nhiên, không thí nghiệm, chỉ suy nghĩ rồi làm toán (Einstein đã có lần nói rằng phòng thí nghiệm của ông là cây viết máy của ông), Einstein chứng minh được thuyết của ông. Ông bảo rằng tia sáng một ngôi sao khi tới gần mặt trời, uốn cong về phía trong, thành thử ở trái đất nhìn lên, ta thấy vị trí của ngôi sao sai đi một chút, cũng như khi thọc một đầu gậy xuống nước, ta thấy đầu gậy không ở đúng vào vị trí thực của nó.

Và vì vũ trụ là một không gian cong, một tia sáng của một ngôi sao nào đó có thể sau hàng tỉ năm, đi vòng quanh vũ trụ rồi lại trở về chỗ nó phát xuất, cũng như chúng ta đi vòng quanh trái đất lại trở về Saigon vậy.

Các nhà bác học không bác được lối tính của Einstein, nhưng cũng chưa tin hẳn, mãi tới bốn năm sau, ngày 29 tháng 5 năm 1919, nhân một lần nhật thực, dùng máy ảnh để chụp hình ở Sobral (Brésil), mới thấy rằng quả nhiên tia sáng của một ngôi sao đã uốn cong đi khi lại gần mặt trời, mà vị trí của ngôi sao đó đã xê dịch khoảng 1,45 giây cung (seconde d'arc), đúng như Einstein đã tính trước.

Lúc đó người ta mới phục bộ óc vĩ đại của ông. Và ba năm sau, năm 1922, ông được giải thưởng Nobel về vật lý, nhưng không phải vì "thuyết tương đối" mà vì một công trình nghiên cứu về photon. Số tiền năm ngàn Mỹ kim nhận được,

ông tặng một nửa cho một cơ quan từ thiện, còn một nửa giao cho người vợ trước để nuôi hai người con trai của ông. Ông không có thêm người con nào nữa với bà vợ sau. Hai người con của ông sau này đều nên người và đều quý mến cha.

Đi khắp thế-giới diễn thuyết

Sau ngày 29 tháng 5 năm 1919, danh của Einstein nổi lên như cồn. Chính quyền Đức, mới đầu có tính cách dân chủ, ngỏ ý mời ông về quốc tịch Đức để ủng hộ chế độ dân chủ, ông từ chối, bỏ quốc tịch Thụy Sĩ, trở về quốc tịch Đức. Dân chúng trước kia không để ý gì tới thuyết tương đối, bây giờ nhao nhao lên đòi phổ biến thuyết đó: từ các ông tổng trưởng tới các phu mỏ, ai nấy cùng hỏi nhau thuyết tương đối ra sao. Một người Hoa Kỳ ở Paris đặt một giải thưởng năm ngàn Mỹ Kim để tặng tác giả thiên khảo luận nào hay nhất về thuyết đó. Các nhà xuất bản đua nhau in các tập khảo luận đó, đa số viết sai bét, còn một số thì khó quá, chỉ một nhà vật lý học hoặc một nhà toán học hạng giỏi mới hiểu nổi. Để thỏa mãn nhu cầu của đại chúng, Einstein viết một cuốn cho những người trình độ trung bình, biết kha khá về toán, tức cuốn *Relativity: The Special and the General Theory* xuất bản năm 1921.

Thế là trường đại học nào cũng đông nghẹt, tới nỗi cảnh sát phải đứng chặn ở cửa, giữ trật tự không cho người ta chen lấn nhau. Ít ai hiểu được thuyết của ông, nhưng ai cũng muốn coi tượng mạo ông ra sao mà đã đoán trước được sự đi lệch đường của tia sáng. Đủ các hạng người lại châu chực ở nhà ông

đề xin chữ ký. Nhiều trường đại học Âu-châu mời ông lại dạy. Ông không còn được yên ổn làm việc nữa, có lần bức mình, nói với học giả Ratheneau, bạn thân mà cũng là một người gốc Do Thái như ông :

— Tôi chỉ mới tìm được một nguyên tắc; tìm được nguyên tắc là nhận định được một cái gì đã có trước rồi, chứ có sáng tạo được gì đâu, mà sao thiên hạ hoan hô như vậy ?

Mấy năm sau ông phải đi khắp nơi diễn thuyết: Hòa Lan, Áo, Mỹ. Tàu vừa cập bến New York các nhà báo bu chung quanh ông. Một người hỏi :

— Thưa giáo sư, có phải khắp thế giới chỉ có mười hai người hiểu được thuyết tương đối ?

Ông đáp :

— Tôi không bao giờ tuyên bố như vậy cả. Tôi đâu có muốn lập một thuyết chỉ đề cho mười, mười hai người hiểu nổi. Các nhà vật-lý-học đều hiểu thuyết đó, một số sinh viên của tôi cũng vậy.

Rồi một tay cầm chiếc vĩ cầm, một tay dắt vợ, ông bước xuống cầu thang.

Dân chúng New York đứng chật đường hoan hô ông, từ cửa sổ tung giấy hoa xuống đầu ông. Ông nói với bà :

— Tội mình y như đoàn xiếc vậy. Anh cứ tưởng thiên hạ thích ngắm một con hươu cao cổ hay một con voi hơn là ngắm một nhà vật-lý-học chứ !

Khi người ta hỏi ông cảm tưởng về New York ra sao, ông đáp :

— Các bà các cô ở đây thích mỗi năm đổi «mốt» một lần. Năm nay có «mốt» mới, là mốt tương đối.

Lần đó ông qua Mỹ là theo lời mời của Chaim Weizmann, một nhà ái quốc

Do Thái sau này làm Tổng-thống đầu tiên của Quốc gia Do Thái. Ông diễn thuyết đề lấy tiền giúp thành lập viện Đại-học Do-Thái ở Palestine. Tại Hàn lâm viện Quốc-gia (National Academy) ông bảo : « Một người, sau nhiều năm tìm tòi mà tình cờ kiếm ra được một ý, vén được một chút bí mật của vũ trụ, thì có gì đâu mà đáng được tán tụng. Sự thích thú khi tìm kiếm được, đã đủ là phần thưởng cho người đó rồi ».

Ông thích tinh thần lạc quan của người Hoa-kỳ nhưng chê họ ham tiền, ham vật chất quá, mà sao các vụ trộm cướp, giết người nhiều thế.

Từ Mỹ ông bà trở về Anh, rồi Pháp, được gặp gần hết các nhà bác học danh tiếng nhất thế giới, khi trở về Đức thì tình hình ở Đức bắt đầu xáo trộn dữ dội : Đức thất trận, bị Anh, Pháp, bắt bồi thường những khoản khá nặng, dân chúng nghèo khổ, Đức kim mất giá kinh khủng, có những người hồi trước chiến tranh, giữ một địa vị quan trọng, bây giờ phải đi ăn xin. Người ta đổ lỗi cho chính phủ Cộng-Hòa và cho bọn Do Thái, và dân chúng bị Hitler thuyết phục.

Bạn thân của ông, Rathenau, bị ám sát, chỉ vì là Do Thái, và có người dọa rằng sau Rathenau, sẽ tới phiên ông, nên ông tránh, ít khi ra mặt trước công chúng và nắm ngay cơ hội đề qua diễn thuyết ở Trung-Hoa, Nhật Bản.

Dân chúng Nhật hoan nghênh ông nhiệt liệt, ông cảm động nhưng bức mình vì phải dự tiệc, bắt tay và tặng chữ ký. Chính trong khi ở Nhật ông hay tin được tặng giải thưởng Nobel.

Trên đường về châu Âu, ông ghé Palestine, Y Pha Nho.

oOo

Thuyết «Champ unifié» chìa khóa của vũ trụ ?

Từ 1929, ông bắt đầu để hết tâm lực để dựng một thuyết mới nữa, thuyết «champ unifié» (trường hợp nhất). Suốt hai mươi năm, ngoài các công tác khác như diễn thuyết, dạy học, viết báo hô hào tự do, sự hợp tác quốc tế..., với một đức kiên nhẫn vô biên ông cặm cụi làm không biết bao nhiêu bài toán, lộn vào giỏ giấy không biết bao nhiêu tờ toán ông thấy là sai, để răn chứng minh thuyết đó. Có lần ông làm toán trên bảng đen, sau thấy là lầm, viết mấy chữ dặn thím giúp việc nhà : «Chùi giùm cho»; rồi ông đi dõm viết trên một tấm bảng bên cạnh :

Nhưng đừng chùi hàng này :

$$2 + 2 = 4.$$

Mãi đến năm 1950, năm năm trước khi mất, ông mới công bố thuyết « champ unifié ». Một nhà báo tìm cách xâm nhập được vào phòng làm việc của ông hỏi :

— Giáo sư có thể giảng cho độc giả của chúng tôi hiểu được thế nào là thuyết « champ unifié » không ?

Ông ân hận lắc đầu :

— Trên nhật báo, chỉ những con số ở trang kinh tế, tài chính là độc giả thích đọc thôi. Ông có thể cho độc giả của ông hay rằng, khi thuyết « champ unifié » được áp dụng thì ít hao đèn vô-tuyến-điện hơn.

Sau ông giảng thêm trên tờ *New York Times* :

— Tôi muốn chứng minh rằng những sức hấp dẫn của vạn vật với những sức điện từ (forces électromagnétiques) liên quan chặt chẽ với nhau chứ không thể tách biệt ra được. Tôi đã chứng minh

được những luật chi phối hai loại sức căn bản đó...

Theo thuyết của ông thì những luật vật lý chi phối nguyên tử nhỏ xíu cũng chi phối cả các thiên thể mênh mông nữa, nghĩa là toàn thể vũ trụ. từ những vật vô cùng nhỏ, tới những vật vô cùng lớn, đều theo những luật chung. Hấp dẫn lực, điện lực, điện từ lực, năng lực nguyên tử đều bao gồm chung trong thuyết đó, nó là cái chìa khóa của cả vũ trụ. Ông mới dùng toán học mà dựng nên thuyết « champ unifié », còn phải đợi sự xác nhận bằng những sự kiện vật lý, cũng như trước kia, thuyết tương đối phải đợi đến năm 1919 mới được xác nhận trong khi ngắm nhật thực. Nhưng ông tin chắc rằng, thuyết ông đúng, mà vũ trụ quả là hòa hợp, hợp nhất, có một trật tự kỳ dị.

Có thể rằng một ngày kia, thuyết của ông được xác nhận và lúc đó khoa học mới thực là xáo trộn hết, phải giảng lại hết, và nhân loại sẽ phải coi ông là bậc thần chứ không phải là người nữa

oOo

Được đứng chung với các vị Thánh

Ngày 14 tháng 3 năm 1929 là ngày lễ ngũ tuần của ông. Ông trốn Berlin từ mấy ngày trước để tránh các cuộc tiếp rước, chúc tụng, nhất là các cuộc phỏng vấn của nhà báo. Ông lại khu trại mênh mông của một người bạn trên bờ sông Havel, nghỉ ngơi vài ngày : chơi vi cầm, nấu ăn lấy, nhất là thả tàu buồm trên dòng nước. Nhưng cả trong những lúc tiêu khiển, óc ông cũng không quên các bài toán, khi tìm ra được một lối nào là trở ngay về phòng giấy, hí hoáy làm lại

Nhân dịp sinh nhật đó, các bạn thân của ông và một ngân hàng ở Berlin tặng ông một chiếc du thuyền rất đẹp, ông rưng rưng nước mắt, bảo : « Các bạn ấy mến tôi đến thế này ư ? »

Khi trở về Berlin, ông thấy phòng giấy chật những thiệp chúc thọ và quà cáp của mọi hạng người ở khắp nơi : thợ thuyền, sinh viên, các nhà bác học, thủ tướng Đức, vua Ý Pava Nho, hoàng đế Nhật... Và vinh dự lớn nhất : Viện Thiên-văn-Vật-lý Potsdam ở gần Berlin đã dựng cho ông một pho tượng đồng gọi là «tháp Einstien».

Hội đồng thành phố Berlin muốn tặng ông một trại nhỏ ở ngoại ô, tại làng Caputh. Nhưng có một nhóm người phản đối, thủ tục kéo dài, ông bèn viết thư từ chối :

— Thưa ông Đô trưởng, đời người ngắn ngủi quá, mà nhà cầm quyền làm việc chậm chạp quá... Vậy tôi xin cảm ơn nhà ý cùng thịnh tình của ông. Ngày sinh nhật của tôi đã qua rồi, tôi không nhận vật tặng đó nữa.

Và ông phải bỏ tiền ra cất cho xong căn nhà ở Caputh vì đã lỡ mua của chủ đất rồi.

Năm 1929 đó là năm vui nhất của ông ở Berlin, mà năm đó cũng chính là năm kinh tế bắt đầu khủng hoảng ở Mỹ rồi lan qua châu Âu, tới khắp thế giới. Hoa kỳ không thể cho Đức vay tiền khẩn thiết được nữa, các xưởng máy, nhà buôn ở Đức lần lần phải đóng cửa, hằng mấy triệu người thất nghiệp các ngân hàng bị phá sản. Dân chúng khốn khổ, bất bình, ủng hộ Hitler, đảng Quốc-xã phát triển rất mạnh, hô hào sự bạo động, diệt các tự do cá nhân, và tái vũ trang.

Năm 1931 ông qua Mỹ hợp tác với các nhà bác học ở Viện Công nghệ Californie. Trong khi ông ghé New York, ông được mời tới giáo đường Riverside Church để coi hình ông tạc trên một bức tường cùng với các vị thánh và mười ba nhà bác học khác vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Ông hỏi người dắt dẫn ông :

— Trong số các hình đó, phải chỉ có một mình tôi là còn sống không ?

Người đó đáp :

— Vâng. Cảm tưởng của giáo sư ra sao ?

— Tiến bộ lắm. Một giáo đường Ki-tô mà tạc tượng một người Do Thái.

Nghĩa là ông mong rằng hết sự kỳ thị giữa hai tôn giáo rồi, mà vinh dự ông được hưởng đó chính là vinh dự của cả dân tộc Do Thái chứ không phải của riêng ông.

oOo

Đầu Einstein bị Hitler treo giá hai vạn Đức kim

Thấy tinh thần hiếu chiến của dân tộc Đức đương hăng Einstein tổ chức một nhóm quốc tế chống chiến tranh, viết thư cho các nhà bác học khắp thế giới, đề nghị nêu gương hợp tác hòa bình, đừng chế tạo các vũ khí và các chất hóa học giết người. Nhưng chỉ có một nhóm ít nhà hưởng ứng như Paul Painlevé, Sigmund Freud, Rabindranath Tagore.

Về Đức năm 1931, ông lại tiếp tục hô hào chính sách hòa bình. Trong năm đó ông xuất bản một cuốn nghiên cứu khoa học, nhan đề là *Cosmic Religion* (Tôn giáo vũ trụ) chủ trương rằng vũ trụ là một toàn thể hợp nhất, có trật tự.

Năm sau ông lại qua hợp tác với các nhà bác học ở Californie. Ông đương ở đó thì hay tin Hitler lên cầm quyền. Ông lại New York cho viên đại sứ Đức hay rằng đảng Quốc Xã còn cầm quyền thì ông không muốn trở về Đức. Viên Đại-sứ nói riêng với ông :

— Thưa giáo sư, lấy tư cách cá-nhân chứ không phải tư cách Đại-sứ, thì tôi có thể thưa với giáo sư rằng giáo sư tính như vậy là phải.

Mùa xuân năm sau, ông về châu Âu, ngừng chân tại Bỉ. Có tin đồn rằng người ta tính ám sát ông, chính quyền Bỉ phải cho lính bảo vệ ông. Bọn Đức Quốc xã cho in một cuốn album có hình tất cả những người mà họ cho là chống đối họ và chưa bị xử tử : hình của Einstein ở trang đầu.

Bà Elsa bảo chồng :

— Em ngại cho tính mạng của mình quá.

Ông đáp :

— Thì họ giết mình là cùng, chứ có thể làm gì mình hơn được nữa đâu.

Trong lúc đó, bọn Đức Quốc xã tịch thu tất cả của cải của Einstein ở Caputh, đốt hết tất cả các sách và bài báo ông đã viết ở tại công viên trước Hi viện Berlin. Một vài giáo sư ở Đức vẫn còn dạy về thuyết tương đối nhưng tuyệt nhiên không nhắc tới tên Einstein.

Ở Bỉ, không thể nghiên cứu gì được, lại hay tin rằng Hitler đã treo giá cái đầu ông là hai vạn Đức kim, đau lòng nhất là thấy các nhà bác học như Plank, bạn thân của ông, trước đã giúp đỡ ông, bây giờ cũng vì sợ chết, phải theo bọn Quốc xã mà mật sát ông, ông qua

Anh viết bài tố cáo chính sách tàn bạo, vô nhân đạo của Hitler, và hô hào người Đức tị nạn Quốc xã. Bọn được lệnh ám sát ông, theo ông qua Anh và chính quyền Anh phải tăng cường đoàn hộ vệ ông.

Qua Princeton

Sau cùng ông phải qua Mỹ, nhận một chân giáo sư ở Princeton (New Jersey).

Viện đại học dành cho ông một phòng riêng để làm việc, và hỏi ông cần những đồ đạc gì.

Ông đáp :

Tôi chỉ cần một cái bàn, một cái ghế dựa, phòng đã có sẵn bàn đèn rồi. (Ông ngó khắp phòng rồi nói thêm) Với một giỏ giấy nữa để tôi liệng vào đó những bài toán sai.

— Giáo sư sẽ nghiên cứu về gì ?

— Tôi muốn khai triển thuyết tương đối hẹp và tương đối tổng quát cho có liên lạc chặt chẽ với nhau hơn. Tôi mong tiếp tục công việc của tôi về *quantum*. Sau cùng tôi ước ao gom hết các hiện tượng vật lý vào chung một số công thức toán học, tìm được những luật chung chi phối từ những *protonélectron*, cho tới các vì tinh tú.

— Làm sao mà có thể như vậy được. Einstein ôn tồn đáp :

— Nếu không có một sự hòa điệu thâm trầm trong vũ trụ thì không thể có khoa học được.

Vậy là Einstein tiếp tục suy tư về thuyết "champ unifié" như trên đã nói.

Đời sống và điều kiện làm việc ở Princeton thật dễ chịu. Không khí tĩnh mịch, giáo sư ít, nhưng ông nào cũng có thực tài, sinh viên nghiêm trang và được lựa kĩ.

Nhưng có lúc ông thấy ngượng vì ăn lương mà chẳng làm gì cả ngoài cái việc suy nghĩ. Ông cho rằng ít nhất cũng phải làm một công việc để sinh nhai; như triết gia Spinoza chẳng hạn làm việc mài kính mỗi ngày mấy giờ, rồi mới viết lách. Ông cũng muốn dạy học như các giáo sư khác, còn thì giờ mới nghiên cứu thêm, như vậy mới thực độc lập, khỏi tùy thuộc ai cả.

Ông nói với môn đệ của ông là Léopold Infeld:

— Tôi muốn làm một việc tay chân như đóng giày, để kiếm ăn, mà chỉ coi môn vật-lý là môn tiêu khiển, như vậy có lẽ còn thú hơn là dạy vật lý.

Nhiều người cho ý tưởng đó thật lạ lùng, nhưng nếu suy nghĩ kĩ thì hiểu tâm lý ông: Ông cho vật-lý là cái gì lớn lao, cao đẹp, không nên để cho cái

hơi đồng làm cho nó mất thanh khiết đi.

Năm năm sau, đủ kì hạn do luật định rồi, ông xin nhập tịch Hoa-Kỳ. Cuối năm 1936 bà Elsa mất, từ đây ông sống một đời gần như cô độc. Trong mấy chục năm bà lo hết việc nhà cửa, tiền nong cho ông, nhắc ông đi ăn hoặc bận thêm áo, che chở ông cho khỏi bị khách khứa, nhất là các sinh viên, nhà báo, lại quấy rầy, lựa thư từ, trả lời nhiều cuộc phỏng vấn thay ông, mỗi khi có những kẻ tò mò muốn biết về lối sống của ông. Hai người con trai riêng của ông lúc đó cũng đã qua Hoa-Kỳ, có gia đình, ở xa ông. Cũng may còn một người con gái riêng của bà ở lại săn sóc cho ông. Năm đó ông 57 tuổi.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT



Nhức đầu *• Nhức* **Budon** **TRI:**

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt-san **BÁCH-KHOA**

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800 đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ.
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539.

L ư ợ c k h á o v ề

D ư ợ c - L I Ệ U T Â Y - Y

Primum non nocere

Bất cứ thức gì có khả-năng chữa lành, làm dịu, hoặc phòng ngừa bệnh-tật đều được Tây-Y gọi là *thuốc*, là *dược-chất*, là *dược-liệu*. Thực ra, nhiều chất có thể là *dược-phẩm*, *thực-phẩm* hoặc *độc-phẩm*, tùy theo liều-lượng dùng. Ví dụ muối. Vốn là thức ăn hằng ngày của chúng ta, muối đồng thời cũng là một vị thuốc khi đem pha-chế thành *thanh-huyết* để tiêm hoặc cũng có thể là một chất độc, nếu tiêm quá liều. Dầu-gấc trộn với xôi là một món ăn rất ngon, rất đẹp. Đối với người thiếu sinh-tổ A, dầu gấc là một vị thuốc, nhưng đối với người gan kém không tiêu hóa được carôten thì dầu gấc là một chất độc, làm hại gan thêm. Hạt bí ngô là một món ăn trẻ con ưa thích, nhưng cũng có thể là một vị thuốc trục sán, nếu dùng nhiều và ăn lúc đói.

Dược-lý-học khảo-sát tác-dụng các *dược-chất* trên cơ-thể. Và đứng về mặt *dược-lý-học*, ta có thể nói rằng một chất là *thức ăn*, nếu có tác-dụng giữ *quân-bình* cho cơ-thể, cho nội môi; là *thuốc*, nếu có tác-dụng chữa bệnh, phòng bệnh; là *chất độc*, nếu gây rối-loạn hoặc làm *tồn-thương* cơ-thể, thậm chí có khi gây *tử-vong*.

Trong thực-tế, chúng ta cần nhận rõ rằng không phải chỉ có thuốc mới giải-quyết được bệnh. Có nhiều bệnh không cần thuốc cũng *thanh-toán* được. Chẳng

hạn trẻ sơ sinh bú sữa mẹ, đi tiêu lỏng chỉ cần điều-chỉnh lại giờ giấc, số lượng sữa cho bú là tự khắc khỏi. Đầy bụng, muốn nôn, ngoáy cổ họng cũng có thể khiến nôn.

Vả lại, thuốc có tác-dụng không phải một cách đơn thuần, mà chính cơ-thể con người cũng đóng một vai trò rất quan trọng. Chẳng hạn trong phòng thí-nghiệm, Pênixilin không diệt được xoắn trùng mầm bệnh giang-mai, nhưng tiêm vào người, thuốc lại có hiệu-quả.

Do đó, trong việc dùng thuốc, muốn kết quả cần nắm vững liều-lượng, *độc-tính*, tác-dụng của thuốc, và đồng thời, điều-trị phải toàn diện, lưu tâm đến chế-độ ăn uống, yên tĩnh nghỉ-ngoi, giải-trí, thể-thao...

Vì *dược-lý-học* quá bao - quát, nên được *tế-phân* thành nhiều khoa khác, như *dược-lực-học*, *dược-hóa-học*, *dược-chẩn-học*, *dược-liệu-học* ...

Phương-vị môn Dược-liệu-học.

Hiểu cho thực đúng nghĩa *dược-liệu-học* là *khoa-học* nghiên cứu các *thuốc thảo-mộc* và *động-vật*.

Cho tới thế-kỷ thứ 18, mọi dữ-kiện liên hệ đến thuốc — từ thuốc có ngi ồn gốc *hóa-học* vô cơ, hữu cơ, đến thuốc nguồn gốc *thảo mộc*, *động-vật* — đều được giới thiệu trong một bộ môn:

nghiên-cứu nguồn gốc, cách chế biến và tác-dụng các vị thuốc trên cơ-thể.

Đến đầu thế-kỷ thứ 19, dược-học tách ra làm hai môn: môn bào-chế nghiên-cứu các nguyên-liệu chế thuốc và cách chế thành các dạng thuốc; môn dược-lý nghiên-cứu tác-dụng của các vị thuốc trên cơ-thể động-vật.

Nhưng rồi càng ngày số lượng nguyên-liệu thiên-nhiên dùng làm thuốc càng gia-tăng, việc khai-thác khảo nghiệm các nguyên-liệu ấy càng phát-triển, và trong phạm-vi một quốc-gia thì nguyên-liệu ở trong một nước không đủ dùng hay dư dùng, đưa đến sự trao-đổi buôn-bán các vị thuốc giữa các nước, càng ngày càng bình-trường mạnh-mẽ. Một kỹ-nghệ mới xuất-hiện, kỹ-nghệ chế-biến sơ bộ các nguyên-liệu dùng làm thuốc để trao-đổi buôn-bán, dưới dạng-thái nhỏ hay tán bột. Nhưng đồng thời những khó-khăn bắt đầu xuất-hiện, khi y-giới thấy cần nhận-thức phân biệt các vị thuốc thái nhỏ, tán bột, cần kiểm-soát mức-độ tinh-khiết của các dược-chất vi-chế, nhất là các vị thuốc quý-giá, đắt tiền, vì có sự pha chế cố-tình của bọn buôn bán thuốc thiếu lương-tâm hoặc sự trộn lẫn vô-tình, thất thường của các nhà sản-xuất đứng-dẫn.

Do đó, người dược-sĩ tự thấy có nhiệm-vụ phải thấu-triệt các phương-pháp để xác định *tính đúng, tính tinh-khiết và phẩm-chất tốt* của dược liệu: một môn học mới thành hình, và được quy định rõ rệt nhiệm-vụ, tức là môn *dược-liệu-học*.

Như vậy, lần về quá khứ, khảo về lịch-sử của môn dược-liệu-học, ta thấy rằng bộ môn này thoạt kỳ thủy có nhiệm

vụ *xây-dựng và tiến hành những phương pháp để kiểm-tra các vị thuốc thảo mộc và động-vật*. Hiện nay, cùng với đà tiến-triển chung của y-khoa, môn dược-liệu-học còn có nhiệm-vụ *phát-hiện và nghiên-cứu những vị thuốc thảo mộc và động-vật trong mỗi nước, điều-hòa, canh-tân, hợp-lý-hóa sự khai thác; nghiên-cứu để nâng cao và bảo đảm phẩm-chất dược-liệu*.

Cho đến giờ đây là môn dược-liệu-học hiểu theo nghĩa chân xác của từ-ngữ, tức là môn học khảo-sát các loại thuốc thực-vật và động-vật. Hiểu theo nghĩa này, ta thấy tất cả tầm quan-trọng của dược-liệu-học trong y-lý, nhất là y-lý cổ-truyền, vì từ xưa tới nay, tuyệt-đại đa số đồng bào và đồng-chúng chúng ta chỉ được điều-trị bằng các môn thuốc dân-tộc, phần nhiều lấy ở thảo-mộc, động-vật và được bào-chế theo phương-pháp kinh-diễn.

Nhưng trong bài này, sẽ quan-niệm từ-ngữ dược-liệu rộng-rãi hơn nhiều, và dược-liệu, từ dòng này trở đi, chỉ có nghĩa giản-dị là thuốc, bất cứ là loại thuốc gì.

Tác-dụng của thuốc

Thuốc đưa vào cơ-thể có rất nhiều tác-dụng.

Trước hết, có thể có *tác-dụng tại chỗ và tác-dụng toàn diện*. Bôi thuốc đỏ lên da, chùi cồn lên chỗ tiêm, là dùng tác dụng tại chỗ của thuốc. Dân ghiền tiêm hê-rôin hay thầy thuốc chích morphin, thì thuốc chỉ tác-dụng sau khi đã vào máu, lan ra toàn thân rồi ảnh-hưởng đến thần-kinh-hệ. Thực ra, tác-dụng tại chỗ và tác-dụng toàn diện chỉ là hai mặt của một quá-trình, và có thể là *trực-tiếp* hay *gián-tiếp*. Một hình-thức quan-trọng của tác-dụng gián-tiếp là

tác-dụng phản-xạ. Trường-hợp một bệnh nhân bị ngất, được cho ngủi amônhiac là điển-hình : amônhiac kích-thích ngọn giây thần-kinh trong màng nhầy mũi, kích-thích này theo giây thần-kinh truyền đến hệ thần kinh trung-ương, hoạt động của thần kinh trung-ương làm tăng-cường hoạt-động của tim, mạch máu, bộ hô-hấp, và khiến bệnh-nhân hồi tỉnh. Tất cả diễn ra theo một phản-xạ, không có sự tri-giác của người đang ngất xỉu.

Thuốc có thể có *tác-dụng chính* và *tác-dụng phụ*. Thí dụ uống digitalin thì cơ tim bóp mạnh (tác-dụng chính) nhưng dạ-dầy và ruột bị kích-thích gây tiêu chảy (tác-dụng phụ).

Tác-dụng của dược-chất có thể *hồi-phục* hoặc *không hồi-phục*. Chẳng hạn khi tiêm rôvôcain để gây tê thì giây thần-kinh chỉ bị ức-chế nhất thời, nhưng khi dùng nitrat bạc để đốt cháy một miếng thịt lồi ngoài da, thì miếng thịt sẽ ra đi không bao giờ trở lại. Thuốc sau khi tác-dụng, phải được thải-trừ ra ngoài hoặc bị phá-hủy trong cơ thể. Nhưng nếu thuốc được dùng với một liều-lượng cao hoặc dùng lâu, thì sẽ có tác-dụng không hồi-phục. Chẳng hạn, nếu gây mê mà kéo dài mãi thì sẽ tạo thương-tồn vĩnh-viễn : vì lẽ đó, khi bệnh-nhân cần mê nhiều lần thì, theo nguyên-tắc, mỗi lần mê và gây mê phải cách nhau vào khoảng mười lăm ngày.

Hai hoặc nhiều vị thuốc dùng phối-hợp có thể ảnh-hưởng vào tác-dụng riêng rẽ của nhau. Để cho dễ hiểu, ta có thể nói rằng dùng thuốc A và B cùng một lúc chẳng hạn, thì B có thể làm thay tác-dụng của A. Nếu tác-dụng của A gia-tăng, y-học mô-tả B có tác-dụng *hợp-đồng* với A. Ngược lại, nếu tác-dụng của A bị giảm, thì B được xem là có tác-dụng *đối-lập* với A. Các hỗn-

hợp sulfamid, phối-dược penixilin và streptomycin là những thí-dụ thông-thường về tác-dụng hợp-đồng. Tác-dụng hợp-đồng có thể xảy ra ở nhiều cơ-quan bộ-phận khác nhau trong cơ-thể : thí dụ trong phòng mổ, chuyên-viên gây mê dùng đồng-thời morphin, scopolamin và ête (morphin tác-dụng trên cảm-giác, scopolamin tác-dụng trên vận-động, ête làm mềm cơ bụng). Tác-dụng đối lập như trường-hợp của pilôcarpin làm tiết hạch nước bọt và atrôpin làm ngừng tiết nước bọt. Tác-dụng đối-lập có thể một chiều hoặc hai chiều. Thí dụ chữa ngộ độc bằng pilôcarpin thì dùng atrôpin, nhưng ngược lại, ngộ-độc bằng atrôpin, thì dùng pilôcarpin lại vô hiệu-quả (một chiều) ; trong khi gặp ngộ độc ête, y-sĩ cho tiêm strychnin và gặp ngộ độc strychnin thì cho ngủi ête (hai chiều).

Hai chất thuốc không hợp nhau, và được gọi là *tương-ky*. Trường-hợp phổ thông là trường-hợp các chất *giải-độc* : đây là những chất có tương-ky lý-hóa hoặc sinh-lý đối với chất độc, làm cho chất độc mất tác-dụng. Uống sữa, uống các chất mỡ, uống than, uống kaolin, rửa dạ dày bằng lòng trắng trứng v.v.. là áp-dụng tính-chất giải-độc vật-lý. Uống tanin hoặc uống chè đặc (có nhiều tanin) để kết-tủa các alcaloid là xử dụng giải-độc hóa-học. Trong cùng chiều-hướng, nạn-nhân tự tử bằng thuốc phiện được rửa dạ dày bằng thuốc tím để oxy-hóa morphin, khiến biến thành dioxymorphin, không độc.

Các yếu-tố quyết-định tác-dụng của thuốc

Tác-dụng của thuốc trong cơ-thể kéo dài hay rút ngắn, dẫn mau hay chậm, tùy *trạng-thái thuốc* và *trạng-thái cơ-thể*. Chẳng hạn Na salicylat phải tiêm luôn, còn êmêtin, Na cacodylat tiêm một thời-

gian phải nghỉ, nếu không sẽ bị ngộ độc. Uống các loại sulfamid nên uống kèm thuốc lợi-tiêu để giúp thuốc bài-tiết hết, nếu không sẽ bị nguy-hiêm.

Thuốc dễ bốc hơi, có độ hòa tan cao chóng dẫn và chóng được bài-tiết. Ví dụ thuốc mê, thuốc tinh dầu, (dầu khuynh-diệp chẳng hạn). Da bị xây-xát hay bị thương dẫn thuốc mau hơn. Bộ máy tiêu-hóa yếu, thuốc uống vào sẽ dẫn lâu hơn. Vùng cơ-thể có nhiều mạch máu dẫn thuốc mạnh hơn : vì vậy, tiêm xong, nên chà xát, có khi cần đắp nước nóng cho mạch máu dẫn nở, hầu giúp thuốc tan mau.

Nơi và cách dùng cũng ảnh hưởng đến tác-dụng của thuốc. Nhiều vị thuốc uống, tiêm hay xoa bóp có tác-dụng khác nhau và cần liều-lượng khác nhau. Ví dụ penixilin uống tác dụng kém hẳn bởi và nhất là tiêm. Nếu uống adrênalin, phải cần đến 1/2 hay 1mg, tiêm tĩnh-mạch chỉ cần 1/20 mg, tiêm dưới da cần 1mg.

Cùng một vị thuốc, liều-lượng lớn hoặc nồng-độ cao có tác-dụng khác, liều-lượng nhỏ hoặc nồng-độ thấp có tác-dụng khác. Terpin uống ít khiến long đàm, uống nhiều khiến khô đàm, Camphor liều nhỏ kích-thích thần-kinh, liều lớn gây tê-liệt thần-kinh. Các loại sinh-tổ dùng đúng liều chữa được các bệnh thiếu sinh-tổ, dùng quá nhiều gây hiện-tượng thừa sinh-tổ. Các bọm nhậu đều biết rằng uống rượu nặng nhưng ít và uống rượu nhẹ nhưng nhiều, kết-quả chẳng bề giống nhau chút nào !

Người bệnh cũng là một yếu-tố hết sức quan-trọng. Trẻ con, vì hệ thần-kinh chưa phát-triển đầy-đủ, nên chịu đựng được vài loại thuốc hơn người lớn : thuốc mê, thuốc ngủ, rượu,

atrôpin.. Trái lại ấu-nhi không chịu được các thuốc làm giảm nước cơ-thể : thuốc lợi tiêu, thuốc nôn.. Da trẻ rất kỵ các chất kích-thích, nên khi xoa thuốc, bao giờ cũng cho thêm glycerin. Đối với trẻ dưới năm tuổi, không được dùng thuốc phiện, vì trung-tâm thở của trẻ rất dễ thụ-cảm. Người già không chịu được các thuốc xỏ, thuốc nôn và các thuốc làm tăng áp-lực động-mạch. Trong thời-kỳ kinh-nguyệt, mang thai và cho bú, nữ-giới dùng thuốc phải rất cần-thận. Nếu điều-trị có từng đợt nghỉ, y-sĩ thường tính toán cho nghỉ vào thời-kỳ kinh-nguyệt. Lúc hoài thai, dĩ nhiên phải tuyệt-đối tránh những thuốc kích-thích tử-cung, và nên cử các thuốc ngấm vào máu rồi vào bào thai (rượu, thạch-tín, thuốc ngủ). Trong thời-kỳ cho con bú, nữ-mẫu cần tránh thuốc làm giảm nước như thuốc xỏ, thuốc phát hãn. Một vài loại thuốc toát ra theo sữa : rượu, iôt, nên phải kiêng. Nhưng cũng có khi, y-học dùng đặc-tính này để chữa-trị cho nữ-nhi, chẳng hạn dùng thủy-ngân. Không nên dùng các thuốc làm thay vị sữa : mẹ uống quinin, sữa bị đắng, con sẽ bỏ bú ..

Một hình-thái đặc-biệt về ảnh-hưởng của cơ-thể đối với thuốc là *tính thụ-cảm hay quá-mẫn*. Lắm người bẩm sinh không chịu một vài loại thuốc chẳng hạn có bệnh nhân uống antipyrin, pyramidon, quinin hoặc tiền morphin thì mẩn đỏ, phát ban, ngứa ngáy khắp người. Chích penixilin có thể tử vong rất bất-ngờ, cho nên thời đệ nhất Cộng-Hòa, một đồng-nghiep của kẻ viết đã bị thất sủng chỉ vì dùng thanh-huyết thể penixilin để chích cho Ngô-Tổng-Thống, và bị người phát giác ! Có kẻ quen thuốc, có người nghiện thuốc. Tính quen thuốc có thể mất đi, nếu ta thay đổi lối dùng thuốc. Thí dụ cho một động vật uống thạch-tín, dần

dần, nó chịu được một liều-lượng cao, nhưng nếu ta *tiêm* thạch-tín cho nó, thì nó sẽ bị chết. Thực ra một cơ-thể quen thuốc chẳng phải là có thêm một sức-lực, một biệt tài, một khả-năng siêu-phàm nào khác ; chẳng qua, đây chỉ là vì toàn sinh-lực được dốc vào chống chọi độc đó, còn các cơ-quan khác thì không được chống đỡ. Vì lẽ này, người nghiện rượu, người nghiện thuốc phiện không chết vì liều-lượng cao của rượu hoặc ma-túy, mà thường rất dễ chết vì các bệnh khác. *Nghiện thuốc* chẳng qua chỉ là hậu-quả của sự phát-triển tính quen thuốc. Lúc đó, chất thuốc chẳng còn là dị-vật đối với cơ-thể, mà đã là một chất tham-gia vào chuyển-hóa chung, nhất là đối với thần-kinh-hệ : cho nên, khi ngừng thuốc, bệnh-nhân bị vật-vã, hành-hạ, khổ-sở vô cùng.

Các tiêu-chuẩn thẩm-định hiệu-năng dược-phẩm

Dĩ nhiên ai dùng thuốc cũng đều mong khỏi bệnh, nhất là đối với những người muốn có thuốc mà dùng, phải bỏ tiền túi ra mua, và hơn nữa, khi những người phải móc tiền túi ấy lại là quân công Việt-Nam trong thời đại kiệt-ước ! Cho nên, thuốc men muốn được *đắc-dụng*, thì phải có điều-kiện tiên-quyết là *hữu-hiệu* : hữu-hiệu trên lý-thuyết, hữu-hiệu trong phòng thí-nghiệm, và hơn tất-cả, hữu-hiệu đối với cơ-thể loài người. Thầy thuốc phán-đoán về tầm mức công-hiệu của dược-phẩm thường dựa trước hết vào kết-quả điều-trị tức thời và lâu-dài, nghĩa là xem thuốc dùng có bớt hay hết bệnh ngay không, và về sau, có gây biến-chứng tai-hại gì không. Thông-thường thì ít khi y-sĩ phổ-thông phát-giác ra tính-chất độc-hại của một dược-phẩm, mà

chính các chuyên-viên phòng thí-nghiệm hoặc các chuyên-viên thống-kê làm được việc này. Tuy nhiên, trong lịch-sử y-học, đã có trường-hợp độc-tính của dược-phẩm do các thầy thuốc tư khám phá và lên tiếng báo động : đây là trường-hợp thuốc an-thần Thalidomide. Một yếu-tố nữa giúp người thầy thuốc ước-lượng giá-trị của thuốc là sự thỏa mãn của bệnh-nhân, yếu-tố này được y-học xem là căn-bản : *le malade a toujours raison*.

Thực ra, vấn-đề lý-thuyết rắc rối hơn nhiều. Y-sĩ thường dùng hai loại lý-luận để phán-xét tầm mức hiệu-nghiệm của một liệu-pháp hay trị-tắc : lý-luận hữu giá và lý-luận nhân-quả.

Lý-luận hữu giá nhằm xem, khi trị-liệu hai toán bệnh-nhân khác nhau với hai dược-phẩm khác nhau, hiệu-quả có khác nhau một cách đáng kể hay không. Chẳng hạn, với một dược-phẩm cũ, ta được 40% thành-công, với một dược-phẩm mới, ta được 60% thành-công ; như vậy sự sai-biệt phải chẳng là đáng hay không đáng kể ? Trên bình-diện thống-kê, tỷ-số sai-biệt phải ít nhất là 50% mới đáng kể.

Bước thêm một bước nữa là *lý-luận nhân-quả* : phải nghiệm xem những kết-quả ghi nhận là hậu-quả của chính liệu-pháp đã dùng, hay là do những nguyên-nhân nào khác ? Bởi vì rất có thể bệnh-chứng của tập-thể bệnh-nhân được dùng để thử-nghiệm đã không tiến-triển giống nhau. Ví-dụ khi so sánh các trường-hợp sanh đẻ tại bảo-sanh-viện và sanh đẻ tại gia, người ta thấy những trường-hợp sanh tại bảo-sanh-viện có làm biến-chứng hơn những trường-hợp sanh tại gia nhiều. Thoạt nhìn qua, có thể kết-luận nhầm lẫn là chính sự-kiện hộ-sinh

tại nhà thương đã là thủ-phạm gây ra nhiều biến-chứng. Nhưng sự thực là vì chỉ có những trường-hợp dễ xảy ra biến-chứng mới được gửi đến nhà thương! Tương-tự như vậy, quý vị Đông y-sĩ thường cho rằng vì văn-minh tiến-bộ nên mới phát-sinh ra những chứng-trạng quái-dị như thai trứng, thai ngoài tử-cung v.v... còn xưa kia chưa có văn-minh — ý ám-chỉ chưa có Tây-Y ! — thì làm gì có những ngược-tật ấy ! Nói như vậy thực tội-nghiệp cho Tây-Y ; bởi vì xưa kia những loại bệnh này chắc hẳn vẫn có, nhưng hoặc Đông-y không có khả-năng chẩn-đoán được, hoặc thư-liệu kinh-diễn không ghi chép lại, nên tưởng là không có đấy thôi !

Trong thực-tế, để tránh ảnh-hưởng chủ-quan của bệnh-nhân và của chính y-sĩ, y-khoa thường dùng những *giả-dược* (placebo) để thử mức độ hiệu-nghiệm của một dược-phẩm mới phát-minh. Bởi vì tâm-lý con người là được mới nói cũ, nên thấy thuốc mới bao giờ cũng nghĩ là hay hơn. Mà người thầy thuốc, không nhiều thì ít, dù muốn dù không, cũng được bệnh-nhân xem là một thầy phù-thủy : y-sĩ quả thực có một uy-lực thần-thông, đối với những

người cần được trị-liệu. Nói cách khác *chính bản-thân y-sĩ cũng đã là một vị thuốc rồi* (le médecin médicament).

Giả-dược nhằm mục-đích loại bỏ ảnh-hưởng tâm-lý của bệnh-nhân và y-sĩ. Đây là một viên, một ống thuốc.. vô thường vô phạt, nhưng được trình-bày giống hệt viên thuốc, ống thuốc.. mới cần được thí-nghiệm. Y-sĩ chọn hai toán bệnh-nhân và cho một toán uống giả-dược, một toán uống dược-phẩm chính-hiệu, rồi so sánh kết-quả. Đây là *phương-pháp độc manh*, *phương-pháp single blind*, *phương-pháp giả-dược đơn*, *phương-pháp placebo simple*.

Nhưng phương-pháp này gây ra hai vấn-đề. Trước hết và trên hết, là vấn-đề đạo-đức : thầy thuốc có quyền cho bệnh-nhân dùng một dược-phẩm vô-hiệu — tức là giả-dược — hay không ? Vấn-đề thứ hai liên-quan đến cá-nhân y-sĩ : vì y-sĩ biết trước toán bệnh-nhân nào được cho dùng giả-dược, toán nào dùng thuốc mới, nên có thể vô-ình biểu-hiện tình-cảm hay thái-độ lèm-lệ bí-mật.

Do đó, có phương-pháp thứ hai, *phương-pháp lưỡng manh*, *phương-pháp double blind*, *phương-pháp double insu*.

MAI-THẢO[?]

THỜI THƯỢNG

CÔI - SƠN xuất bản ● ĐỜI MỚI tổng phát hành

344 trang ● giá chống-kiếm-ước 300 đồng

Ở đây có hai loại người mù : y-sĩ mù, bệnh-nhân cũng mù luôn. Vai-trò chính được ủy-thác cho cô y-tá ; vì chỉ có cô ta biết nhóm bệnh-nhân nào được cho dùng giả-dược, nhóm bệnh-nhân nào được cho dùng vị thuốc thí-nghiệm, kết-quả ghi nhận ở hai nhóm cũng được so sánh với nhau.

Nhưng phương-pháp này bị chê là quá nhân-tạo, quá nặng-nề, quá lỗi-thôi. Dầu sao đi nữa thì kẻ bình những phương-pháp thử - nghiệm này cũng lắm, kẻ chê cũng nhiều.

Kẻ bình cho rằng luôn luôn phải tìm tòi, phải thử-nghiệm tầm công-hiệu của thuốc, vì y-học chưa và sẽ không bao giờ được xem là toàn bích. Hơn nữa, trong số thuốc hiện đang xử-dụng, thì có đến 40% không được chứng-minh công-hiệu, nghĩa là có thể đáng vứt vào sọt rác !

Kẻ chê thì đả-kích là tại sao cứ thử thuốc mới, trong khi thuốc cũ đã hữu-hiệu rồi, và nhất là, tại sao — như đã nói ở trên — lại nhẫn-tâm dùng những chất không chữa được bệnh đối với những người bệnh, mà bệnh thì tiến-triển không ai lường trước được !

Nhưng có một phương-diện mà tất cả các viện bảo-chế Âu-dược đều rất thận-trọng : đấy là khả-năng sinh quái-thai của các vị thuốc. Cho nên một vị thuốc mới bao giờ cũng được thử-nghiệm trên ít nhất là ba loài vật. Nhưng con người nhiều khi vẫn không tránh khỏi số phận hằm-hiu phải làm loài vật thí-nghiệm thứ tư !

(còn tiếp một kỳ)

TRẦN VĂN TÍCH (Bác-sĩ)

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Bạn mệt mỏi vì tranh đấu hàng ngày,
Bạn vất vả vì chén cơm manh áo
Bạn phiền muộn, chán đời

Bạn sẽ vui tươi lên, yêu đời

Khi đọc quyền :

101 (102 - 103) CHUYỆN CAM CƯỜI

của TÚ XE, giá mỗi quyền 100 đ

Bày bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/10, 1/11, và 1/12

Đạo Phật Ngày Mai

của NHẤT HẠNH

* *Một cuốn sách khiến Phật tử thao thức mất ngủ*

* *Một gáo nước lạnh dội vào cái tự hào tự phụ của người Phật-tử.*

* *Một cánh cửa hé cho Phật tử thấy nguy cơ của sự tận diệt nhân loại và chính pháp.*

Lá Bối xuất-bản và phá-thành

Nhà sách xin viết thư về Lá Bối 120 Nguyễn-Lâm Cholon

Protein thảo mộc

Động vật cần thịt để sống vì thịt là một nguồn protein phong phú. Protein là những phân tử khổng lồ do nhiều phân tử giản dị axit amin kết dính với nhau mà làm thành, cho nên cơ thể hấp thụ protein là vì cần những axit amin ấy.

Ở các nước ít nuôi thú vật thì tất nhiên thiếu protein. Có một đạo người ta đã bàn tán nhiều về sự thiếu hụt protein nay mai trên toàn thế giới. Trước đây không lâu, người ta đã nghĩ cách bồi đắp sự thiếu hụt protein ấy với những «miếng thịt dầu hỏa» là protein nhân tạo từ các hydro cacbua chế tạo ra (B.K. số 150 ngày 1-4-63). Nhưng nhìn kỹ, cần chi phải với tới dầu hỏa khó khăn, đắt tiền: gần ta hơn, biết bao cây, đậu, rong, cá cũng hiến khá nhiều protein.

Đậu, cá thể thịt.

Ở A đông, đặc biệt ở Việt-Nam ta, đậu nành đã được trồng trọt từ xưa. Thuộc loại Papilionacée (vì những cánh hoa không đều đặn trông như con bướm). đậu nành cũng như đậu phụng có thể hiến ta vừa dầu, vừa protein trong cặn bã còn lại khi dầu đã ép ra hết. Người Mỹ biết vậy nên từ khoảng 1920 họ đã xoay qua trồng đậu nành để cho súc vật ăn. Lúc đầu họ chỉ trồng ở những mảnh ruộng lúa mì, sau dần dần trồng vào cả những mảnh đất trước đây dành cho bông vải. Cuộc trồng trọt đậu nành phát triển mạnh mẽ đến nỗi hiện nay Hoa-kỳ sản xuất ba phần tư số đậu nành trên thế giới.

Tương đối rẻ nên đậu nành Mỹ nay đang dần dần tràn khắp thị trường thế giới. Rất mâu thuẫn là đậu nành, nguồn protein, không được phân phát vào các nước nghèo đói, thiếu thịt mà lại tràn ngập các nước giàu có, thức ăn dư dả. Như vậy là vì các nước này cần phải sản xuất rất nhiều thịt, theo số lượng đòi hỏi, mà muốn sản xuất rất nhiều thịt thì phải nuôi cho mau lớn súc vật: các nhà chăn nuôi thấy ngay phải cho đậu nành giàu protein thế vào cỏ rạ cỏ truyền không bổ ích bằng.

Lẽ tất nhiên có rất nhiều cách để nuôi súc vật chóng to, mau lớn nhưng cho ăn bánh khô dầu đậu nành là một phương pháp hiệu nghiệm rõ ràng được lưu truyền từ lâu ở Âu Mỹ. Ở Âu châu người ta cũng đã có nghĩ dùng đậu phụng thế cho đậu nành. Những nước có thuộc địa trước đây ở Phi châu trong nhiều năm đã mua được rất rẻ đậu phụng, nhất là từ các nước Sénégal, Cameroun. Nhưng những năm gần đây số nhập cảng đậu phụng ở Âu châu sụt dần nếu không là dừng đứng. Đây là vì một đằng các quốc gia nhược tiểu châu Phi trở nên độc-lập mà vấn đề tổ-chức kinh-tế lại lúng cúng, đằng khác số lượng đòi hỏi ở châu Âu càng ngày càng tăng: vì thấy cuộc cung cấp không đầy đủ, khó tìm cây, những trại chăn nuôi phải xoay qua hoặc dùng các chất khác, hoặc chịu mua đậu nành của Hoa-kỳ. Gần đây người ta có trồng mong đậu phụng của Argentina, nhưng nước này lại vừa hoàn hảo phương-pháp

chăn nuôi súc vật nên họ cũng không chịu xuất cảng đậu phụng bao lăm.

Ngoài thịt, thật ra chất hiển protein nhiều nhất không phải đậu nành hay đậu phụng mà là cá. Ở các nước như Việt-nam ta, lẽ tất nhiên cá đã thế thịt từ xưa nay. Ở Âu Mỹ cá ít được dùng hơn nên một số lớn, nhất là những loại ăn ít ngon, đã được biến ra thành bột để cho súc vật ăn. Nhưng cá chỉ có hạn, bỏ lưới mãi có ngày cá cũng hết còn cho nên ngày nay cá ở Âu Mỹ cũng trở nên rất đắt.

Ở Pháp, người ta đã bày ra trồng cây đậu colza. Thuộc loại Crucifère (vì hoa có bốn cánh chia ra thành hình thập tự), colza hiện đang được trồng nhiều và xuất cảng ra các nước khác. Nhưng cũng như đậu nành, đậu colza có một bất tiện. Đậu nành thì chứa một hóa chất có tính chất ngăn cản hoạt động của giếu tố bao tử, chất trypsin, mà giếu tố này lại rất cần thiết cho cuộc tiêu hóa protein. May thay, đem nấu thì hóa chất kia bị phá hủy ngay. Bên đậu colza thì lại chứa nhiều hợp chất lưu-huỳnh vừa hơi vừa độc. Nhiều phương pháp đã được khảo cứu (tác-dụng nhiệt độ, hơi nước, ozon, ...) mà các hợp-chất kia vẫn chưa trừ khử được hết. Như tuồng cách đây mấy tháng, ở Viện khảo-cứu Canh-nông Quốc-gia Pháp, người ta đã khám phá ra được một vi-sinh, loại geotrichum candidum, cho lên men trong các bánh kho dầu thì dần dần các hợp chất kia bị hủy phá. Nhưng còn phải đợi kỹ-nghệ-hóa phương-pháp.

Ngẫu-biến thảo mộc.

Một cây cỏ dầu khác cũng hiển khá nhiều protein là cây quỳ. Bên các nước xã-hội, người ta đang cho phổ-biến

cuộc trồng trọt cây này nhưng giá cả chưa chắc chắn, cuộc sản xuất cũng còn bấp bênh nên chưa có ảnh hưởng mấy lên thị-trường thế giới.

Sau cùng, cũng nên biết sơ qua về các loại rong chlorel và spirulin. Loại thứ nhất đã được đề-cập tới từ lâu và ở Nhật-bản chẳng hạn người ta đang tổ-chức trồng lớn. Loại thứ nhì đặc biệt chứa đựng nhiều Protein mà thực hiện cũng rất khả quan, hiện đang được Viện Dầu-hỏa Pháp khảo-cứu tường tận và những bể cạn trồng rong đã bắt đầu được xây dựng bên xứ Mexic.

Đây, đậu, rong hiển protein có thiếu chi. Có điều, ngoài những chất độc đã thấy ở trên, những protein cây cỏ có một khuyết điểm lớn cho nên đến nay chưa thể dùng để thế hẳn thịt được. Đây là giá trị sinh-vật-học của chúng Ta đã thấy ở trên protein gồm có nhiều axit amin. Trên mặt đất có khoảng tất cả 20 axit amin, kết hợp nhau lại đủ cách làm ra thành nhiều loại protein. Trong số các protein này, có cái thì cơ-thể động-vật biến chuyển theo nhu cầu, có cái thì cơ thể hấp thụ và tiêu thụ như vậy, không sao thay đổi công-thức được.

Cơ thể con người chỉ cần 10 axit-amin. Những protein động vật như thịt, trứng, sữa,... chứa đủ các axit amin ấy. Nhưng hầu hết các protein thảo mộc đều thiếu chất lysin là axit amin cần yếu cho cuộc phát dục. Vì vậy, ở các nước nghèo đói, rong rau là thức ăn hằng ngày, cơ thể rất dễ bị thác loạn. Nạn nhân rõ ràng nhất là con trẻ. Bệnh thiếu protein (hay là kwashiorkor) thường thấy ở trẻ con ốm yếu, chân tay gầy gò, bụng lõm má hõm. Những trẻ con này không sao nở nang lớn lên đều đặn về mặt vật chất cũng như bên phía tinh

hần. Ở đây người ta tưởng đậu nành có thể làm vị cứu tinh.

Vẫn biết đậu nành thiếu methionin nhưng axit amin này dễ tổng hợp và hiện nay cũng đã thấy có bán khá rẻ. Ta thấy vai trò cốt yếu của đậu nành, nói riêng, và của tất cả các protein thảo mộc, nói chung.

Nhưng trước khi đưa protin thảo mộc lên hàng bậc nhất để thể thịt, trứng, còn phải thêm cho nó vài điều kiện. Điều kiện cần yếu nhất là việc bù đắp axit amin thiếu như vừa thấy. Cách dễ dàng nhất như vừa nói là cho thêm axit amin nhân tạo vào. Cách thứ nhì, đang được khảo cứu, là tác dụng làm sao cho thảo mộc ngẫu biến, tự mình chế ra axit amin đã thiếu. Cũng như đặc tính di truyền của động vật, phần lớn axit amin trong cây cỏ cũng được những yếu-tố di truyền chi phối. Cho bức xạ tác dụng vào cây cỏ, người ta có thể thay đổi những yếu tố ấy và nếu may mắn ta hy vọng hoặc có được một axit amin mới ra đời, hoặc một axit amin sẵn có sẽ được sản xuất nhiều thêm. Nhưng trong cuộc tìm kiếm này cần phải kiên tâm bền chí lắm vì phải lâu năm mới thành công được. Một ví dụ lạc quan: bên Mỹ, các nhà bác-học có tìm ra được một loại bắp ngẫu biến (Opaque II) chứa đựng đến gấp đôi số lượng lysin so với bắp thường, có hiệu thực hiệu gặt hái kém đi rất nhiều. Nhưng vừa rồi, cũng ở Viện Khảo-cứu Canh-nôn Quốc-gia Pháp, người ta đã tác dụng ngẫu-biến được từ Opaque II ra một loại bắp khác, chứa đựng lysin vẫn nhiều mà thực hiệu cũng không kém chi bắp thường. Vậy đủ thấy khó khăn mấy rồi cũng vượt qua được.

Trung gian súc vật

Nhưng còn có một ý kiến khác về

việc bù đắp axit amin thiếu. Người ta nhận xét thấy các động vật loài nhai lại ăn cây lá nào cũng được, miễn là có chất đạm thì biết đồng-hóa và chế-tạo ra mọi axit amin cần yếu cho chúng. Như vậy là nhờ bao tử của chúng gồm có nhiều ngăn mà phần lớn cuộc tiêu hóa đã được thực hiện trong ngăn thứ nhứt. Ở đây, vô số vi sinh đã tiết ra các giểu-tổ hợp sức với dịch vị để làm tròn nhiệm vụ kia. Đặc biệt các vi-sinh này có thể chế biến ra đường bô-ích từ chất cellulot của cây cỏ mà bao tử ta chịu đâu hàng không sao đồng-hóa nổi. Chúng có thể tổng hợp những axit amin từ những chất giản dị như urê. Vẫn biết các động vật loài nhai lại ít khó khăn về mặt phẩm lượng axit amin nhưng ý kiến cần được giữ làm căn bản cho cuộc khảo cứu.

Ở Hoa-kỳ urê đã được dùng nhiều, nhất là đến nay urê là một phó-sản của kỹ-nghệ dầu-hỏa không biết dùng vào việc gì. Xin nhắc qua một phó-sản khác của kỹ-nghệ dầu-hỏa là than khí cũng đã được dùng trong cuộc trồng trọt loại rong spirulin. Với protein trực tiếp được tổng hợp từ các hydro cacbua, dầu hỏa thật đã là một nguồn nguyên liệu protein lớn.

Đằng khác, người ta lại tìm thấy cơ chế chế-tạo axit amin ở các động vật loài nhai lại có phần phức tạp: trước tiên những vi-sinh ở ngăn thứ nhất bao tử tác dụng lên protein cây cỏ, phá hủy cho đến lúc các protein này biến ra những thành-phần nhỏ như phân tử ammoniac. Rồi từ các phân-tử nhỏ này các vi-sinh ấy lại tổng-hợp ra protein mong muốn. Phá đi, xây lại, đây là một

phương-pháp dài dòng, hao tổn. Các nhà khảo-cứu ở Viện Khảo-cứu Canh-nông Quốc-gia Pháp lại nhận thấy một chất như da để làm dày không hề bị vi sinh phá hủy, đây là vì da đã được thuốc. Vậy nếu bây giờ đem protein cây cỏ cho được tác dụng tương tự như thuốc da ắt khi vào bao-tử động-vật protein hết còn bị phá hủy và động vật sẽ tiêu thụ trực tiếp các protein ấy. Những thí nghiệm đầu tiên lên da đã đem lại kết quả mỹ mãn.

Nhưng đêm nay người ta có thể trách mọi biện pháp đều nhằm đích sản xuất thêm protein hay làm tăng giá trị sinh-vật-học của protein thảo mộc mà không ra khỏi phạm vi dùng sức vật làm trung gian. Protein cây phải qua giai đoạn protein thú rồi mới được con người tiêu thụ. Giải pháp cách mạng là kiếm cách trực tiếp hấp thụ Protein thảo mộc. Vẫn biết protein trích từ đậu, rong ra có hương vị khác thường nên phải chế biến sao cho dễ ăn, dễ nuốt. Nhưng đây là chuyện dễ... Hiện nay trong các

thức ăn hằng ngày, biết bao hóa chất nhân tạo đã được trộn lẫn với đồ ăn thiên nhiên mà mấy ai thấy biết. Ở bên Hoa-kỳ cũng đã thấy có nhiều thịt, jambon, pho mát,... làm bằng bột đậu nành. Ở nhiều nước ở Nam-Mỹ, bột đậu nành cũng đã được thường xuyên trộn lẫn với thức ăn. Còn còn có ở Âu-Châu và Á-Châu là chắc phải còn lâu mới vượt qua khỏi được cách ăn cổ truyền.

Tuy nhiên, hai ví-dụ sau đây có thể đem lại một điểm lạ: quan: trong trận đại chiến vừa qua, người Đức đã ăn dễ dàng một loại bơ tổng-hợp từ dầu hỏa ra; còn ở bên ta, tôi còn nhớ hồi tản cư ăn luôn mấy tháng cơm trộn bắp mà vẫn thấy ngon! Phong-tục, tập-quán với thời-gian, với nhu cầu, dần dần rồi cũng biến đổi được theo đà tiến triển. Và hy vọng rồi đây cuộc thiếu hụt protein trên thế giới, tuy nan giải, sẽ được giải quyết một ngày mai gần đây.

VÕ QUANG YẾN

DON ĐỌC :

SƠN LÂM EM ĐÊM (Les Cosaques)

của LÉON TOLSTOI * Nguyễn-Trọng Đạt dịch và giới thiệu

" Les Cosaques có thể coi là áng văn tự thuật của tác giả về chính cuộc đời mình. Đây chính là một phần quãng đời của Tolstoi trong những ngày còn sống ở Caucase : cảnh núi non trùng điệp, đời sống hoang dại, tự nhiên của dân bản xứ đã gợi hứng cho tác giả để hoàn thành cuốn tiểu thuyết bất hủ này.

Ở đây Tolstoi vừa là họa sĩ, là triết gia vừa là tiểu - thuyết - gia đại tài. "

Nhà xuất bản " **TRÍ ĐĂNG** " 21 Nguễn-Thiệt-Thuật Saigon.

NGỦ ĐỒ

Ca tụng sông Hương, làm thơ về sông Hương, chụp hình sông Hương, ngắm cảnh sông Hương, tất cả chỉ cho ta thấy những cái nhìn khác nhau và nên thơ về sông Hương nhưng chưa cho chúng ta biết thực sự sông Hương là gì. Phải bơi lội trên sông Hương, phải nằm trên sông Hương, phải ngủ, phải sống với sông Hương mới hiểu được sông Hương là gì và có nếp sống thế nào. Nghĩa là phải ngủ đồ.

Thiên nhiên và thành thị

Đôi lúc tôi tự hỏi tại sao mỗi khi gặp gỡ người ta hay mời nhau đi ăn uống, nhậu nhẹt hay ngủ đồ. Ăn uống tâm sự là cùng chia sẻ, cùng tham dự vào thế giới thầm kín của nhau, hướng về nhau, hòa vào nhau. Hình như có nhà văn nào nói con người bám víu vào cuộc đời là nhờ cái miệng. Miệng là gạch nối giữa con người và thiên nhiên, là cửa ngõ để thiên nhiên đi vào con người. Hoa quả thịt cá, các món ăn, thức uống..., nguồn năng lượng từ thiên nhiên, từ thú vật được truyền qua con người nhờ cái miệng. « Khi thân mật, cởi mở, tâm sự cùng bạn bè, tâm hồn như rộng mở, hăng hái hơn, cuộc đời như sang số, tăng tốc lực. Ta hòa hợp với bạn bè, thiên nhiên tự nhiên muốn ăn nhậu, ngủ đồ. Hình như đó là những hình thức tiếp thu và phổ biến năng lượng của mình, của thiên nhiên.

Ăn nhậu trong những nhà hàng sang trọng, ẩm cúng có cái thú riêng là vẻ kín đáo, thân mật nhưng ăn uống tại những quán có cảnh thiên nhiên, sông nước, trăng gió lại càng thấy thú vị hơn

nhieu. Màu xanh của lá cây, đồi núi, sông biển; gió mát của thiên nhiên, đồng ruộng vẫn là một đời hỏi, một cảm dỗ với những người thành thị ngày ngày giam mình trong bốn bức tường, trong những đường phố bụi bặm, đầy tiếng động và khói xe.

Khi ra Huế lần đầu, nhìn giòng sông lặng lẽ trôi, nhìn những dãy núi trùng điệp xa xa, nhìn những hàng cây, những bãi cỏ xanh mát, tự nhiên tôi cảm thấy như tìm được một cái gì đã thiếu vắng từ lâu nay. Đó là cảnh sông nước, cây cối, thiên nhiên. Ở Saigon người ta chặt hết cây cối để mở đường, làm nhà; cây cối, cỏ xanh chỉ còn lại trên những bức tranh treo tường. Cây cối, thiên nhiên, sông biển mọc trên tường. Tại Huế, nhà cửa mọc lên trong cảnh thiên nhiên. Đồi núi, sông nước, cây cỏ, màu xanh là cây... là chính, nhà cửa, con người là những gì nhỏ lên, bám vào khoảng thiên nhiên đầy đặc đó. Người từ Saigon ra Huế có cái tâm lý đặc biệt là từ bỏ thiên nhiên giả tạo, nhỏ bé để hòa mình vào thiên nhiên thực sự, rộng lớn. Từ những cây cối, núi rừng, vườn hoa của tranh ảnh, của thành phố người ta đi tới rừng núi, cây

cối của thiên nhiên. Sông biển lớn hơn, rừng núi cao hơn, màu xanh lá cây xanh hơn, tự nhiên hơn, tất cả như gỗ ghề, nổi bật, sống động hơn. Tuy nhiên như thế cũng có nghĩa là từ bỏ những gì là tiện nghi, đầy đủ, sáng choang, lóng lánh, tinh hảo. . . để tiếp nhận những thứ mộc mạc, thiếu thốn, bình thường hơn. Khách ra Huế có hai tâm lý mâu thuẫn : thích thú vì tìm lại được thiên nhiên đã mất nơi thành thị nhưng cũng tiếc rẻ vì đã mất đi những tiện nghi, đầy đủ thường ngày. Thích thú đi xem các phong cảnh, đền đài, thiên nhiên, sông nước, ngủ đò.. nhưng lại ca thán về giá cả mắc mỏ, không đồ tốt, thiếu tiện nghi như ở Saigon...

Là một giám khảo, tức là một du khách tại Huế, tôi đã nhân dịp đó để tận hưởng những gì mình thiếu thốn tại Saigon : hoà mình vào thiên nhiên, thăm các cảnh đẹp, ăn nhậu với bạn bè và ngủ đò.

Thú ngủ đò

Nhìn những con đò lặng lẽ trôi từ xa thực là nên thơ nhưng ra bến đò đông đúc, rác rưởi, bụi bặm.. tính cách thơ mộng giảm đi rất nhiều. Trước mắt chúng ta là những con đò mộc mạc cũ kỹ, những bác lái đò ăn mặc bình dị. Những đứa trẻ đứng dài lóng tống xuống mặt sông Giòng nước trong mát rượi, xanh biếc, nay trở nên đục ngầu, lợn cợn rác rưởi, váng dầu mỡ, bờ sông dơ bẩn, mấp mô, nhô ra thụt vào... Buổi tối, cảnh đời khác hơn, những xấu xa, rác rưởi bị xoá nhoà trong bóng tối, chỉ còn lại những khối đen di động chậm chạp hoặc đứng im lìm, những ánh lửa ấm cúng, mời gọi. Trăng lên ở xa, gió sông mát rượi...

Phải quen biết bạn mới hưởng được thú ngủ đò, nếu không, giấc ngủ của bạn sẽ bị đứt quãng vì những tiếng gọi nhau ới ới, những lời chửi rủa, tranh giành.. Một chiếc đò lớn có thể chứa 4,5 người. 500đ một đêm. Như vậy ngủ đò thú vị và rẻ tiền hơn ngủ khách sạn vì mỗi người chỉ phải bỏ ra độ 100đ là đủ, nếu không có khoản gì khác.

Đò tách bến và trôi ra giữa sông, chủ đò dọn trà nước, thả neo và sang nằm ở mũi đò đằng kia. Giữa chỗ ngủ của chủ đò và khách thuê đò có một tấm cửa ngăn đôi. Khi chủ đò đã ra sau, chiếc đò như hoàn toàn thuộc về khách thuê đò. Người ta trải 2,3 cái chiếu ny-long lên khoang thuyền rồi ngồi uống nước, nói chuyện hoặc ngả lưng nhìn trăng nước, hóng gió. Bước xuống đò như đi sang một thế giới mới, giã từ bạn rộn, lo âu. Về mặt bác lái đò, hình ảnh con đò, khoang thuyền chờ đợi.. trở thành những nhãn hiệu, những bảng chỉ đường ở những biên giới mới. Khi đò đã thả neo, chúng ta cảm thấy tự nhiên như ở nhà, hơn ở nhà, vì chỉ toàn những bạn bè thân mật.

Giã từ những phố phường chật hẹp, tù túng, giã từ những ánh mắt soi mói, điều tra, giã từ những lo toan xuôi ngược, giã từ một nhọc trong ngày, trong tháng, trong năm, giã từ bụi bặm, khói xe, tiếng còi inh ỏi, đèn xanh, đèn đỏ, giã từ những bài bình luận về người cày có ruộng, về thương phế binh, giã từ thông cáo về hạn tuổi nhập ngũ, khai báo văn bằng, giã từ giây kẽm gai, lựu đạn cay, dùi cui, ngục tù, giã từ hòa bình công chính, hữu nghị Việt-Miên... Giã từ tất cả để tìm lại thiên nhiên, bè bạn, chính mình. Tất cả như

hòa hợp làm một, chan hòa, tròn vẹn vừa là mình, vừa là bạn bè, vừa là thiên nhiên, vừa là sông nước, vừa là gió trăng. vừa là tiếng sóng vỗ mạn thuyền, vừa là tiếng gọi nhau đầu đây.

Sống với thiên nhiên, hòa mình vào thiên nhiên, bám víu vào thiên nhiên là phải chia xẻ, truyền giao sức sống của thiên nhiên nghĩa là phải ăn nhậu. Ăn uống ở dưới đò là một cái thú đặc biệt. Tại Sài Gòn ít có những quán ăn trong cảnh thiên nhiên, người ta chen chúc trong những quán chật chội, nóng bức nếu không người ta lại ủa ra ăn ngoài vỉa hè. Ăn dưới đò thú vị vì bạn có thể ăn uống bất cứ lúc nào, từ 9, 10 giờ khuya đến 3, 4 giờ sáng, khi vui thích, khi đói bụng, khi mệt mỏi. Có những cô gái Huế chèo ghe nhỏ bán hàng trên sông. Bún bò, nem chua, hột vịt, hột gà, cam táo, nhãn, cua, mực khô, bia cao, bia 33, baxi để. . . Đặc biệt hình như không phải tại các món hàng mà tại cách thức bán hàng, khung cảnh ăn hàng. Cô hàng ngồi trên thuyền nhỏ với tay đưa cho bạn tô bún bò nóng hổi, thơm phức. Một nụ cười, một lời mời mọc, vài tiếng chọc ghẹo, những ánh mắt tinh quái, con thuyền chòng chành, đu đưa, ánh trăng lấp lánh trên mặt sông . . . tất cả tạo thành một khung cảnh cảm dỗ lạ lùng.

Hai ba giờ đêm, cùng với bạn bè thân thích, ăn tô bún bò, nhai miếng khô mực hoặc cắn những miếng nem chua đặc biệt của Huế, nhắm nháp vài ba ngụm la-de đánh hột gà, nhìn sông nước bao la, ánh trăng lấp lánh . . . , người ta thấy sảng khoái như nuốt cả sông núi trăng sao, uống cả biển xanh cây cỏ, tiếp thu tất cả khí huyết của thiên nhiên vào trong lòng. Tâm hồn rộng

mở như bao trùm lên sông nước, cung điện hoặc trôi ngược về giòng thời gian xa tắp âm u với trăm ngàn thăng trầm của lịch sử.

Tiếng Huế đôi khi hơi khó nghe nhưng giọng Huế thực dễ thương nhất là nơi những người con gái duyên dáng, nhõng nhẽo. Giọng trầm bổng lên xuống như có nhạc, có khi nghe không hiểu hết câu nhưng nghe mãi vẫn không chán. Các cô bán hàng thường dùng đèn dầu hoặc đèn đất (khí đá), có cô duyên dáng, kín đáo hơn lại dán một miếng « thuốc cao thầy Thận » vào thông phong của chiếc đèn dầu. Phần sáng được chiếu ra ngoài, phía trước cho thấy rõ các món ăn. đồ nhậu bày la liệt trên thuyền, phần mờ tối do miếng thuốc dán gây ra dùng để che khuôn mặt cô hàng. Nét mặt trở nên mờ ảo, hư thực. khi cô hàng làm bộ mời món này món khác, với tay đưa thức ăn hoặc lấy bát đĩa lại, người ta mới nhận ra nét mặt đa tình, ánh mắt long lanh tinh nghịch, nụ cười duyên dáng, đưa đẩy.

Ăn ở dưới đò có những cảnh tức cười và thân mật không thể thấy trên đất liền, nhất là tại Sài Gòn. Trên khoang thuyền, 3, 4 người nằm nói chuyện, khi cô bán hàng ghé thuyền tới thì tất cả — vẫn nằm nguyên hoặc chống khuỷu tay dậy — ngược đầu ra ngoài, cười đùa, chọc ghẹo. Ánh sáng từ chiếc đèn dầu chiếu lên khoang thuyền, trên đó 3, 4 cái đầu, tươi cười, nhăn nhở, mắt đen lánh, mặt đỏ lừ hoặc trắng bệch, xa trông như mấy con heo trong chuồng đang chờ người ta cho ăn!

Trong tiệm, ăn xong phải trả tiền mới ra về được, ở dưới đò không cần trả tiền ngay. Đò thả neo, trồn đi đâu được! Cô hàng sẽ ghé qua đò khác,

không tính tiền ngay. 2,3 giờ sáng, khi mọi người đã ngủ hoặc sắp ngủ cô hàng mới trở lại, lấy mái chèo khẽ tạt nước lên thuyền hoặc lấy nắp keng đôi vào khách hàng để đánh thức dậy. Không gian yên tĩnh, thanh khiết, mọi người đã ngủ, người khách khẽ bò dậy, ra mạn thuyền. Để chăm thuốc để trả tiền, để chọc ngheo. Gió mát, trăng nước bóng bênh.

Đi «dù» hay đi đêm ?

Với một số người ngủ đò là cái thú thanh cao, với một số người khác ngủ đò là một cái thú xác thịt. Ngủ đò thanh tao gọi là ngủ đò *chay*, ngủ đò «ấy» gọi là ngủ đò *mặn*. Gái chơi thường không ở ngay trên đò nhưng có thể gọi tới dễ dàng. Chiếc đò để ngủ, để tâm sự, để hóng mát, để tìm văn thơ nhưng cũng để ăn mặn. Trên đò có những hình Playboy lồng kính cẩn thận, có nhiều đò lại có cả hình gái chơi cho khách ngủ đò lựa chọn. Có người bạn nói gái ăn sương tại Huế luôn luôn mặc áo dài, khi vào việc mới từ từ bỏ ra, trông khuê gọi và dễ thương hết sức. Hình như sự thực không phải như vậy, đó là lợi dụng chiếc áo dài và thi vị hóa một bất công, điều này có lẽ xảy ra tại Sài Gòn nhiều hơn. Người ta làm như thể mình là nữ sinh, quả phụ vợ thiếu tá, trung tá... để câu khách. Gái chơi trên sông Hương mặc áo bà ba, thường không được đẹp lắm, da ngăm ngăm, đôi khi hút thuốc. Người ta lấy thuyền nhỏ đi rước người gái chơi, khi tới, cô này ngồi sau người chèo thuyền, cúi mặt khẽ ngược mắt nhìn. Nếu bạn bằng lòng cô ta sẽ bước lên đò, dáng điệu e lệ, bám víu không biết vì đóng kịch hay vì thuyền chòng chành.

Có những khúc sông rộn rịp gái chơi,

có những khúc sông như vắng hẳn mục đó. Tương tự như những khu chơi bời ở Sài Gòn, bến đò Huế ban đêm cũng có những mục mời mọc, tranh giành, cũng có những đứa trẻ nhanh nhẩu mời mọc, đôi khi bằng tiếng Mỹ nếu chúng thấy bạn mập mạp giống Đại hân

Đi một lần gọi là *dù*, bao cả đêm gọi là *đi đêm* (hoặc *ngủ đêm*). Đi một *dù* giá từ 300 đến 500, đi đêm giá khoảng 1500 đến 2000. Ở Sài Gòn người ta gọi là *đi cái*, *đi củ*, ở đây thiên hạ gọi là *dù*. Chữ *dù* cũng được dùng tại Sài Gòn nhưng kèm theo một chữ nữa : *nhảy dù*. Nhảy dù đang từ một động từ có vẻ mạnh mẽ, oai hùng, can đảm của cái gọi là thiên thần mũ đỏ bỗng trở thành một danh từ hoặc tình từ có vẻ đi thối, dâm dăng, xé rọ tội lỗi. «Bảo đảm mà ! Nhảy dù chứ có phải chuyên nghiệp đâu ! Vợ thiếu tá đó» Thay vì nói có chồng con đang hoàng, con nhà lành, còn tử tế nhưng vì sinh nhai nên phải đi vào đường dâm dăng.. thì nói tắt là nhảy dù. Chữ nhảy dù vừa xúc tích, vắn tắt vừa che dấu mặt cảm tội lỗi. Nhảy dù là tách ra khỏi đường bay, xé rọ, rơi ra ngoài, tạm xa cách trong chốc lát..., từ đó nhảy dù cũng là xé lẻ, giấu giếm chồng con, tạm bợ, ngoại tình để kiếm tiền... Nhảy dù tương đương với còn mới, còn tốt, còn e lệ, nhà lành, tạm thời, dịp may hiếm có, nhanh tay kéo mất... Chữ nhảy dù mời gọi, khiêu khích và tăng giá người gái chơi nhưng nó cũng tố cáo tâm trạng ích kỷ của người thành thị : sẵn sàng vui sướng trên nỗi khổ đau của người khác, không ngại phá hoại hạnh phúc gia đình của người khác. Trên bình diện xã hội, hiện tượng nhảy dù tố cáo sự đồ võ, khôn cùng bên cạnh sự giàu có giả tạo và ích kỷ.

Một anh bạn từ Sài Gòn ra Huế chấm thi có nói nếu thấy cảnh rác rưởi, đờm rãi lênh bênh trên mặt nước, thấy cảnh người ta bài tiết trên sông, thấy gái chơi lấy nước đó rửa ráy trong khoang thuyền sau mỗi lần đi khách có lẽ thú ăn hàng trên sông sẽ giảm đi rất nhiều. Chăn chiếu đó đã qua tay bết bao nhiêu người, dịnh biết bao nhiêu chất dơ dáy vương vãi trong thuyền, ly tách chén bát được rửa bằng nước sông nhưng nước sông đó gồm những gì? Y nghi đó thoáng qua làm chúng tôi mất vui nhưng chỉ trong chốc lát nó tan biến đi ngay, chúng tôi vẫn ăn uống như thường và không ai đòi lên khỏi đò cả! Hình như sống là phải liều, phải tin rằng người khác có thể bị nhưng mình thì không, niềm tin thật mơ hồ nhưng cũng thực sắt đá. Chính niềm tin đó khiến người ta có thể tiếp tục sống được, nếu biết chắc ăn có thể bị bệnh, ra phố bị xe cán, ra trận sẽ chết... thì thực khó mà sống được. Nếu quá lo xa, có lẽ mỗi khi đi ăn uống ở đâu phải mang theo một cái kính hiển vi chẳng khác gì mỗi ông dân biểu đều đem theo một khẩu súng để dọa chó vậy!

Tâm lý ngủ đò

Ngủ đò có thể hiểu là cùng anh em trò chuyện trong cảnh trăng thanh gió mát rồi... đi ngủ nhưng cũng có thể hiểu là ngủ với gái. Có điểm đáng chú ý là tại Sài Gòn, nếu nói đến chuyện trai gái thì người ta nói nhỏ, ra hiệu, hoặc nói bằng tiếng lóng, nói khi vắng mặt gia đình, vợ con... Ngủ đò, trái lại, có tính cách hàm hồ, công khai. Có thể là ngủ đò chay, có thể là ngủ đò mặn. Khi một người Huế nói đi ngủ đò một cách tự nhiên, công khai, trong nhà thì ngủ đò hiểu là ngủ đò chay, có thể cha

mẹ hoặc chị em gái sẽ sửa soạn khăn mặt, quần áo ngủ cho mình. Khi bạn bè từ Sài Gòn ra Huế, cười cười, nói nhỏ vào tai: "Thế nào? Ngủ đò chưa?" thì ngủ đò hiểu là ngủ đò mặn.

Khi người em gái hay người vợ thấy anh hoặc chồng mình đi ngủ đò thì gì? Nghi rằng người anh, người chồng của mình đi ngủ đò chay hay ngủ đò mặn?

Ngoài mặt ai cũng làm ra vẻ ngủ đò là thanh lịch, là ăn chay nhưng thực ra trong lòng ai cũng biết có thể là ăn mặn. Biết nhưng làm như không biết, không tin mà làm như tin. Dù sao, ngủ đò cũng không thể là cái thú thanh lịch như chúng ta thường giả vờ tin vì thực ra nó chỉ dành cho đàn ông, không thấy đàn bà, con gái nhà lành kéo nhau đi ngủ đò. Như thế cho thấy, tuy ngoài mồm thì coi là tự nhiên, thơ mộng nhưng trong lòng, người ta cũng nghi ngờ, e ngại việc ngủ đò. Có thể nói ngủ đò chay biện hộ cho ngủ đò mặn, nói cách khác, việc trai gái ít nhiều được thi vị hoá, công khai hoá, bình thường hoá.

Chính vì tính cách hàm hồ mà ngủ đò có những ý nghĩa khác nhau. Trong gia đình, nói ngủ đò là hiểu theo nghĩa tốt, ngủ đò chay, với bạn bè ăn nhậu, nói tới ngủ đò là hiểu theo nghĩa trai gái, ngủ đò mặn. Khi thầy giáo ở đò đi lên gặp học trò, ông vẫn có thể có thái độ tự nhiên, bình thản. Biết ông ăn chay hay ăn mặn? Thái độ này rất khó kiểm được ở Sài Gòn khi ông thầy đứng học trò trong một ổ điểm. Ổ điểm chủ yếu là để giải quyết sinh lý, không thể biện hộ, giả đò được. Ngủ đò thì khác, có thể ăn chay có thể ăn mặn. Tuy nhiên, thái độ của ông

thầy có thể hàm hồ nên thái độ học trò cũng hàm hồ. Khi học sinh, nhất là nữ sinh, thấy thầy giáo ngủ đồ lên thì họ có thể có hai cách nghĩ: chạy hay mẶn? Họ cũng vẫn mỉm cười, kính trọng cúi chào, kính trọng 50%, nhưng cũng có thể lẩn trong vẻ kính trọng đó sự nghi ngờ, chê trách, chê trách 50%

Vì tính cách hàm hồ của ngủ đồ mà có những người như chỉ chú trọng đến khía cạnh thanh tao, thơ mộng mà bỏ qua những khía cạnh xấu, bi đát của nó. Đi điểm là một bất công, một tệ trạng làm mất nhân phẩm.

Chỉ trích gái chơi mà không chống lại chính cái cơ chế xã hội tàn ác đã khai sinh ra những nạn nhân đó cũng như thi vị hóa, bình thường hóa hiện tượng đi điểm đều là những thái độ lảng mạn, vô nhân đạo. Ngô Kha có một nhận xét tàn bạo về thú ngủ đồ nhưng đó là một nhận xét đúng: bên cạnh sự mơ mộng, nên thơ ngủ đồ mang dấu tích của nghèo khổ và bất công.

Vẫn còn lựu đạn cay

Ngủ đồ là một thú đặc biệt nhưng đó cũng là một thú vui tạm thời. Chúng ta tạm thời xa lánh những lo toan, bận rộn để mua lấy một khoảng thời gian, một mảnh không gian nhỏ bé, tách biệt với thế giới chật vật, xô bồ.

Tạm thời vì khoảng thời gian đó sẽ qua đi và sáng hôm sau chúng ta lại phải đương đầu với những khó khăn quen thuộc. Lại những tập cours đầy cộm, chán phèo, lại những xã thôn tự trị nhá đi nhá lại như cái dê rách, lại chứng

chỉ tại ngũ, người cày có ruộng, lại lựu đạn cay, giầy thép gai, lại những vụ bầu bán lừa bịp biết trước kết quả, lại những tiếng sột soạt của giấy 500 mỗi khi bị xét giấy hoãn dịch, lại những nói xấu, thọc gậy bánh xe, bán đứng bạn bè, lại đồ lậu PX tràn ngập đường phố...

Tạm thời vì không gian này là thơ mộng trắng nước, vui đùa no nê nhưng không gian kia là tù đầy, kìm kẹp, ung thư. Không gian của những hàng hóa chịu hàng trăm thứ thuế, của những tấm hình Playboy, của đĩa trẻ dặt mồi tối qua, của những con chuột cống chui rúc trong khoang thuyền, của người con gái đang moi móc rửa ráy, của mùi tanh hôi lợm giọng...

Tạm thời vì chúng ta đã muốn thi vị hóa hóa, tổng quát hóa một thực tại nhỏ bé, tối tăm thành một toàn thể rộng lớn, rắn chắc. Mảnh trăng thơ mộng không thể sáng hơn những ngọn đèn dầu trong các ổ điếm hay trong các căn nhà ổ chuột; gai góc của cua biển chắc không sắc bén bằng những vòng kẽm gai tua tủa bao quanh đường phố, chùa chiền, trường học; ớt Huế không cay bằng hơi lựu đạn hay niềm cay đắng của người da vàng nô lệ, khô mực và nhẩn chắc không ngọt bằng những lời ngọt bùi về dân chủ tự do, hòa bình công chính, đồng minh viện trợ; niềm hân hoan vì được xum họp bạn bè làm sao lẫn lộn được với những giọt nước mắt sung s róng của những bà mẹ, những người cha, người vợ, những đứa con đón nhận người thân yêu trong cảnh đoàn tụ, thanh bình của đất nước?

Ngủ đò là một ngày chủ nhật của tâm trí, một thứ nhầy dừ của tư tưởng. Đó là một đi hoang, một thoát ly bất thành. Chúng ta bị đu đưa giữa mộng và thực, vĩnh cửu và thời gian, thên nhiên và xã hội bất công. Ngủ đò giúp ta thoát ly chốc lát nhưng không thể giúp ta xoá bỏ những vòng kềm gai dày đặc vây

quanh : vòng kềm gai trên bờ, vòng kềm gai trên sông, vòng kềm gai trên đò và vòng kềm gai trong chính tâm hồn rạn nứt của mình.

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

Huế 7/70

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạng

BNP

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Những căn nhà của tôi

Di nhiên ai chẳng sống dưới mái một căn nhà : nhà của những người sinh ra mình. Những đứa con ăn uống nô đùa học hành và lớn lên trong căn nhà của lên bố mẹ, không bao giờ đặt ra vấn đề “căn nhà của tôi”. Chỉ khi nào đã yêu một người nữ, chọn lựa nàng làm vợ, nghĩa là “người nữ của riêng tôi” ít nhất là trong cuộc đời này, vấn đề căn-nhà-của-mình, căn nhà của hai đứa, mới xuất hiện. Và kể từ đó, dù căn nhà của bố mẹ có là lâu đài đồ độ, biệt thự hàng chục phòng, đứa con trai và người nữ của hắn, cũng chẳng còn bao giờ cảm thấy đó là nhà mình nữa. Họ phải kiếm, phải tạo lập một căn nhà mới, sang trọng hay nghèo hèn không quan trọng, nhưng là của đôi lứa và những đứa con sẽ sinh ra từ đôi lứa mà thôi. Thế rồi khi thời gian đã qua nhiều, các đứa con của đôi vợ chồng lớn lên, yêu đương, lấy vợ lấy chồng, chúng sẽ lại đặt vấn đề căn nhà như bố mẹ xưa kia đã đặt. Chu trình cứ như thế tái diễn, mãi mãi khi nào còn lứa đôi vợ chồng.

Và di nhiên tôi cũng không thoát khỏi chu trình ấy khi tôi yêu và chọn Thi làm người nữ của tôi, cho riêng tôi — dù tôi bị bố mẹ họ hàng xếp loại đứa con lãng tử, nghĩa là thoảng một cái đã đi đâu mất rồi và sống ở nơi nào cũng được... Lúc ấy tôi đang thuê chung một căn nhà với một bạn đồng nghiệp trong nghề giáo ở một tỉnh cao nguyên. Đề cho Thi có thể lên thăm và sống chung với nhau vài ngày mỗi tháng, tôi vội vàng đi kiếm

một căn nhà riêng : đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy cần phải có căn nhà cho riêng tôi. Và căn nhà đầu tiên ấy rất khiêm tốn, chỉ là một buồng xép vách gỗ mái tôn nằm giữa một khu vườn cà-phê, nép sát một cây mít lớn. Căn buồng trước được dùng chứa đồ cũ, và có lẽ có lúc được dùng làm bếp nữa, bàn thiêu u tối đến nỗi tôi đứng tần ngần giữa buồng không biết làm thế nào cho nó đủ sạch kịp thời để đón Thi. Sau cùng, tôi đã chọn giải pháp ít vất vả nhất : mua giấy dầu về đóng kín luôn bốn vách. Và dù có dùng phương cách này, tôi cũng mất khá nhiều thì giờ. Cứ đi đây về là vác búa vác đinh ra đóng hết tờ này sang tờ khác — trời đang vào mùa lạnh mà lắm lúc mồ hôi thấm ra ướt áo. Một con chim đục một con thú đục đang nhặt từng cọng rơm, tha từng mảnh lá, cành khô làm ổ cho con mái...

Nhưng hai đứa cũng chẳng có dịp để sống với nhau nhiều trong căn nhà hoàn toàn không tiện nghi nhưng cũng hoàn toàn thần tiên ấy. Một buổi trưa, có tiếng gõ cửa mạnh, một người cảnh binh đã bước vào đưa lệnh gọi nhập ngũ, và ngày phải trình diện quá cận, tôi không sao gọi Thi lên kịp để cùng nhau nằm trong chăn quấn tròn như cái kén, lắng nghe những trái mít non thỉnh thoảng rụng như sấm trên mái tôn, phá tung nền âm thanh ào ào của gió lạnh đan kết từng đợt ngấu bên ngoài.

Suốt thời gian tôi ở quân trường, Thi rời viện đại học Đà-lạt trở về nhà bố mẹ ở Sai-gon để vào thăm tôi mỗi

chiều thứ bảy và ngày chủ nhật trong vòng kềm gai đề rồi phát khóc lên vì ngược khi thấy chung quanh những đôi lứa ôm hôn nhau dưới ánh nắng mặt trời. Tứ bề bốc lửa. Và dĩ nhiên dù nàng có khóc, tôi cũng cứ vẫn hôn, không kém phần tàn bạo, bởi vì tôi đang chán nản tuyệt vọng, và cũng vì tôi yêu nàng dữ dội, tôi đang khám phá ra tình yêu... Thời kỳ được về phép, không có phòng riêng, hai đứa lang thang ở hết khách sạn này đến khách sạn kia trong đô thị hay có khi sống suốt đêm ngoài đường phố, ba giờ sáng vào quán mở khuya nhất, ăn cháo nóng nhìn xuống các con đường sắt bắt đầu loang loáng ướt sương, đề rồi tới năm giờ chuyển sang quán ăn mở cửa sớm nhất, uống ly cà phê đầu tiên của một ngày... Chính vì sự thiếu một căn nhà để yêu nhau như thế nên khi được tin Thi sẽ lên thăm tôi ở đơn vị mới đáo nhậm ở một ngọn đồi Pleiku, tôi nhất quyết tạo dựng một căn nhà.

Về phía sườn đồi gần hàng rào kềm gai, có một căn nhà tranh vá h đất siêu vẹo đồ nát, xưa kia do một sĩ quan làm ra cho vợ bây giờ đơn vị dùng làm kho chứa đồ phế thải. Người thương sĩ già mang linh tạp dịch xuống dọn dẹp, căng poncho ngăn mưa nhỏ qua mái tranh xác xơ, xếp các vỏ thùng che các phần vách lở. Quá bận quân vụ, khi tôi phóng chiếc xe đầy bùn ra tới thị trấn, Thi đã phải lội mưa về Quân trấn đội. Và trời cứ thế mưa tầm tã suốt trong lộ trình về tới túp lều tranh. Trong khuya, khi hai đứa chìm dần vào trong giấc ngủ, mưa lớn đến nỗi nước từ trên cao chảy xuống reo như suối quanh nệm cỏ, tưởng như sẽ đưa tất cả trời theo xuống lưng nhỏ phía dưới. Chính trong nhà tranh sườn đồi này, Thi bắt đầu học làm vợ: nàng đốt hết ba tờ báo

hàng ngày và tăng cường một nửa hộp xăng bật lửa của tôi mới nhóm xong bếp lửa thổi nồi cơm đầu tiên trên đời. Khói xanh bốc lên thật cao và mặc dù gió mạnh, đứng trên bộ chỉ huy tôi đã phải vội vàng chạy xuống xe n có phải nhà cháy hay không...

Từ đó trở đi, Tôi sống cuộc đời như đuôi cánh diều: tôi đòi đến đâu nàng theo tới đó để mỗi tháng có thể sống được với nhau vài ngày. Nàng đã đến với tôi ở một căn nhà tồn nằm trên đỉnh một đồi khác, rời quốc lộ phải đi bộ băng qua một dòng suối, leo hai lần đồi mới tới. Căn nhà mái tôn thủng lỗ chỗ, đêm trời quang nhìn lên như thấy ngàn sao và gió thổi mạnh và lạnh đến nỗi tôi phải quấn hai chăn len lín thành một cái kén cho Thi chui vào ngủ qua đêm. Một căn nhà như thế mà cứ điềm trường còn gây khó để đến nỗi tôi phải tìm thuê ngoài thị trấn một nhà tôn vách gỗ nằm ở nơi nhiều bụi đến nỗi một lần vào buổi trưa nóng, thức giấc sau ân ái, dưới nắng chiều chiếu vào, tôi thấy bụi đã phủ trên da ngực nàng một lớp phấn hồng óng ả.

Nàng cũng theo tôi xuống miền duyên hải nóng cháy khô cả cỏ có những ngôi nhà nằm trên cát trắng và bãi biển vắng bóng chân người. Và căn nhà nhỏ nhất tôi đã mang lại cho nàng là chiếc hầm đào trong tiền đồn, trên căng poncho ngăn mưa và thỉnh thoảng dịch phóng lựu đạn nội hóa vào có trái không nổ nghe như trái mít khô rụng năm nào trên cao nguyên. Còn căn nhà đơn sơ nhất tôi mang lại cho nàng hẳn là các lá cây xao xác trên chiếc võng giữa đồng hoang liêu.

Lang thang mãi rồi cũng được đổi về Sai-gon và cũng phải rất lâu sau đó đó,

lừa lêu bêu này mới có được nhà riêng: đó là căn nhà của mẹ tôi để lại, một căn nhà di nhiên là vẫn mái tôn vách gỗ, nằm nhờ trên phần đất của cư xá Công binh — binh chủng xưa kia ba tôi làm việc khi còn sống. So với những "căn nhà" tôi và Thi đã trải qua từ khi lấy nhau, thì căn nhà của mẹ dù đơn sơ mộc mạc, vẫn là nơi trú ngụ thích thú. Mùa mưa nước ngập mênh mông thì lội nước đi chơi, nhà quá hờ lá vàng rơi đầy nhà càng đẹp. Trong khoảng thời gian ở căn nhà này quân lực Hoa-kỳ bắt đầu đổ bộ vào Việt-nam. Tính thích nghiên cứu về quân sự, nhất là quân sử hiện đại, tôi biết khá rõ tất cả những gì sẽ xảy ra cho xã hội Việt-nam một khi quân lực giầu có nhất thế giới tới cư ngụ: kinh nghiệm của Âu châu, của Nhật và của nhiều quốc gia nữa.

Tôi biết rằng người lính Mỹ không có hiếp gái địa phương, dù là gái quốc gia thù nghịch cũ như Đức Nhật, nhưng họ bỏ tiền mua. Họ không chiếm nhà cửa đất cát của ai cả, họ chỉ trả tiền cao để thuê hay mua. Họ không dùng võ lực bắt ai hầu hạ hết, họ chỉ chi tiền ra trả công bồi đắp cùng các dịch vụ tương tự thật hậu. Trong các danh tác quốc tế, đây rầy những tình tiết loại này. Và tôi cũng biết rõ rằng đây là dịp ngàn năm một thuở để làm giầu...

Lúc ấy tôi mới chỉ là nhà văn mới viết và hành động thực sự chỉ mới khởi đầu. Bởi thế tôi bán khoán giữa hai con đường: một là đợi ngày giải ngũ không còn xa, tôi sẽ đi ra Vũng tàu, Cam ranh hay Chu Lai, thầu giặt ủi hay bất cứ dịch vụ thông thường nào cho quân đội Hoa-kỳ, kiếm dăm bảy triệu đã. Có phương tiện tài chính vững, làm

gì cũng dễ. Hơn nữa tôi đã từng cay đắng nhận thấy nhiều khi đa số dư luận bây giờ không thêm đề ý tới xuất xứ đồng tiền sạch hay bẩn, miễn là có tiền và chi tiền đúng cách, là được. Lý trí tôi tính toán như thế thật đúng và thực tế. Nhưng không sao nghe được tiếng nói của lý trí tôi. Từ phần sâu xa nhất của tâm hồn tôi, một tiếng nói của tình tự cất lên ngăn cản. Hơn nữa, người mà tôi kính mến như một người lý tưởng là Nhất-Linh vừa nằm xuống không bao lâu... Chẳng làm được anh hùng hào kiệt vẫy vùng trong bốn cõi thì thôi, ít nhất cũng không thêm làm triệu phú và chánh khách bằng cách làm bồi bếp cho thiên hạ! Tôi gạt tiếng-nói-thực-tiễn sang một bên, lao ngay vào công việc đã bàn tính cùng một số bạn bè dù trong túi bao giờ tôi cũng có một số tiền nhiều đến nỗi ai khó tính đến đâu cũng đành phải gọi là hàn sĩ. Đối với những quyết định loại này, người vợ có tác động lớn, nhưng Thi không bao giờ đòi hỏi một cái gì khác hơn là tình yêu của tôi. Tình yêu đó, nàng đã có. Nàng nhớn nhoe thoải mái trong căn nhà gỗ chơi rỗi cùng con, vui vẻ như không ngồi sau chiếc xe gắn máy cũ đến nỗi có cho không Ba Tàu làm xe chở bánh tui cũng không ai thêm nhận. Và khi bạn bè kéo đến đầy nhà bàn cãi, quay máv, giấy xệp từng lớp chiếm hết diện tích, nàng ôm con thu mình ngủ như mẹ con mèo xứ quê ở một góc giường...

Người Hoa-kỳ đến Sài Gòn mỗi ngày một đông và đúng như tôi tiên liệu, họ bỏ những ngân khoản khổng lồ ra xây cao ốc, chỉ những khoảng gấp mười lần giá thường để thuê nhà tư gia. Những sĩ quan có nhà ngoại phố di nhiên không bỏ lỡ dịp có tiền một cách lương thiện và dễ dàng như vậy. Do hiện tượng đồn

toa, người Việt cứ lùi dẫu, lùi từ biệt thự xuống nhà chệt, từ tầng trên xuống tầng dưới từ nhà ngoài vào nhà xép để lấy chỗ làm *House for rent*. Khu tôi đang ở trước chỉ là cư xá dành cho hạ sĩ quan và nhân viên dân chính nay được nâng lên hàng cư xá sĩ quan. Tôi cũng là sĩ quan nhưng xuất xứ bộ binh nên bị tổng cổ đi một cách nhanh chóng nhất mà quân đội có thể nghĩ ra được: phải rõ nhà trả đất đúng hạn kỳ nếu không tôi sẽ bị An ninh tới hốt và nhà bị bulldozer tới ủi. (1)

Lúc đó Thái độ đang quay số thứ 2. Mất nhà, tôi cùng Thi không có chỗ trú mưa nắng đã đành, anh em còn mất luôn cả chỗ làm việc nữa. Tiền sang nhà dĩ nhiên là không có rồi. Đang ngồi cả đám chung quanh mấy ly cà-phê giữa những chồng giấy còn lem mực cao ngất mà lo lắng thì một người bạn gái của Thi can thiệp, cho mượn một cái nhà đủ tiện nghi bên kia cầu Mống. Thế là cả bọn chia nhau, kẻ đi mượn xe nhà binh, kẻ kiếm tài xế, hẹn nhau một sáng chủ nhật tập trung dọn nhà. Trao việc kẻ dọn tổ chức nhà mới cho bạn bè, tôi theo chuyển xe chót trở về nhà cũ, trao nhà cho người mua vật liệu sẽ có sau khi rõ nhà. Mồ hôi thấm ướt hết bộ quần phục trận, tôi không khỏi thoáng thấy buồn bã. Nhà của mẹ tôi đồ mồ hôi ra làm, xin từng thanh gỗ, từng bao xi-măng, từng cân đinh... Ba thằng con trai của mẹ không biết sau này có làm vương làm tướng gì không chưa biết, còn bây giờ, giữ mỗi căn nhà tôn vách gỗ song thưa nằm trên vũng lầy này cho mẹ mà còn không xong...

Công việc tiến hành hăng hái, mọi người tin tưởng ở tương lai. Căn gác nhỏ đặt máy ronéo vang tiếng máy chạy,

tiếng người cười, bàn chuyện chính trị, văn hóa, cách mạng tới khuya. Nhưng tất nhiên mọi sự không thể tốt đẹp như thế mãi được. Trước hết là một sáng đẹp trời, chiếc xe gắn máy của tôi, con chiến mã già như bạn bè thường gọi đùa, đã gãy trục trước gục xuống, ném tôi lộn đúng một vòng ngoạn mục xuống dốc. Tập san Thái độ bắt đầu bị tịch thu từ Huế đến Saigon, tôi đã phải nhiều lần đến trình diện các cơ quan an ninh và nhà bị chủ nhân xin lại. Lòng tốt của người bạn như thế là nhiều rồi trong thời buổi bao nhiêu tắc đất tắc vàng bấy nhiêu này. Lại đi kiếm nhà ở phen nữa. Lần này phải đi dọc theo đường LVD cho tới khi gặp một bãi rác thật to, men theo bãi là một con đường đất nhỏ băng qua một vùng nước ngập, con đường cứ mưa hơi to là biến mất tích và các bạn bè mỗi lần đến là làm một cuộc phiêu lưu nhỏ: phải dùng cái móc dẫu để đoán đường nằm ở đâu, đoán sai là đưa cả người lẫn xe xuống bùn. Nhà không điện không nước. Những ngọn đèn dầu hơi lớn tỏa hơi nóng đến nỗi hôm nào trời bức muốn quay ronéo phải cời trần. Còn những hôm mưa gió tứ bề, có người bạn đã phải mượn cái nón Thi vẫn đội đi chợ mới có thể quay xong phần giấy của mình. Chính trong căn nhà thế kỷ 18 này, tôi đã tiếp những người phóng viên ngoại quốc đầu tiên. Và khi một Nhật báo Nhật hỏi xem liệu cách mạng xã hội có thực hiện được ở miền Nam không, tôi đã trả lời ngay thẳng là rất ít hy vọng. Người già không phải chiến đấu lại được hưởng nhiều lợi lộc của chiến tranh, họ chống lại mọi cái cách để giữ đặc quyền. Chỉ còn những người trẻ. Nhưng họ mỗi ngày một hao hụt trong cuộc chiến chống Cộng ngoài tiền tuyến và vào tù mỗi ngày một nhiều ở

(1) Xin đọc «Căn nhà người mẹ».

hậu Phương... Người Nhật đã hỏi thêm một câu : Như vậy tại sao các anh còn đi vào con đường đó ? .. Cũng từ căn nhà này đã phát sinh ra huyền thoại tôi là người « khó gặp » nhất nước vì muốn tới kiếm, khách phải đi học bơi trước đã ! Đã có lần các người của một hệ thống truyền hình Pháp đã bỏ hẹn không tới chỉ vì người trung gian đã dặn dò : Ai không biết lội, hãy mang theo phao cấp cứu, SVP !

Câu hỏi của những người ký giả Nhật đặt ra cũng là câu hỏi xuất hiện trong đầu đa số bạn bè tôi trong thời kỳ này. Hai năm hơn làm việc vất vả không dẫn đi đến đâu cả. Những kẻ chưa kịp làm anh hùng đã bắt đầu thấm mệt. Các phản hóa, chán nản nảy sinh và tôi còn xa mới đủ tài đủ đức để hoá giải... Theo một tục lệ đặt ra từ đầu, ai đến thăm gia đều mang theo một ngọn nến nhỏ. Nến đó sẽ được thắp lên trong im lặng, gần vào mặt bàn trong phòng không ánh sáng. Những người khác hiện diện cầm nến của mình lên theo. Ý nghĩa của buổi góp nến này thực giản dị : chúng tôi ý thức được mình chưa làm gì hơn chẳng làm được gì hơn là góp một nến nhỏ soi cho sáng mặt nhau để ngồi với nhau trong bóng đêm — trong niềm hi vọng một ngày kia những ngọn lửa nhỏ yếu sẽ tạo thành đám lửa rực trời. Và chưa chỉ những ngọn lửa nhỏ nhoi ấy bắt đầu thắp thoáng tắt dần.

Đến khi tôi và Thi bị chủ nhà đuổi một cách tàn nhẫn ra khỏi căn nhà thế kỷ 18, tôi không còn quá sáu người bạn lợi bùn đến khênh hộ đồ đạc, máy, sách vở ra khỏi vũng lầy. Mà khênh đi đâu ? Tôi không còn chỗ mà về. Đồ đạc, sách vở phân tán gửi mỗi nơi một ít, còn tôi và Thi cùng đưa con nhỏ nhất đi thuê một căn buồng kiểu nhà trọ tư nhân trong một cư xá của công an. Một căn buồng ban ngày cũng chẳng bao giờ

thấy ánh sáng mặt trời. Đến bữa cơm, hai đứa đèo nhau ôm con về ăn bên gia đình nhà vợ. Vợ chồng chủ nhà đều thuộc loại dữ dằn, đánh nhau cãi nhau và các con dao cứ được rút ra xoành xoạch. Tôi bật ngọn đèn lên, đóng cửa phòng lại, căn phòng rộng đến nỗi chỉ chứa được một giường và một bàn hai ghế, bắt đầu làm lại từ đầu, trong cô đơn. Một buổi trưa ngồi uống cà-phê ở một quán tàu nhìn ra ngã ba nhiều xe phun khói xanh lơ mờ, tôi chợt thấy cay đắng. Khi mới lớn, tôi đã cứ tưởng rằng người đứng ra làm việc : đấu tranh, chỉ cần tận tụy làm việc ngày đêm và giữ cho mình thanh bạch là đủ... Đó là một ước tính sai lầm vì đó chỉ đúng cho thời xưa. Trong cuộc chiến bây giờ, cần thêm nhiều yếu tố chính trị và tài chính và tôi thì hoàn toàn không có cả hai điều kiện này. Tôi đã không chịu lao mình vào cuộc đua làm giàu quanh người Hoa kỳ và tôi đã không làm một ma-nốp chính trị nào. Đề rồi tới lúc này, tiền không, địa vị không, còn bạn bè thì rời xa... Nhưng cay đắng thì cay đắng vậy thôi. Khi lao vào cuộc đấu lần thứ hai, tôi không hề thay đổi nguyên tắc ở đời — bởi vì dù thất bại lần nữa cũng không sao, tôi còn quá trẻ.

Các ngọn nến từ tứ phương xuất hiện tụ hội, một tờ đặc san ra đời và một nhà xuất bản hình thành. Đến Noël năm ấy, trong căn buồng nhỏ thuê ở một nơi khác sạch sẽ hơn và bớt vẻ ác mộng hơn, tôi và Thi đã cử hành một đêm giáng sinh vui vẻ. Các con đã được đón về chung sống, quây quần quanh một cây thông giả nhỏ xiu nhưng bày sau một cái buche to bự. Còn Thi, nàng pha rượu vang đỏ với các loại trái cây để tôi ngồi uống thật khuya trong

những điệu thánh ca từ các phương rất xa vang lên từ chiếc máy thu thanh, nhìn ngắm đứa con nhỏ nhất mới biết đi giờ hai bàn tay hồng mập ú lên chồm vờn bắt quả bóng đỏ lấp lánh kim tuyến thả từ trên trần xuống.

Lần này tôi cùng các bạn làm việc có thể nói là hồi hải bởi vì ý thức rằng với tình hình này, khe hở của thời cuộc dành cho những người muốn đổi mới xã hội sẽ sắp bị bít kín. Sau đó sẽ chỉ còn có thể ngồi im chờ đợi các người ngoài quyết định hộ vận mệnh cho mình. Chuyển tàu của lịch sử đã hụp còi vào ga... Lỡ lần này nữa thì biết đến bao giờ, và người Việt đã nổi tiếng vì đã lỡ chuyển tàu này quá nhiều lần: 1945, 1954, 1963. Nhưng vẫn không kịp. Hàng hóa xa xỉ tiện nghi và đồng tiền Hoa-kỳ đã tràn ngập xứ này, dìm tắt cả trong một cơn mê sảng hưởng thụ chưa từng có. Tiếng nói của những người như tôi không còn được nghe nữa, tiếng nhạc từ TV từ xe gắn máy Nhật từ Toyota đã che lấp tất cả. Tiếng súng thảm khốc, tiếng chuông chùa cũng chẳng còn vượt qua được bức hàng rào âm thanh ấy... Nhưng vì cần thận, thiên hạ vẫn cho áp dụng các biện pháp dẹp bỏ những thành phần cấp tiến và tả khuynh. Tờ đặc san bị đình bản ngay và các guồng máy an ninh ghê khiếp chuyển vận. Gỡ cho mình và bạn bè khỏi trở thành thân chủ cho các chuồng cọp ngoài hải đảo là cả một vấn đề lớn, làm tôi không còn chú ý đến rằng tôi đã phải dọn nhà thêm tôi hai lần nữa, rút về một ngõ hẻm trong một xóm lao động gần Trường Đua.

Khí ra khỏi cơn gió lốc, chưa kịp thở, lại bị đòi nhà. Và vì chưa bao giờ nghèo đến thế nên tôi giải quyết vấn đề bằng

cách để Thi mang con lên ở với mẹ tôi trên Đà-lạt nghỉ hè. Còn tôi ở lại, hoàn toàn một mình một lần nữa, mặc bộ quần phục trận xải tay áo lên khênh đồ đạc sang gửi bên nhà vợ chồng đứa em gái thứ nhất. Còn tôi, tôi cũng sang ở nhờ một nơi căn buồng nhỏ nằm mãi tí phía sau.

Xưa kia đó là sân sau cỏ mọc dùng để phơi quần áo. Nhà thơ Nguyễn đông Ngạc cũng lâm cảnh không nhà, điều đình với em gái thứ nhất của tôi để xây lên một căn buồng nhỏ nhìn ra một hẻm nhỏ. Và căn buồng này đã được dùng làm nơi hội họp cho anh em trong nhiều năm: các ngọn nến đều đã được thắp lên và tắt đi trong không gian hẹp đó. Những Trần triệu Luật, Phan trước Viên, Miên đức Thắng, Phạm Duy đã tới ngồi dưới đất, dựa vào tường mà thảo luận, cãi luận, đọc thơ hay hát... Từ khi Nguyễn đông Ngạc dọn đi, vợ chồng em gái tôi sử dụng căn buồng làm nơi làm hầm cát chống hỏa tiễn cùng chứa tất cả các đồ phế thải, và cửa sổ độc nhất đã mở ra một đồng rác cao gần che lấp bầu trời.

Mồ hôi chảy ra thấm đến vợ tôi mới dọn quang được một góc kê cái bàn và chiếc giường. Ngồi lên ghế, ruỗi thẳng chân đập vào thành bầm cát, tôi uống một ly nước lạnh chầm một điệu thuốc rồi làm một cuộc kiểm điểm. Tiền vẫn không, địa vị cũng không, anh em rời xa — lần này khác hơn lần trước vì là lý do an ninh đòi hỏi... Kiểm điểm cụ thể hơn, chiếc bàn có hai ghế đang ngồi là của mẹ tôi, chiếc giường gỗ kê kia là của mẹ Nhất Linh để lại, hai giá sách gỗ cũng là của mẹ... Tôi chẳng có gì là của tôi. Tôi phá lên cười một mình khi nghĩ rằng tôi có thể thách cả Huỳnh tấn

Phát lần Nguyễn hữu Thọ, Lê Duẩn lần Trường Chinh so của xen ai vô sản hơn ai.

Tài sơ trí thiên đức không đủ để làm người cách mạng thì làm văn hóa vậy. Tôi bắt đầu lại từ đầu lần nữa, từ giải sinh kế gia đình, kiếm một căn nhà, viết một loạt sách, dịch mấy cuốn thật dày. Vất vả hơn bao giờ hết, tôi ra đi từ sáng sớm, trưa ăn cơm đĩa rồi đi dạy học, tối nhà in sửa bài, tối uống ly cà-phê với bạn bè, khuya về để đèn sáng cầm bút lên... Tôi dự tính sẽ kể cho Thi nghe tất cả những điều ấy, kể cả một đêm lên cơn sốt rét rất nặng chỉ vì cố gắng làm cho xong mẫu bia để đưa nhà in sáng mai, và khi rằm xuống chìm ngập vào cơn mê sáng, tôi hình như trông thấy nhiều

người bạn đã chết ngồi la liệt hút thuốc cười nói như ngày nào ... Nhưng một buổi trưa nóng, khi bước chân vào phòng thiếu sáng, Thi quỳ lên gối hai tay lên đón như một bông huệ vươn về ánh sáng mặt trời, tôi quên hết những gì định kể bởi vì chợt khám phá ra rằng tôi chưa bao giờ thiếu nhà. Vách hầm cát đen đui, vách tường xám xỉ, đồ đạc cũ hỏng xếp cao lên tận trần đột nhiên tan biến... Tôi hiểu rằng nơi nào có người nữ yêu đương, nơi đó sẽ là căn nhà của tôi.

THÊ UYÊN

(trích *Đoạn đường chiến binh*)

Chúc mừng

Thân chúc

và Trần Công Nghị
Trần thị Kim Anh

ngày 12 8-70 đến trăm năm hạnh phúc

vợ chồng Hoàng Ngọc Châu
vợ chồng Nguyễn Đức Sơn

Quyền sách bán chạy nhất của :

NGUYỄN - MẠNH - CÔN

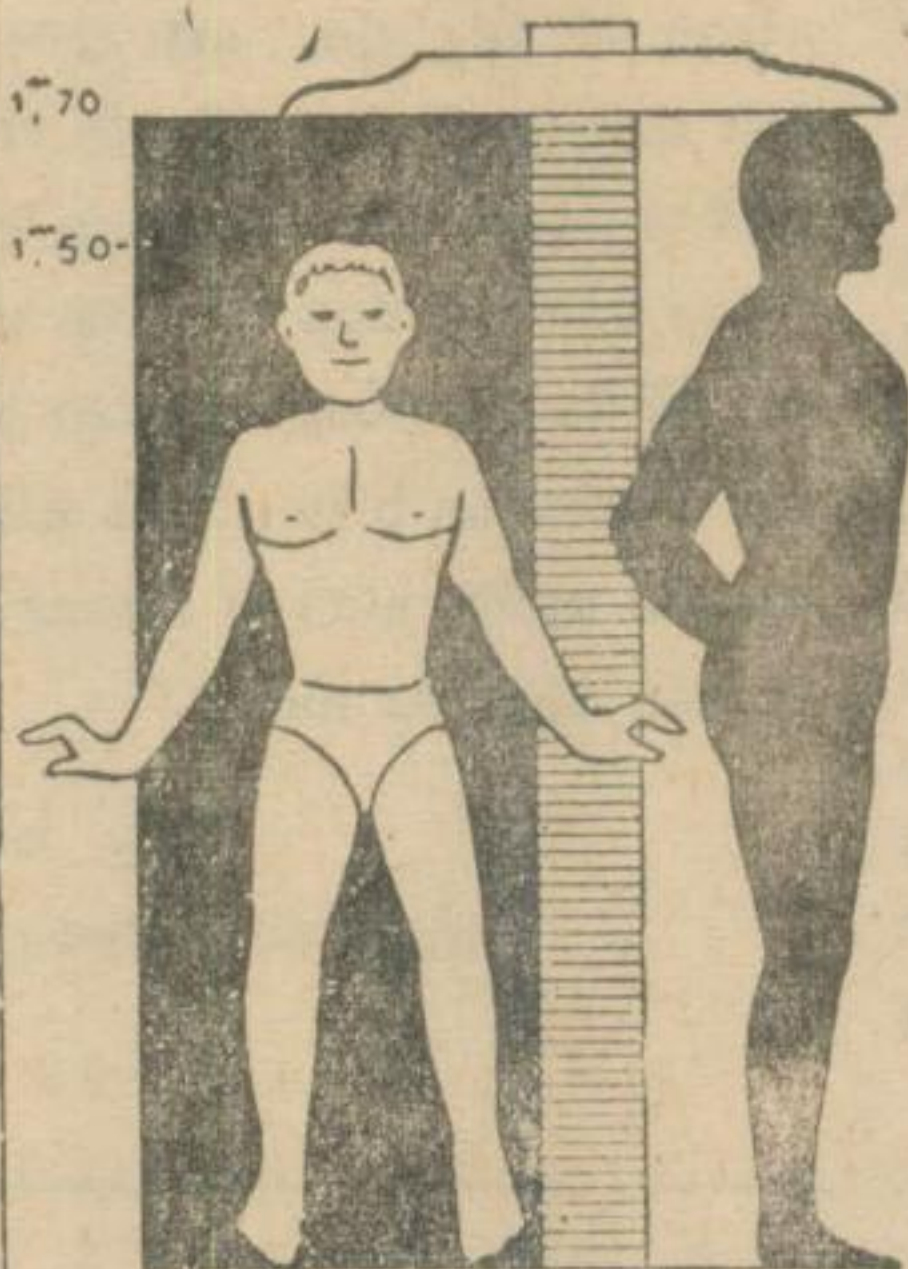
MỐI TÌNH MÀU HOA ĐÀO

In lần thứ ba, sách dày **250** trang giá **180đ**

Bán tại : Nhà sách **KHAI TRÍ 62** Lê Lợi Saigon

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CÙNG XƯỜNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

56 KN 18 MBYT/QCPD

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỒ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CƠ CHẤ! GAN BỒ TƯƠI CỦA HÒA - LAN

Cây chuối buồn

Ông Hải thức dậy lúc 9 giờ sáng. Đáng lẽ ông còn ngủ nữa nhưng tiếng hát của ai ở phòng tắm bên cạnh lẫn với tiếng nước chảy rào rào làm mất yên tĩnh của giấc ngủ buổi sáng. Ông Hải rất ghét mấy anh chàng lúc nào khác không hát, chỉ đợi vào buồng tắm mới hát. Ý hẳn vì hát dở quá không dám để ai nghe, phải đợi có tiếng nước chảy át đi «ca sĩ», mới dám mở miệng.

Nếu không được nữa, ông dậy thay áo đi ra tiệm. Ông đã sống ở đây gần 30 năm nay từ ngày cái thành phố Tàu của Cựu kim-sơn còn thừa thớt vắng vẻ, cho đến bây giờ nhà cửa sát vách nhau, chồng chất lên nhau, cả đến không khí cũng có vẻ khan hiếm. Một đám đông ngồi gần nhau tưởng như mình hít vào cái không khí của anh chàng bên cạnh vừa thở ra. Thế nhưng ông không muốn dời đi đâu hết. Thành phố này bây giờ là quê hương làng xóm của ông, căn phòng trọ là nhà của ông, những người bán rau quả, các tiệm đồ chơi, đồ ăn, các chủ phòng trà, khách sạn, ông đều quen biết. Trừ một ít du khách qua lại, những người sống lẫn quần ở China Town nhiều năm như ông, có thể gọi tên nhau thân mật như bà con.

Cùng một lứa với ông, có những ông già khác bạn thân của ông. Những A Wòng, A Ly, A Tần, A Yून cũng như mỗi ngày họp mặt nhau nói chuyện

gẫu. Phòng nhóm của các ông là các phòng khách của bất cứ khách sạn nào. Những khách sạn này phần nhiều mở cửa suốt ngày đêm. Ở phòng khách ngay tầng dưới có vài thứ báo hằng ngày và có nơi có cả T.V. cho khách trọ xem. Các ông cứ đến ngồi đấy xem báo hết giờ này sang giờ khác, hết tháng này sang tháng khác. Xem hết báo của một khách sạn rồi các ông kéo nhau đến phòng khách của một khách sạn khác để xem báo khác. Lắm lúc các ông xem báo chán rồi không muốn làm gì khác, chỉ ngồi nhìn người đi lại qua cửa kính. Có người vội vàng, có người chậm rãi, có người đẩy vé lo âu, có người vui vẻ thỏa mãn trào ra trên khóe mắt, nụ cười... Các ông đánh cuộc với nhau đếm xem có bao nhiêu bộ mặt quen...

Các vũ nữ thoát-ty, các cô nữ chiêu đãi mặc bikini, các diễn viên «một mảnh» «nửa mảnh» của thành phố Tàu ban đêm, ban ngày trông lương thiện và quen thuộc như những bà vợ hiền.

Các ông ngồi đếm hết người lạ đến người quen không hề chán.

Những hôm trời mưa, các ông ngồi đếm xem có bao nhiêu giọt mưa rơi thẳng và bao nhiêu giọt rơi vướng vào cửa kính.

Các ông cần cái phố Tàu này để làm quê hương cũng như phố Tàu cần có các ông để làm cảnh vậy. Ông tưởng tượng giá

giá phố Tàu không có các hàng hoa quả rau cải bày lan ra trên vỉa hè như các đường phố bên Tàu, cũng như không có các ông già rảnh việc như các ông, mũ che kín tai kéo sớ gió, 2 tay ú vào nhau, bàn tay này thọc vào ống tay áo kia, đi thơ thẩn hết phố này sang phố khác, ngồi đọc báo hết phòng này đến phòng khác, đi uống trà hết phòng trà này đến phòng trà khác thì còn gì là phố Tàu nữa!

Ngày xưa, đã có một độ ông luôn luôn mơ ước ngày về nước, nhưng bây giờ thì hết rồi. Ông cúi nhận số phận, ngao ngán đến nỗi không còn muốn than thở nữa! Lắm lúc ông Hải cũng thấy nhớ quê hương một cách lạ lùng, những lúc ấy ông vội vàng mặc áo khoác chống gậy đi tìm mấy ông bạn già để khỏi chìm đắm trong nhớ nhung.

Quê ông Hải ở một làng nhỏ thuộc tỉnh Hàng Châu, nơi nổi tiếng gấm vóc tơ lụa đẹp nhất nước Tàu, nơi có phong cảnh đẹp như tranh vẽ, nơi có cái hồ to đầy liễu rủ, trong hồ đầy những du thuyền, bên hồ đầy người dạo cảnh, một thị xã Tô-Đông-Pha nằm ngay bên cạnh, tăng thêm giá-trị lịch-sử cảnh hồ. Hồ là nơi gặp gỡ của giai-nhân tài-tử, nơi thề hẹn của những đôi tình nhân, nơi giải trí của cả gia đình, nơi thu hút du khách từ nghìn dặm xa xôi... Một nơi như thế mà ông đã phải rời bỏ từ gần 30 năm nay rồi!

Người Tàu hay chịu khó đi làm ăn xa và giúp đỡ lẫn nhau. Vì công việc làm ăn, dù có phải đến một nơi non xanh nước độc, khi họ có gậy nào họ cũng không từ chối. Nhất là những nơi họ thấy có cơ làm ăn được với bọn thổ dân chất phác lương thiện, là

họ chịu khó đem bà con bạn bè đến lập nghiệp.

Ba mươi năm trước, ông theo một số bạn bè sang Mỹ mở tiệm ăn. Ông ra đi với giấc mộng sẽ trở về với túi vàng cho vợ con sung sướng, nhưng ông không ngờ là có những giấc mơ không bao giờ thực hiện được. Ở Mỹ được vài năm, Trung-Hoa đổi chủ, đối với ông nước Tàu vẫn còn đó là được, chính-thể nào ông không cần biết. Ông tưởng cứ đi làm và để dành tiền thì một ngày kia nếu ông không về vợ con ông sang Mỹ cũng được. Ông đã bảo vợ ông nhiều lần nhưng bà không chịu, nhất định bảo ông cứ lo gởi tiền về để bà sửa soạn nhà cửa, và lo công việc thay cho ông. Ông cũng muốn dưỡng già và chết ở quê-hương nên tin bà thàng thàng làm được bao nhiêu tiền cũng gởi về hết. Nhưng số tiền này ông gởi qua một nhà Ngân hàng tại Hong-kong làm trung gian. Thỉnh thoảng họ cũng đưa tin giúp ông. Đã có lần ông nghĩ vợ ông đã không sang thì ông về nước vậy nhưng vợ ông cũng nhất định không chịu, bắt ông ở lại Mỹ đi làm và chỉ nên kiếm thực nhiều tiền gửi về trước đã.

Ông sống trong giấc mơ hồi-hương với vợ con cho đến khi một người bạn thân trốn ra được Hong-kong cho biết sự thực. Vợ ông đã thành một cán-bộ xã từ lâu, và với số tiền của ông gửi về hàng tháng suốt bao nhiêu năm, bà tậu nổi một ông chồng cán bộ huyện.

Ông nghe chuyện rầu rĩ đình hẵn việc hồi hương. Giấc mộng tậu nhà tậu đất ở Hong-kong để vợ chồng ông tại hợp ở đây và lập nghiệp dưỡng già thế là theo mây theo gió.

Giờ đây ông đã thành một ông già lắm cảm. Tiệm đã cho ông nghỉ để thuê những người giúp việc khác nhanh nhẹn trẻ trung hơn. Có như thế không khí trong nhà bếp mới hoạt động. Các cô nữ chiêu đãi mặc áo trắng ra vào lấp nập, mồm hô to món ăn, treo mảnh giấy trên cái đinh trước mặt người bếp chính. Anh bếp phụ cất tiếng nhắc lại tên các món ăn. Tiếng hô tiếng đáp vang lên, thỉnh thoảng lẫn đôi tiếng cười mắt liếc. Đó là cách giữ các anh bếp chính vốn là nguồn sống của tiệm, và cũng để giữ các cô nữ chiêu đãi viên. Rồi thỉnh thoảng lại thấy một cặp chiêu-đãi và bếp chính từ già chủ nhân để thành chủ nhân một tiệm nhỏ ở một thành phố hẻo lánh khác.

Ông cũng đã từng mơ ước như thế, nhưng bây giờ già rồi, mộng tàn trước khi thành hình.

Ông ở trong một khách sạn Trung-Hoa tại ngay trung tâm thành phố Tàu này. Căn phòng ông thuê đã 30 năm rồi nên giá tiền không lên mấy. Trong khi ở các nơi khác giá đã tăng lên gấp năm bảy lần với mức sinh hoạt. Phòng ông bé nhỏ chỉ vừa để một cái giường, có một mảnh ván mỏng ngăn đôi gian phòng. Bên kia có một cái bàn ăn nhỏ, một cái bếp điện và một cái tủ nhỏ đựng chén bát, đồ làm bếp. Muốn đi nhà tắm hay vào phòng rửa mặt phải ra ngoài hành lang, có một phòng chung cho tất cả khách trọ của từng lầu.

Những khách trọ khác phần nhiều có việc làm quanh quẩn ngay trong thành phố. Suốt ngày đi vắng, họ chỉ cần một chỗ đặt lưng từ đêm khuya cho đến sáng.

Đồ đạc của Ông Hải rất giản dị, ông không có gì ngoài hai cái va ly, vài bộ

quần áo cũ, vài món đồ dùng nhà bếp, Vì thế gian phòng tuy bé mà đối với ông rất rộng và tạm gọi là đủ tiện-nghi. Ông thích nhất xuống đến đường là phố, đi thêm vài trăm thước là chợ của Chinaton.

Tất cả các hàng thực phẩm quả bánh, hoa quả gì cũng có, tất cả bày la liệt tràn cả ra ngoài hè phố giống hệt một thành phố Tàu ở Tàu. Mỗi ngày ông xuống phố mua vài hào rau, vài hào thịt thế là đủ lương thực tươi ngon trong một ngày. Nếu lười nấu ông mua đồ ăn chín sẵn như thịt xa xiu, gà, vịt quay, hay bất cứ loại đồ ăn nấu sẵn nào, ăn tạm qua loa cho xong bữa.

Hôm ấy trời mưa, ông đang ngần ngại không biết nên ở nhà nằm lì trong chăn hay dậy đi đọc báo với mấy ông bạn già thì bà Thu đến gõ cửa. Thu đến tìm ông với một bức thư giới thiệu của một bà bạn của ông quen với chị dâu của Thu. Sợi giây liên lạc tuy có hơi lỏng lẻo, nhưng khi người ta đến một xứ lạ, muốn tìm một chỗ đặt chân, sợi giây lắm khi còn vô lý và mong manh hơn nữa.

Ông được biết Thu vừa mới góa chồng, nàng vốn ở một tiểu-bang khác, bây giờ dắt đưa con trai độc nhất xuống miền Nam tìm năng ếm tìm việc làm

Hôm ấy trời, mưa lâm thâm và âm u không có nắng đẹp như những ngày trước, ông thấy người ê ẩm đau nhức từng lóng tay lóng chân, đang định không đi đâu và gặp ai cả. Nhưng sau khi đọc xong thư giới thiệu của Thu mang đến, ông thấy khỏe hẳn lại. Ông nhanh nhẹn mặc áo tơi, đội mũ chống gậy dẫn Thu đi đến khách sạn Bách-Lạc. Ông vừa đi bộ vừa cắt nghĩa cho bà Thu tình-hình và cuộc sống ở

phố Tàu. Lần đầu tiên ông cảm thấy mình quan trọng đối với một người, nhất là một người đàn bà trẻ và đẹp. Thêm vào đấy ai cũng có thể thêm thắt vào cho câu chuyện có vẻ quan trọng hơn là người ấy đang cô đơn ở một thành phố xa lạ, với hai đứa con lên năm. Nàng cần chỗ ở, cần việc làm, cần tất cả mọi sự giúp đỡ của tất cả mọi người. Thế mà nàng chỉ biết được có một mình ông, chỉ có thể hy vọng cậy nhờ được vào ông thôi. Ông thấy hãnh diện như một người anh hùng sắp xỏ tay áo ra che chở cho giai nhân. Ông tưởng tượng ông sẽ giúp cho Thu tìm khách-sạn ở tạm, rồi tìm nhà, tìm việc, Thu sẽ không bị ai lừa dối; làm hại nàng ở cái thành phố xa lạ này.

Ông đưa Thu đến khách sạn Bách-Lạc vì đó là một khách sạn gần nơi ông ở nhất và cũng là nơi ông thích ngày ngày đến đọc báo nhờ nhất. Ông nói cho Thu biết khách sạn tuy cũ nhưng to lắm, giá tiền lại rẻ. Ngoài ra có một điều đặc biệt là tất cả các sinh viên ngoại quốc ở Đông Nam Á đều trọ ở đây khi họ phải ở lại chờ máy bay về nước.

Trong khi ngày ngày Thu đọc báo tìm nhà, đi xem nhà và tìm việc, ông tự nguyện trông con cho Thu. Thấy Thu và con phải đi ăn tiệm tốn nhiều ông đề nghị Thu mua đồ ăn đem về nhà ông nấu, như thế vừa rẻ vừa ngon hơn. Ông Hải nói đúng, cơm nhà nấu ngon hơn thực. Ngày xưa ông Hải đã từng làm đầu bếp nên biết xào nấu rất khéo. Ông không cho Thu làm gì hết, bảo nàng cứ ngồi nghỉ để ông nấu một mình, vì ông thích như thế.

Một hôm bé Tân chạy vào phòng ông phá phách một lúc bước ra bảo mẹ :

— Bác Hải thế mà hư mẹ ạ.

— Sao thế con ?

— Con thấy bao nhiêu là báo đầm không có áo quần ở trong phòng của bác.

Thu mắng con :

— Lầu sau không được tò mò lục đồ của người khác nghe không.

Thằng bé còn không chịu phụng phịu :

— Thế sao con lượm báo có hình đó chơi thì không được, người khác thì được ?

Thu phải dỗ dành con.

— Con lớn lên mới xem báo ấy được. Ai lại mùa đông mà không mặc quần áo lạnh chết. Con có nhớ cái hình ba treo trong phòng ngủ ngày xưa không. Cô đó cũng không mặc áo, mẹ sợ cô ấy lạnh bị cảm nên phải quàng thêm một cái khăn voan ra ngoài.

Bé Tân nghe có lý nên thôi không cãi nữa tìm trò chơi khác.

Trong khi Thu ngồi chờ cơm, nàng nhận thấy có một sự thay đổi trong phòng. Máy hôm trước nhà cửa trong bần thiu, bây giờ được quét dọn sạch sẽ. Nồi soong được đánh bóng sáng loáng hẳn lên. Cả cái bàn ăn xiêu vẹo cũ kỹ long chân, hôm qua còn dơ cái mặt bàn nham nhở mốc meo, bây giờ được trải một tấm khăn ni-lông mới. Thu mỉm cười nhìn ông già đang lụm cùm nấu ăn. Nét mặt răn rúm đau khổ già nua, mới cách đây 3 hôm nàng còn thấy cái nét bơ vơ lạc lõng trong ánh mắt thì giờ đây hình như có một niềm tin vui tỏa ra.

Trong góc phòng một cây chuối con trồng trong chậu như một cây cảnh. Cây chuối của xóm làng Trung-Hoa là một thứ cây mọc tràn đồng, một trong

những loại không cần săn sóc và có thể mọc ở bất cứ bờ bụi nào. Nhưng ở đây cây chuối được cưng chiều, được nằm trong chậu sứ, được nâng niu như cành vàng lá ngọc. Cây chuối của ông Hải gầy gầy, lá nhỏ mỏng manh, trông thanh cảnh như một cô gái cấm cung. Ngày ngày ông Hải tưới cho cây chuối một chén nước, mỗi tháng ông cho bột chất bồ của cây vào nước một lần. Những hôm trời âm u nắng không xuyên qua cửa sổ vào phòng được, ông bưng cả chậu lên sân thượng sưởi, đến tối phải nhớ đem vào kéo sợ sương lạnh ban đêm làm hại loài cây nhiệt đới. Cây chuối tuy bé nhỏ nhưng trông già dặn như một cây lớn. Nó cũng có những cành khô xơ xác bao quanh mấy cành tươi non, như những tà áo màu nâu tươi bởi bên ngoài thân cây. Trong góc phòng cây chuối chiếm một chỗ to rộng nhất vì nó tượng trưng cho một bầu trời quê hương của ông. Cây chuối này mấy hôm trước lá đục mờ vì bụi, hôm nay lá cũng được lau chùi sạch sẽ bóng hẳn lên và trong sáng một màu lục như cầm thạch.

Trong chốc lát Thu thấy tội nghiệp ông già. Những hôm trời mưa không đi xem nhà được, Thu ngồi yên lặng nghe ông kể chuyện đời ông. Hình như ai cũng có một chuyện bất công uất ức để kể, miễn có người chịu nghe và có không khí thuận tiện để tâm tình. Bên chén trà thơm trong quán trọ, ông già kể và nhỏ từng giọt nước mắt vào chén trà thơm mà không biết.

Chiều hôm sau trong lúc Thu và ông Hải đang xem báo ở phòng khách của khách sạn thì có một nhóm sĩ-quan đi vào. Trông thấy Thu họ đứng lại chào hỏi và nói chuyện rất niềm nở. Thu vui

về nói chuyện với họ và hình như không để ý đến ông đang thu hình xem báo trong một góc phòng nữa.

Tối hôm ấy Thu và con đi ăn cơm hiệu với các bạn của nàng. Ông biết họ là sĩ-quan ở Đài-Loan mới sang, đang đợi máy bay để đi các khu huấn-luyện. Ngồi một mình với các món xào nấu ở nhà, ông thấy nuốt không xuống. Cuộc đời niên thiếu của ông chỉ biết làm việc, cuộc đời giữa của ông, ông đã quen sống với chua chát cô đơn, trong mấy ngày bỗng dưng xáo trộn hẳn lên. Căn phòng lạnh lẽo của ông hiện ra bóng dáng của một người đàn bà đi ra đi vào, bên bàn ăn nổi lên tiếng cười đùa, câu hỏi ngây thơ của trẻ con. Tất cả những thứ này đem hạnh-phúc cho đời ông và cũng những thứ này, thiếu nó, sóng gió nổi lên trong lòng ông. Mấy người sĩ-quan trẻ tuổi kia, mới quen Thu đã đem mẹ con nàng đi đâu mất. Ông thấy lo sợ cho Thu. Không biết cái bọn đàn ông tinh ranh quỷ quyệt kia đưa nàng đi đâu, nàng có bị dỗ dành, có bị lợi dụng không? Ông muốn nói cho Thu biết đàn ông là giống đáng sợ lắm. Họ nhìn đàn bà với một cặp mắt ngưỡng mộ bên ngoài, với ý nghĩ chiếm đoạt bên trong, cùng một lúc sắp sẵn chương trình xa chạy cao bay sau khi mãn nguyện.

Ông cảm thấy ông cần phải bao bọc che chở cho Thu như một đứa con gái của ông. Ừ, con gái của ông cũng bằng Thu, nếu nó có dịp lưu lạc sang đây, nó cũng có thể ở trong một khách sạn, và cũng có thể bị những chàng trai mặt mày sáng của sữa nhưng tâm hồn âm u quyến rũ. Ai sẽ bao bọc che chở cho con gái ông?

Ông Hải ghen ngào nhìn bát cơm còn nguyên, bỏ đĩa mặc áo khoác đi tìm

Thu. Biết bọn Thu đi ăn, ông chỉ quanh quẩn mấy tiệm ăn lớn và có tiếng. Ông Hải đi qua hai ba tiệm ăn, tiệm nào ông cũng bước vào đi quanh một vòng nhưng không thấy Thu đâu cả. Đến tiệm trước kia Thu vẫn thích ăn cũng không thấy, ông đâm lo. Mắt ông đảo dáo dác nhìn quanh, chân này đá lẩn vào chân kia, cứ thế ông đi suốt mấy con đường bán thực phẩm và đồ chơi, quần áo. Lúc đi qua một tiệm rượu ông chợt trông thấy bé Tân đứng chơi ngoài cửa. Ông mừng quá chạy vội đến hỏi :

— Me đâu ?

— Me trong kia, đang mua đồ.

— Tối nay cháu ăn có no không, có ngon không ?

— No, ngon lắm, ông đi đâu đấy.

Ông Hải lúng túng :

— À, ông đi dạo một lúc trước khi đi ngủ.

Ông Hải đã định gặp Thu sẽ mắng Thu một trận. Sẽ nói Thu biết những cái nguy hiểm ở thị thành. Ai mới quen mấy người này mà đã dám đi ăn, đi chơi phở là cà như vậy. Ông có nhiều điều cần phải khuyên bảo Thu lắm, thế nhưng bây giờ trông thấy Thu đứng trong tiệm, ông không dám vào gặp Thu, và ông cũng không nghĩ đến chuyện dạy bảo gì cả.

Ông tự hỏi ông là ai ? Ông là gì của Thu mà được dạy bảo và mắng nàng.

Nếu ông là một đồng hương của Thu thì những người kia cũng là đồng hương của Thu như ông vậy. Họ có thể trò chuyện hay mời Thu đi chơi, đi ăn. Thu muốn đi đâu hay làm gì là việc riêng của Thu, ông có quyền gì mà cấm đoán hay can thiệp vào việc riêng của nàng.

Ông Hải đứng lủi vào một góc, giả vờ xem các món hàng để nhìn vào bên trong. Thu cầm hai chai rượu Mai-quế-lộ đang cười nói với các bạn mới của nàng.

Ông Hải kinh ngạc đến cực điểm :

Thu uống rượu. Thu mà cũng uống rượu ? Thế này thì hỏng ! Mấy hôm nay, mỗi bữa ăn ông đều ó uống một cốc rất nhỏ để khai vị, nói cho đúng hơn, ông muốn tận hưởng trọn vẹn toàn cái hạnh phúc đến bất ngờ với ông. Cái hình ảnh mà suốt đời ông không bao giờ dám ngờ sẽ xảy ra. Cái hình ảnh của một người đàn bà và một đứa trẻ trong nhà. Vì thế ông tự khao một cốc rượu nhỏ trước mỗi bữa cơm. Ông đã mời ép Thu nhiều lần nhưng bao giờ nàng cũng từ chối. Giờ đây chính Thu mua rượu. Thu sẽ uống với ai ? Bọn thanh niên kia chăng ? Ông thấy uất hờn dâng lên tận cổ. Không biết những bằng ranh con kia, đứa nào đã xúi dục Thu mua rượu để rồi đêm nay sẽ chuốc cho nàng say ?

Ông theo bọn Thu về đến khách sạn. Ông thấy Thu lấy chìa khóa ở bàn người thư-ký rồi bế con lên gác. Các sĩ-quan mang xách hộ nàng những gói lớn gói con. Họ theo nàng vào đến tận phòng. Ông Hải thấy chân tay bủn rủn, ông ngồi xếp xuống cầu thang giả vờ mở một tờ báo ra đọc để chờ xem bọn kia bao giờ mới về.

Ông nhìn vào tờ báo mà không trông thấy chữ. Tiếng cười tiếng nói vọng ra như những mũi kim đâm nhói vào tim ông. Bỗng dưng ông Hải thấy giận đời. Ông đang sống yên tĩnh với cái làng xóm Trung-Hoa của ông. Món tiền nhỏ còn sót lại ông đưa cho một người bạn

thân buôn bán chung. Mỗi tháng người ấy đưa cho ông một số tiền nhỏ đủ ăn và trả tiền phòng. Ông đã tưởng đời thế là hết sông gió rồi. Không ngờ chỉ trong mấy ngày, một người đàn bà xa lạ và một đứa bé con đã làm sống dậy tất cả ham muốn và dục vọng ông chôn chặt từ lâu. Ông thấy ông có quyền được sống như mọi người, có quyền sung sướng như mọi người...

Những người con gái Trung Hoa ở đây ai cũng sang trọng quá, kiêu kỳ quá. Ông nhìn họ như nhìn một nàng tiên hay một bà công chúa ở một thế giới khác. Dù cô không phải là giống người tượng lưu trông cô cũng kiêu kỳ. Dù cô chỉ là một cô hầu bèn cô cũng có giấc mơ của một cô công chúa. Trong giấc mơ ấy ông Hoàng tử đẹp trai là anh đầu bếp chính, nấu ăn khéo, khỏe mạnh để một ngày kia cô cũng sẽ trở thành bà chủ tiệm như ai. Nếu cô là một cô thư ký thì giấc mơ của cô cũng cao hơn các đồng sự bạn trai của cô nữa, thứ ông các cô coi như rơm như rác.

Đời ông chưa từng được nói chuyện lâu với một người đàn bà nào bao giờ. Đàn bà chẳng có ai rảnh rang để nói chuyện với một ông già nghèo nàn, lẩm cẩm ốm yếu như ông. Thế mà người

đàn bà này đã ngồi nghe ông kể chuyện hàng giờ, lết giờ này sang giờ khác. Bà không kiểm soát đi nơi khác, không ngáp vặt, không nhìn trời nhìn đất, không lo ra. Người đàn bà này nghe bằng tai, bằng mắt, bằng óc và cả bằng tim nữa.

Nhớ đến lúc ông đem từng bức thư của vợ ra đọc lại cho Thu nghe, ông cảm động tim đập mạnh từng hồi. Thu im lặng và lắng nghe ông như uống những lời tâm sự. Ông đã tưởng Trời Phật sai người đàn bà này xuống làm cho cuộc đời ông sáng lại để đền bù những nỗi bất công ông đã phải chịu trong mấy chục năm trường.

Thế mà... sợ mất Thu, đêm ấy ông Hải ngủ một giấc ngủ chập chờn hốt hoảng và đầy ước mơ lẫn với lo sợ.

Sáng hôm sau khi ông Hải dậy thì đã 10 giờ sáng. Ông vội vàng thay quần áo đi tìm Thu. Trước khách sạn ông thấy Thu đang đứng chờ tắc-xi với một đồng hành lý ngồn ngang. Trông thấy ông Thu chạy vội đến gần mừng rỡ.

— Kìa bác đã đến. Cháu tưởng bác còn ngủ không muốn đến làm phiền bác, Định để giấy lại cho bác hay rồi hôm khác sẽ trở lại thăm bác.

Ông Hải run rẩy hỏi :

Bộ sách giá trị không thể thiếu trong tủ sách của các bạn :

CHU DỊCH

của Cụ Sào - Nam PHAN BỘI CHÂU

Sách in làm 2 quyền khổ to trên 1200 trang giá trọn bộ 80 \$

Bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

— Các người định dọn đi đâu đây?

— Cháu thuê được một căn lầu ở dưới phố rồi. Hôm nay cháu phải đi sớm kéo chốc nữa quá giờ, khách sạn sẽ tính ihem một ngày tiền phòng.

— Bà có cần tôi giúp gì không?

Thu chỉ các sĩ quan :

— Thôi, không dám phiền bác. Có các bạn cháu đây mạnh tay, mỗi người giúp cháu mang vài món được rồi.

Ông Hải ngược mắt nhìn bọn con trai. Bọn họ trông khỏe mạnh thực. Người nào cũng cao lớn vạm vỡ, mặc quân phục chỉ vàng chỉ bạc lũng lẳng đầy người.

Thu đưa cho ông một cái gói bảo :

— Cháu không biết mua gì biếu bác, có thứ này chắc bác thích.

Ông Hải đỡ lấy cái gói không nói gì. Mắt ông chỉ nhìn quanh đây về hờn oán và kinh ngạc vì mọi việc xảy ra mau chóng ngoài trí tưởng tượng của ông.

Thu chia đồ đạc ra hai phần, các sĩ quan chia nhau ngồi hai xe. Trông họ mang xách gọn gàng và nói tiếng Anh nhanh như gió, Ông Hải thấy tủi thân. Ông không được như họ thì còn mong gì giúp Thu, dù chỉ xin đi theo dọn đồ.

Một lần nữa ông cảm thấy đời thực là vô nghĩa. Sống vật vờ không gia đình, không bà con họ hàng, không thạc tiếng nói. Có quê hương nhưng sẽ không bao giờ được về. Ông chỉ còn cách thu nhỏ mình lại, như một vật để làm cảnh cho phòng đọc sách của cái khách sạn cũ kỹ, bám chặt lấy cái thành phố Tàu trên đất Mỹ này.

Thu đã lên xe, mọi người cùng đưa tay vẫy ông. Ông vẫy lại mắt mờ đi. Chân ông rung rung, đầu gối mỗi như muốn gãy gập xuống. Ông ngồi bệt xuống vỉa hè mở cái gói của Thu ra xem. Bên trong có hai chai rượu Mai-quế-lộ, một cái áo len dày, một lá bút tất và một cái khăn quàng. Ông cầm chai rượu dẫn mạnh xuống đất giận dữ :

— Hừ, người ta trả công cho tôi như thế sao ?

Món quà đáng giá đền công ông giúp đỡ được rồi. Nhưng còn trái tim của ông, tấm lòng của ông thì giá nào mà đền cho được !

Ngồi thẩn thờ một lúc, ông nhặt gói quà ôm chặt vào lòng một cách âu yếm đi về phía chợ. Ông định đi mua đồ nhắm về nhà uống một bữa cho thực say. Không làm khổ ai được, ông muốn tự

CAO TIÊU

QUAN NIỆM VỀ CÁI CHẾT

QUA THI CA VÀ TRIẾT LÝ

Sách in đẹp, toàn trên giấy trắng tốt, gồm nhiều phụ bản giá 100đ

Bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

làm khổ mình để trả thù Thu và trả thù đời đã xử tệ đối với ông.

Về đến nhà ông ngồi vội xuống bàn, lấy hai cái cốc đồ lấy hai cốc rượu, ông uống một cốc còn một cốc tưới vào gốc cây chuối thì thầm :

— Tao chỉ có mấy thời. Uống với tao một cốc cho vui

Uống hết ông lại rót ra hai cốc rượu khác, nhấp nháp dần dần và cũng đổ dần vào gốc cây chuối.

— Mày biết không? Ai cũng bỏ tao cả. Tao không còn gì ở trên đời này nữa trừ mày ra, Mày đừng đi đâu cả nghe không? Uống đi: Uống thêm vài cốc nữa với tao cho vui.

Cứ thế, từng cốc, từng cốc, ông vừa nhấp nháp vừa đổ dần cho cây chuối.

Khi ông Hải tỉnh dậy thấy gian phòng mờ mờ tối. Ông không biết rõ là ngày hay đêm và ông cũng không muốn biết. Ông Hải thấy mình nằm vắt trên bàn, chung quanh chai cốc ngổn ngang, dưới chân ông cây chuối

bị ngã nghiêng. Cây chuối bây giờ không còn màu lục non xanh tươi nữa, lá nó héo và thân cây mềm hẳn đi.

Ông Hải dựng cây chuối dậy vỗ về :
— Chết chửa, mày uống nhiều rượu quá! Mày say đấy à? Tại sao mày héo thế này? Mày buồn phải không? Ừ phải, mày buồn cho tao cũng được! Nhưng nhớ đừng có chết nghe không? Mày buồn thôi chứ đừng bỏ tao mà chết!

Những chữ cuối ông vừa nói lầm thầm vừa nhò cây chuối bước vào phòng ngủ. Ông nằm vật trên giường ngủ lại. Cây chuối ông đặt nằm gối lên cánh tay ông khe khẽ bảo :

— Đừng buồn nghe không? Thôi đừng buồn nữa, tao sẽ săn sóc cho mày. . .
Đừng buồn nữa. . .

Tiếng ông lẫn với tiếng ngáy rồi im hẳn.

LINH BẢO

(Trích trong tập truyện-ngắn
« Những Cánh Điều »)

Quân Mông-cổ làm cách nào vượt qua Vạn-lý-trường-thành để chiếm Trung-Quốc? Họ làm thế nào để trầy quân trên rặng núi Pamir cao 4000 thước và vượt qua sa-mạc Tử-thần để đánh tan đế-quốc Hồi? Họ tổ-ckức và huấn-luyện những đại-đoàn pháo binh như thế nào? Chiếc cung, đôi giày, và con chiến mã của họ ra sao mà các sử gia cho là yếu-tố chiến thắng? Và, từ một tên du mục hiền lành, tại sao Thành-Cát Tư-Hãn nổi cơn phẫn nộ đến mức gây cảnh núi xương sông máu làm kinh-hoàng cả lịch-sử nhân loại?

Đề có thể giải đáp những câu hỏi trên, mời bạn đọc quyền :

THÀNH - CÁT - TƯ - HÃN

của Nguyễn-Trọng-Khanh

— Một cuốn sách xây dựng công phu với những sử liệu đặc biệt như : *Mông-cổ bí sử*, *Đế quốc đồng cỏ* của Viện Đại-học Hambourg... và hình ảnh của Viện Bảo tàng Moscou...

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Địa chỉ : 21 Nguyễn-Thiện-Thuật Sài-gòn — Đ.T : 92.017

Một ngày bình thản

Thơ NGUYỄN-KHẢI-HOÀNG

một ngày thật bình thản
thức dậy nghe tiếng còi
quét nhà xong rửa mặt
chải tóc nhìn gương soi

một ngày thật bình thản
đi làm bằng hai chân
đến nơi ngồi lên ghế
lâu lâu thấy mỏi lưng

một ngày thật bình thản
hết việc buồn ngáp dài
tờ báo chi chút chữ
giết nhau vẫn còn đầy

một ngày thật bình thản
chiếc trục thẳng qua đầu
cô giáo ngừng nét phấn
« loài người yêu thương nhau »

một ngày thật bình thản
chiếc lô-cốt lặng thình
anh lính cầm súng gác
kẽm gai vây quanh mình

một ngày thật bình thản
đoàn xe màu ô-liu
nổi đuôi bò lên dốc
anh tài xế buồn hiu

một ngày thật bình thản
người ăn xin vỉa hè
gục đầu bên vành nón
đứa con nằm ngủ mê

một ngày thật bình thản
con chim đứng trong lồng
đoi cánh dài năm tháng
đưa mắt nhìn núi sông

một ngày thật bình thản
được thư của người anh
từ miền xa gửi đến
dòng chữ chưa an lành

một ngày thật bình thản
nhớ em trên đường đi
nhìn ai màu áo hồng
chợt hay chẳng còn gì.

Sầu hạ

... ‘ Cầu chi bất đắc
ngụ mị tư phục
du tai du tai
triền chuyền phản trắc ’ (★)
(Quan Thư — Kinh Thi)

Buổi sáng phố chia hai lòng ảm đục
Gót chân về em gửi lại băng khuâng
Ngày tháng cách e niềm mơ rã mục
Một phương duyên anh vọng tưởng bao lần

Dù mắt ngỏ lòng trao vời vợi quá
Người xa người rồi nỗi nhớ bình phương
Quanh giấc ngủ cơn trầm mê mệt lả
Mầm cô đơn mọc rễ bốn chân giường

Rời cố đô mù nỗi sầu lảng tằm
Mộng phiêu du nghe mỗi rụng tay chèo
Biển lặng sông dài trời cao thăm thẳm
Một cơn thuyền khô g có bến buông neo

Ngậm ngùi

Em đi đẹp áo tình hồng
Lay tôi tỉnh dậy giấc nồng say yếu
Biển xanh mộng đã phai nhiều
Nhớ thương đâu cánh chim chiều cao bay ?

Nỗi buồn chung thân

Xưa giờ anh vẫn lang thang
Con chim tình ái biệt ngàn tung bay
Rượu tình ai nhấp không say
Người yêu nào vượt tầm tay không buồn
Mười năm anh vẫn ngùi thương
Trăm năm còn đứng bên nguồn hong tơ

(★)... ‘ Cầu mong chẳng được
thức ngủ nhớ thương
ôi buồn ôi buồn
trở trần trần trọc ’

Thời - sự thế - giới

T U - T R Í

Hiệp-ước hợp tác Nga-Đức và hiệp-ước hữu chiến ở Trung-Đông vẫn là những sự kiện chính trị quốc tế được người ta chăm chú theo dõi. Những biến-chuyển này chiếm một tầm quan trọng đặc biệt đến nỗi chúng đã làm lu mờ những biến chuyển khác trên thế-giới. Tuy nhiên người ta cũng phải nhắc tới những vụ khủng bố của phe Cách mạng tại Uruguay và tình hình Tiệp-khắc 2 năm sau khi bị Nga thống-trị.

Hiệp-ước Nga-Đức được ký kết

Ngày 12-8-1970 vừa qua, hồi 10 giờ sáng, Thủ-tướng Tây-Đức Willy Brandt và Thủ-tướng Nga đã long trọng ký hiệp-ước cộng tác giữa hai nước. Buổi lễ đã được tổ chức tại phòng Catherine tại điện Kremlin. Sau đó Thủ-tướng W. Brandt đã đặt vòng hoa trước đài kỷ-niệm những chiến sĩ Nga bị Đức giết hại trong cuộc Đệ-nhi Thế-chiến.

Với hiệp-ước này, Nga và Đức cam kết không dùng vũ-lực trong bang-giao giữa hai nước, tuyên bố không đòi lãnh thổ cũng như không đòi thay đổi những đường biên-giới hiện tại ở Trung-Âu. Thừa nhận các đường biên-giới hiện-hữu có nghĩa là Tây Đức đã nhượng bộ Nga rất nhiều. Thật vậy, sau khi chiến-tranh chấm dứt, Nga đã tạo nên một tình-trạng hoàn toàn mới tại Trung-Âu. Nga lấy một phần lãnh-thổ của Ba-lan và đều cho nước này bằng cách đẩy lui biên-giới phía Tây của Ba-lan sang tới 2 con sông Oder và Neisse. Như

thế có nghĩa là Nga cắt đất của Đức để đền cho Ba-lan và đồng thời cũng gạt Ba-lan sang phía Tây để đẩy xa cái họa xâm lăng Đức về phía Tây-Âu. Ngoài ra Đức còn bị chia đôi. Phần đất ở phía Đông sông Elbe trở thành một quốc-gia Đông-Đức, chư-hầu của Nga. Ngày nay Tây-Đức thừa nhận đường ranh giới dọc sông Elbe tức là Tây-Đức hợp thức-hóa sự hiện-hữu của Đông-Đức một cách gián tiếp.

Ngoài ra bản hiệp-ước này đã quyết định tăng cường trao đổi thương-mại và kỹ-thuật giữa hai nước. Như vậy Nga sẽ được Tây-Đức giúp đỡ rất nhiều trong công cuộc cải-thiện nền kinh-tế khó khăn và canh tân kỹ-thuật trong lãnh-vực kỹ-nghệ.

Như vậy thì Tây-Đức có lợi gì ? Cái lợi của Tây-Đức hoàn toàn có tính cách chính-trị. Với Hiệp-ước này Tây-Đức bước ra không những khỏi cuộc chiến-tranh lạnh và còn ra khỏi sự tầy chay của các quốc-gia Đông-Âu. Từ khi cuộc đệ-nhi thế-chiến chấm dứt tới nay giữa Đức và các quốc-gia đồng-minh chưa có một hòa-ước nào. Bằng hiệp-ước Mạc-tư - khoa Nga không còn coi Đức như là một quốc-gia bại trận nữa mà là một quốc-gia ngang hàng. " Những kẻ đòi phục thù " Đức bây giờ đã trở thành những người bạn của Nga. Và khi Nga đã trở nên thân-hữu với Tây Đức thì các quốc-gia Cộng-sản Đông-Âu sẽ không còn lý do gì để tầy chay chính-phủ Bonn nữa. Như vậy giao-thương giữa họ và Tây-

Đức sẽ tăng cường mạnh mẽ trong tương lai,

Đối với Đông-Đức, hiệp-ước Mạc-tư-Khoa là một thất bại nặng nề cho chính-phủ Pankov và một thành-quả ngoại-giao của chính-phủ Boan. Nga không những không còn đòi Tây-Đức phải thừa nhận Đông-Đức mà bản hiệp-ước này còn chứng-minh rằng Tây-Đức, trên trường quốc-tế, có một tầm quan trọng hơn Đông-Đức.

Về phương diện đối nội, ông Willy Brandt đã củng-cố được uy-tín của riêng ông và của đảng Xã-hội. Dân chúng Tây-Đức đã tán-đồng hiệp-ước này. Theo các cuộc thăm dò dư-luận, hiện có chừng từ 79 tới 81% dân chúng ủng hộ chính-sách «Ost politik» của ông. Ngay cả các giới tư-bản tài-phiệt Đức cũng ủng-hộ ông vì nhờ hiệp-ước này mà Tây-Đức sẽ có thêm thị-trường cho kỹ nghệ trong nước.

Riêng các quốc gia Tây-phương tỏ vẻ lo ngại. Họ sợ rằng Đức áp dụng một chính-sách «đảo ngược liên minh» (Renversement des alliances) như kiểu hiệp-ước Rapallo năm 1922 hay Hiệp-ước Mạc-tư-khoa năm 1939 giữa Đức và Nga. Nhưng dù sao thì hiệp-ước 12-8 vừa qua chỉ có thể thực hiện được trong khuôn khổ hợp tác Đông-Tây mà chính các quốc gia Tây-phương chủ trương từ nhiều năm nay.

Những khó khăn của hòa-bình Trung-Đông

Tuy Ai-cập, Jordanie và Do-thái đều chấp nhận hưu chiến đề thương thuyết nhưng hòa-bình tại vùng này còn gặp nhiều trở ngại trước khi được thực hiện.

Trước hết Irak từ chối không chấp

nhận kế hoạch Rogers nhưng vì Irak không đủ sức mạnh tại Trung-Đông và không đóng vai trò quan trọng trong chiến cuộc vùng này nên sự từ chối của Irak không quan trọng lắm. Ngoài Irak người ta còn thấy Algérie phản đối. Nhưng Algérie không ở Trung Đông mà ở Bắc-Phi nên thái độ hiếu chiến của nước này không đe dọa được cuộc hưu chiến hiện tại. Nhất là từ trước tới nay Algérie chưa trực tiếp tham chiến. Năm 1967 Algérie chỉ quyết định can thiệp sau khi chiến tranh chấm dứt!

Một sự-kIỆN đe dọa trực tiếp cuộc hưu chiến mong manh hiện thời là thái độ của Ai-cập. Ngay đêm đầu tiên của cuộc hưu chiến, Ai-cập đã lợi dụng sự hưu chiến này để đưa các giàn hỏa-tiên tới sát gần kênh Suez, lập một hàng rào cản Do thái tại đây, tiếp tục võ trang vùng Suez bằng những dàn hỏa-tiên Địa-không (SAM) của Nga. Ngoài những hành động lén lút của Ai-cập, nhiều cuộc khủng bố của du kích quân Palestine vẫn tiếp-tục. Trong 2 ngày sau khi hưu chiến, 5 thương dân Do-thái đã bị chết và 7 quân nhân bị thương. Những sự-kIỆN này đã khiến cho chính-phủ Tel Aviv hết sức lo ngại. Họ sợ rằng một sự cấu-kết giữa bạn của họ là Mỹ và những kẻ thù của họ sẽ buộc Do-thái phải chấp nhận một thất bại ngoại-giao.

Trong khi Ai-cập tuyên bố là không có ý định ký một hòa-ước nào thì Do-thái lại nhấn mạnh rằng mục-tiêu chính của họ là hòa-ước. Tuy cả hai bên đều bất đồng ý-kien với nhau, nhưng về phía Ai-cập người ta đã tỏ ra lạc-quan đến nỗi đang tính chuyện khai-thông kênh Suez. Nhưng hiện thời chỉ một hành động bất cần của một trong các

phe liên-hệ cũng có thể làm sụp đổ những nỗ-lực ngoại-giao của Nga và Mỹ.

Khủng bố tại Uruguay

Phe Cách-mạng tại Mỹ-châu la-tinh lái một lần nữa được người ta nói tới. Tại Uruguay phe Cách-mạng Tupamarso tiếp tục bắt cóc các nhân vật của chính quyền hay các nhân vật ngoại quốc để bắt bí chính phủ.

oOo

Cách đây ít lâu họ đã bắt một vị thẩm-phán Uruguay để bắt ông ta tiết lộ tất cả các bí mật về tham-những của chính-phủ Uruguay. Khi vị thẩm-phán này được phóng thích thì một viên cảnh-sát-trưởng lại bị ám sát.

Vụ quan trọng nhất là phe Tupamaros bắt cóc ông Dan Mitrione, một chuyên-viên Mỹ giúp việc cho cảnh sát ở Montevideo. Họ ra điều-kiện là chính phủ phải thả hết tất cả các chính-trị-phạm thì họ mới thả ông Mitrione cùng với một kỹ-sư canh-nông Mỹ và một nhân viên ngoại-giao Ba-Tây.

Tổng-Thống Uruguay Pacheco Areco từ chối và kết quả là ông Mitrione bị sát hại. Vụ sát hại này đã làm cho dư luận Mỹ-châu xúc động trong khi Cuba ca tụng và lấy phương-pháp của Tupamaros ra làm gương cho phe Cách-mạng ở Mỹ-châu.

Tiếp-khắc 2 năm sau khi Nga can thiệp

Tháng 8-1970 quân đội Nga đã lⁱ tiến vào lãnh-thổ Tiệp-khắc để lập trận. Sự hiện này đã làm dân chúng liên tưởng tới cuộc can thiệp võ trang của Nga hai năm về trước cũng vào tháng này để chấm dứt « mùa xuân Tiệp-khắc ».

Đề kỷ-niệm ngày này, năm ngoái dân chúng đã xuống đường và bị đàn áp. Năm nay dân chúng lại phản đối Nga nhưng bằng một phương-pháp mới hơn là sau giờ làm việc về nhà, không ra khỏi nhà, đóng cửa tắt đèn.

Trong khi đó các lãnh-tự tự-do đang ngồi đợi số phận của mình. Trong tất cả các lãnh tự tự do chỉ còn có Tướng Svoboda, năm nay 75 tuổi, là còn giữ nguyên chức vụ của mình. Còn một số lớn các người khác bị cách chức và giải tòa.

Ông Dubcek bị khai trừ khỏi đảng Cộng-sản, sang làm Đại sứ tại Thổ-nhĩ-sau đó bị triệu hồi về nước và đang đợi số phận mình. Chính-phủ Husak tuy không dám đưa ông ra tòa nhưng cũng không dám để ông yên. Con trai ông đã bị loại không được theo học trường Đại-học Mạc-tư-khoa.

Thủ Tướng Cernik bị giáng xuống làm Tổng trưởng Kỹ-thuật và Đầu tư một thời gian và hiện thời làm việc tại một xưởng máy. Chủ-tịch Quốc-hội Smrkovsky cũng bị khai trừ khỏi đảng và sắp chết vì ung-thư xương. Những người ủng hộ ông Dubcek, nếu không may mắn chạy được ra ngoại quốc, thì phải ở lại lãnh nhận những công-tác thấp kém. Emil Zatopek, một vô địch thể-vận-hội, vì ủng-hộ Dubcek, đã bị đuổi khỏi quân đội và đi đồ rác. Nhưng Zatopek cũng bị mất luôn cả chức phu rác vì mỗi khi đi ra đường làm việc, đều được dân chúng nhận ra và đòi bắt rác hội. Một nữ vô địch Thể-vận Vera Caslavka giờ phải bán những huy chương vàng và bạc của mình để kiếm ăn.

TU TRI

Chiến tranh và Hòa bình

TẠI TRUNG-ĐÔNG

(Tiếp theo trang 14)

Vì vậy cuộc thương-thuyết này sẽ đi vào một ngõ cụt. Do-thái có thể trả lại sa-mạc Sinai cho Ai-cập với điều kiện là họ có quyền xử-dụng kênh Suez và giữ Sharm el Sheik để bảo đảm sự tự do thông thương của hải-cảng Eilath. Do thái cũng sẵn sàng trả lại cho Jordanie 70% lãnh-thổ ở tả ngạn sông Jourdain nếu người ta đặt một vùng phi quân-sự để ngăn chặn những cuộc đột-kích từ Jordanie sang. Về phía Syrie, Do-thái cương quyết giữ rặng đồi Golan vì cho tới năm 1967, Syrie đã dùng những quả đồi này để bắn xuống các kibboutzs của Do-thái. Về phần thành-phố Jérusalem vì là một thánh địa nên Do-thái cũng muốn giữ luôn hay cùng lắm là đặt thành-phố này dưới quyền một tổ chức quốc-tế.

Các quốc - gia Ả-rập sẽ hết sức ngần ngại trước điều-kiện của Do-thái vì mỗi miếng đất mà Do-Thái chiếm của họ tượng trưng cho một sự nhục nhã trong quá-khứ. Nên họ phải nhất quyết biến cuộc chiến bại thành một thắng-lợi ngoại giao.

Trước thái độ ngần ngại của Ả-rập có lẽ Do-Thái sẽ tiến tới một biện-pháp mới mẻ và quyết liệt hơn là trực-tiếp bắt tay với các người tỵ nạn Palestine. Nhiều yếu-tố mới đã cho phép họ hy

vọng như vậy. Trước hết các người Palestine đã bắt đầu mạnh nhưng lại vô cùng chia rẽ. Hiện họ có tới 3 tổ chức tranh đấu khác nhau và cạnh tranh với nhau : Tổ chức El Fatah, Mặt-trận nhân-dân giải-phóng Palestine và Mặt trận dân-chủ nhân - dân giải - phóng Palestine. Vì quá chia rẽ, nên hoạt-động không được hữu-hiệu, họ có thể đi tới một giải-pháp dễ dàng nhất là bằng lòng sống chung với Do-thái.

Ngoài ra vì họ sống nhờ các quốc-gia Ả-rập nên không những họ bị các nước này khinh ghét mà còn nghi kỵ nữa. Nguồn sống của họ là sự trợ giúp của tổ-chức cứu-trợ Liên-Hiệp-Quốc (UNRRA). Tổ chức này đã bỏ ra tới 800 triệu-Mỹ kim để cứu giúp người Palestine và các quốc gia Ả-rập chỉ đóng góp tổng cộng là 3% của số tiền này. Trước kia cố Thủ-tướng Irak đề-nghị định-cư họ tại thung lũng của các sông Euphrate và Tigre. Nhưng đề-nghị này đều bị các quốc-gia Ả-rập bác bỏ. Tại Gaza, nơi họ sống không khác những trại tập trung. Ai-cập, Syrie, Liban và Jordanie luôn luôn theo dõi và kiểm soát họ. Arabie Séoudite và Irak còn gửi hàng ngàn quân sang Jordanie để giúp nước này đàn áp họ. Tình-trạng nay đã đưa tới một sự khôi-hài của lịch-sử là Do-thái dần dần trở thành đồng-minh của các người Palestine.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Trong tương lai, sự cộng tác giữa Do-thái và người Palestine sẽ có thể được thực hiện bằng công thức một quốc-gia liên-bang tôn trọng quyền-lợi của cả hai cộng-đồng. Người Palestine còn có thể sẽ đi xa hơn nữa bằng cách lật đổ quốc vương Hussein chiếm Jordanie vì họ đã chiếm đa số dân số và một số lớn sanh ở Jordanie nên có quốc-tịch của nước này. Sau đó họ sẽ cùng với Do-thái thành lập một Liên-bang Do thái— Jordanie. Sự thành lập một Liên-bang như vậy sẽ là một đảo lộn của thế chính trị hiện thời ở Trung-Đông nhưng có nhiều hy vọng tồn tại lâu dài.

oOo

Chiến-tranh hay hòa-bình ở Trung-Đông hiện thời đang nằm ở trong tay ông Gunnar Jarring. Với ông Jarring,

đây là người Thụy-điển thứ hai đã góp phần vào công cuộc đi tìm hòa bình cho Trung-Đông.

Người đầu tiên là Bá-tước Bernadotte đã bị hạ sát năm 1949 trong khi thi-hành nhiệm vụ hoà-giải. Người ta hy vọng rằng Jarring sẽ có nhiều may mắn hơn Bá-tước Bernadotte. Nhưng dù ông Jarring có là một nhà ngoại giao đầy khả năng, mặc dầu ông nói được 12 thứ tiếng, mặc dầu ông là chuyên-gia về vấn đề Trung-Đông, ông cũng sẽ chỉ thành công nếu được hai đại cường Nga và Mỹ yểm trợ. Sự cộng tác Nga-Mỹ lại chỉ hữu hiệu nếu người ta biết chọn một giải pháp hợp lý. Và trong hiện trạng của Trung-Đông thì một Liên-hiệp giữa các người Do-thái và người Palestine là giải-pháp hợp-lý nhất.

TU TRI

ĐÓN ĐỌC :

CÂU CHUYỆN THẦY TRÒ

của HUỖNH-PHAN

- Tập biên khảo về giáo dục *thành thiết* nhất từ trước tới nay.
- Tập sách được sự giới thiệu *nồng nàn* của học-giả Nguyễn-Hiến-Lê
- Tập sách suýt bị nhà nước cấm vì tội : « Phản chiến » « Mạ ly quân đội đồng minh » !
- Tóm lại, là tập sách của mọi người đang làm THẦY và làm TRÒ.
« **TRÍ ĐĂNG** » xuất bản và phát hành.

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỐI
BỐI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

THỜI SỰ KHOA HỌC

« Thời mới, dạy con
theo lối mới »

Bác sĩ Benzamine Spock, nhà thần kinh-học nổi tiếng về những tác phẩm của ông trên lãnh vực dạy dỗ trẻ con, hiện đang bị nhiều chống đối ngay trên lãnh vực này. Từ sau thế chiến, những bộ sách giáo-dục của bác sĩ Spock lan tràn khắp mọi nơi và có ảnh hưởng rất lớn trong việc giáo-dục con cái ở mọi gia đình. Những bản dịch của các sách trên đây được tìm thấy ở Trung-hoa, ở Nga ở Ai-cập... Sách của B. Spock bán chạy hơn kinh Phúc-âm !

Spock đã từng ngồi tù trước đây, khi còn đang thời Tổng-thống Johnson vì tội xé thẻ trưng-binh để chống đối cuộc chiến-tranh ở Việt-Nam. Theo ông, những hình ảnh ghê sợ của chiến-tranh đăng tải trên báo-chí và trên đài truyền-hình sẽ gây ảnh-hưởng không tốt vào tinh-thần của đám con trẻ Hoa-kỳ, để lại những ấn-tượng xấu xa trong tâm hồn chúng sau này. Không thấy ông Spock truyền bố thêm một lời nào về tương-lai của những trẻ em Việt-Nam đang thấy tận mắt thảm cảnh đó năm này qua năm khác. Giá mà ông có nói đến đám trẻ xấu số này, dù chỉ một chút thôi, để làm hậu thuẫn cho chủ trương chống đối chiến tranh của ông thì hành-động của ông đã rộng lượng và đẹp đẽ hơn biết bao.

Trong căn-bản lý-thuyết của bác sĩ Spock, vai trò của người mẹ trong việc giáo dục con cái có tính cách quyết định.

Người mẹ vẫn phải dành phần lớn thời giờ của mình để ở nhà dạy dỗ, chăm sóc con cái, để đứa con sau này có thể phát triển một cách bình thường và đầy nhân tính. Trong xã-hội mới ngày nay những tổ chức giáo-dục trẻ con công cộng chưa đủ khả năng để thay thế vai trò người mẹ. Theo ông, tổ chức hoàn bị nhất về phương-diện này là các kibboutz của nước Do-thái. Trẻ con hy vọng có đủ những điều-kiện để phát-triển bình thường trong môi-trường đó.

Spock đang gặp sự chống đối nguy hiểm nhất ở những người... mẹ Hoa-kỳ. Phong-trào đòi giải phóng phụ-nữ ra khỏi khuôn khổ gia đình, đòi dành cho phụ-nữ những vai trò xã hội xưa nay vẫn mặc nhiên dành cho đàn ông... đang làm khó dễ ông đủ điều. Trước các biện-pháp tranh-đấu quyết liệt của phong trào này như ngưng làm bếp, ngưng quét nhà, ngưng làm tình v.v. Spock đang trở thành một nhân vật rất đáng ghét, rất lạc hậu. Ông đã chủ xướng một thứ giáo-dục rất mềm mỏng, rất bao dung cho trẻ con để chúng có thể phát-triển một cách hợp với thiên-nhiên và bẩm tính thì ngày nay, hình như chúng đang bắt đầu từ chối đóng cái vai trò bố, mẹ cần thiết xưa kia. Có người kết tội Spock đã làm hư thế-hệ thanh-niên hiện đại mà bằng chứng là những đám hippies, du đãng đầy rẫy ở xã-hội các nước Tây-phương. Spock không thấy ở đó bằng chứng của sự sa đọa, ông thấy ở đó sự ngồ ngáo

đáng yêu của một thể-hệ thanh-niên đầy sức sống.

Thời gian sẽ trả lời cho sự lạc quan của ông Spock !

Dạy con theo lối mới nhất

Không những đám đàn bà đang chê ông Spock lạc hậu mà những đầu óc có thẩm quyền trong giới y-học cũng muốn lấn lướt ông. Spock chỉ có thể dạy dỗ những đứa con bình thường bẩm sinh đã dễ dạy, còn những đứa trời sinh đầu bò đầu bừu thì dạy dỗ theo lối của ông rất khó nhọc. Khuynh hướng y-học mới nhất coi đó là những trường hợp bệnh và cần phải chữa trị hẳn hoi bằng thuốc men.

Bác sĩ Sidney Adler, chuyên môn về thần-kinh nhi-khoa đã mô tả một trường hợp bệnh-lý điển-hình như sau : Đứa bé là một bé trai, lên 9 tuổi, bề ngoài hoàn toàn mạnh khỏe và còn có vẻ sáng sủa nữa là khác. Cha mẹ đứa bé than phiền là đứa con của họ không thể nào dạy dỗ được, thầy học của nó thì than phiền là nó thiếu hẳn khả năng tập-trung tư-tưởng nên không thể tập đọc tập viết được. Adler nhận điều trị cho đứa bé. Mỗi ngày ông bắt nó uống 3 viên Ritalin, một loại thuốc kích thích nhẹ. Một năm sau, đứa bé lên 10 và đã có đủ khả năng để cắp sách trở lại trường.

Điều ngạc nhiên trong phương pháp chữa trị này là Ritalin, tức là *Methylphenidate* là một loại thuốc kích-thích hệ thần-kinh lại được dùng để trị những đứa trẻ quá hiếu động. Ở người lớn, *Methylphenidate* có tác dụng kích-thích thực sự, trái lại ở trẻ con nó lại có tác dụng trấn tĩnh. Mặc dù cơ chế

tác dụng chưa rõ rệt người ta tin rằng rất có thể đó là do sự biến dưỡng của thuốc ở cơ thể trẻ con khác với ở cơ thể người lớn. Thời gian điều-trị trung-bình là 2,3 năm, đôi khi có thể kéo dài đến 10 năm — Trường hợp kể trên là trường hợp mà hiệu-quả của Ritalin tỏ ra nhanh chóng và rõ rệt nhất.

Tuy nhiên, mọi người, ngay cả đến Adler, đều không mong muốn rằng đây là phương pháp cuối cùng để dạy dỗ con trẻ.

Một lời bào chữa cho Beethoven

Beethoven là một thiên-tài âm-nhạc của Đức quốc và của cả thế giới. Có một điều oái ăm là ông đã bị mất thính-giác từ lúc còn rất trẻ. Sự bất hạnh lớn lao đó đã không làm cản trở tài năng của ông, và những hoà-tấu khúc tuyệt vời nhất đều ra đời sau khi ông bị điếc. Người ta không dám nghĩ là nếu bậc thiên-tài đó không bị nạn thì ông còn có thể sáng tạo thêm những âm thanh nào hoàn hảo hơn nữa.

Từ năm 1927, ngay sau khi Beethoven chết, đã có nhiều giả-thuyết về căn bệnh của ông. Các nhà học-giả phần lớn đều nghĩ Beethoven bị điếc là do hậu quả của bệnh giang-mai hay bệnh thương hàn mà ông đã bị lúc còn thanh niên. Đó là một lối giải-thích nhưng ít ai bận tâm đến vấn-đề đó. Nếu quả đó là sự thật thì nó cũng không làm xấu đi cái danh vọng rực rỡ của nhà dương cầm. Gần đây, trong tờ J.A.M.A, nguyệt-san chính thức của Hội y-sĩ Hoa-kỳ hai bác sĩ của Trung-tâm Y-khoa Colorado là Stevens và Hemenway đã đưa ra một lối giải thích mới về tật điếc của Beethoven.

Theo họ, Beethoven bắt đầu bị điếc từ năm mới 27 tuổi, quá trẻ để có thể nói đó là một hậu quả của bệnh giang-mai (Giai đoạn 3 của bệnh giang mai, khi mà vi trùng Tréponème bắt đầu tàn phá hệ thần-kinh thường xảy ra ít nhất là 10 đến 20 năm sau khi nhiễm-bệnh). Do đó Stevens cho rằng tật điếc của Beethoven có thể là do chứng *cochlear oto sclerosis*, một chứng bệnh mà sự phát triển quá mức của xương trong tai-trong đã làm xáo trộn sự chuyển biến âm-ba thành những tín-hiệu thần-kinh có thể tiếp nhận được do gây thần-kinh thính

giác. Giả thuyết của Stevens và Hemenway chỉ có thể xác định được nếu đem khảo sát xương sọ của Beethoven. Trong cuộc khai quật từ năm 1863 và một lần nữa vào năm 1888, những mẫu xương này không thấy được ghi nhận, có thể là nó đã bị vô ý làm mất đi ngay từ lần phẫu-nghiệm tử-thi đầu tiên.

Dù sao thì đó cũng chỉ là một sự cải-chính không mấy cần thiết.

TƯ-DIỆP

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Cái u-mặc ở bên Tây

Tại Hán Thành, hồi đầu tháng 7 vừa qua, các nhà văn tri hô nụ cười đã chết. Bên Pháp, một nhà văn hài hước ăn khách nhất nước vừa xác nhận rằng ở nước ông càng ngày người ta càng khoái cười, càng biết thưởng thức cái cười hơn trước.

Nhà văn ấy là Pierre Daninos. Một tác phẩm của ông, cuốn *Les carnets du major Thompson* đã bán ngót một triệu rưỡi bản. Pierre Daninos là một «U-mặc đại-vương»—Cũng như Bernard Shaw ở Anh gần đây, cũng như Lâm-Ngũ-Đường ở Tàu hiện nay.

Người viết dí dỏm nhiều và xuất sắc như thế, người đọc văn dí dỏm đông đảo như thế, để gì nụ cười vột tắt mà lo?

Gặp tay quán quân về u-mặc, việc đầu tiên nên làm là cố tra hỏi một định-nghĩa u-mặc. Và câu trả lời đầu tiên là : U-mặc không định nghĩa được.

Tuy không định nghĩa được, kẻ hỏi

người đáp cũng loay hoay quần thảo với nhau một hồi. Rốt cuộc, vài đặc tính của u-mặc được nêu ra làm những nét căn bản.

Thứ nhất : Nó không ác, nó lành (... «une des caractéristiques de l'humour: l'absence de méchanceté»)

Thứ nhì : Nó giúp con người có can đảm vượt qua nghịch cảnh. Về điểm này, P. Daninos dẫn một thí dụ : Đứa trẻ khi nó phải ngang qua những chỗ tối nó sợ, nó thường hát lên cho bớt sợ. U-mặc là như thế.

Hai đặc điểm mà P. Daninos vừa nêu, cũng đúng là hai đặc-điểm mà chúng ta đã rút được từ những cuộc thảo luận ở Hán-thành (BK số 326 ra ngày 1-8-1970)

Nhưng về số phận của nụ cười thì có sự nhận định khác nhau.

Dân-tộc-tính của người Pháp

Pierre Daninos nhận định về số phận của nụ cười thì lạc quan, nhưng nhận

định về cá tính của đồng bào ông ta thì không lạc quan mấy.

Theo ông, người Pháp có chỗ khác với người Anh người Mỹ. Thí dụ, một người Mỹ nhìn lên xe lửa thấy có kẻ nhớn nhor ở toa hạng nhất, có người chen chúc ở hạng ba, thì người Mỹ sẽ bảo : « Sao không sắm toa hạng nhất cho tất cả mọi người ? ». Trái lại, một người Pháp thì sẽ hậm hực, ai oán : « Gớm ! cái bọn trưởng-giả ở hạng nhất trông dễ ghét. Sao không lừa chúng xuống toa hạng ba tất cả xem chúng nó có chịu được không nào ? »

Nhận định này không phải vô bằng. Nó bắt nguồn từ vài bằng-chứng, cả hai đều xảy đến trong cuộc đời tư của P. Daninos.

Việc thứ nhất xảy ra từ lâu, từ ngày vừa chấm dứt đệ-nhị thế-chiến. Một hôm nhà văn đưa các con lên tàu lửa đi sang Áo để nghỉ lễ Giáng-sinh. Con cái nhà văn đi tàu, không biết đi toa hạng mấy, nhưng bên cạnh ông ta có một bà đầm có con cái đi toa hạng ba đã thốt lên lời ai oán.

Việc thứ hai vừa mới xảy ra, Hôm ấy, nhà văn đi chiếc xe Daimler sang trọng, bị một nhóm thanh niên quá khích, tự

xưng cách-mạng theo kiểu Mao-Trạch-Đông, chặn lại và mắng mỏ : « Tên trưởng giả này không biết đã cán chết bao nhiêu mạng người với chiếc xe lộng lẫy của nó. » Mấy hôm sau tòa soạn báo *Le Figaro* nhận được một lá thư như sau : « Thưa ông chủ bút, tôi từng có mặt trong đám biểu tình đã chặn chiếc xe của nhà văn tư-bản có khuynh-hướng cổ điển là Daninos. Chúng tôi cho là coi việc một cá nhân rong chơi trên một chiếc xe sang trọng của ngoại quốc, việc ấy là vô sỉ. Chúng tôi chủ trương dẹp bỏ hết mọi xa hoa, nhất là sự xa hoa ở một công dân không đem lại chút gì cho sự tiêu thụ của đại-chúng, trong lúc đại-chúng còn nghèo khổ. »

Daninos gặp nghịch cảnh. Tựa như đứa trẻ đi vào bóng đêm, đứa trẻ cần hát lên một vài câu nhận-định. Và xem chừng câu nhận-định nghe không đi dỏm mấy.

Chủ trương mẹ bồng con

Ngày 26 - 8, phụ nữ bên Mỹ rủ nhau đình công để tranh đấu chống đàn ông. Họ ngưng làm bếp, làm tình, bỏ xú-cheng, ngưng bồng con, đem con ra bỏ trước các tòa thị-chính v.v...

Chuyện làm tình và chuyện xú-cheng

Lớp Hội - Họa Việt - Nam

MIỄN PHÍ

tại Trung-Tâm Đắc-Lộ, 161 Yên-Đồ Saigon do

CHƯƠNG-TRÌNH HƯNG GIAO VĂN ĐÔNG

tổ-chức và họa-sĩ trứ danh TRỌNG NỘI hướng dẫn.

Xin đến ngay Trung-Tâm Đắc-Lộ để xem thề-lệ.

chắc chắn dính líu đến nhiều tác phẩm văn nghệ lớn.

Chuyện bồng con, tưởng chỉ có liên quan với liên-danh Trương-Công-Cừu, không ngờ lại cũng còn liên-hệ với một tác phẩm và một tác giả quan trọng. Đó là bác sĩ Benjamin Spock, với cuốn *Comment soigner et éduquer son enfant*.

Hình như đó là cuốn sách bán chạy nhất Đông Tây kim cổ, là cuốn sách duy nhất có thể so sánh với *Thánh-kinh* về số lượng ấn-hành.

Sách ra đời từ 1946. Đến nay, riêng tại Hoa-kỳ, nó đã bán được 22 triệu cuốn. Nó còn được dịch ra 26 thứ tiếng, không biết đã bán được bao nhiêu triệu cuốn ở ngoại quốc. Ảnh hưởng của tác giả ấy và của tác phẩm ấy dĩ nhiên là cực kỳ lớn lao. Đặc biệt là trong giới đàn bà.

Dưới thời Tổng-thống Johnson trước đây, ông đã có lần bị bỏ tù vì xúi thanh niên chống đi lính sang đánh giặc ở Việt-nam. Nhà nước Hoa-kỳ chịu không nổi, vì ông già quá "cấp-tiến", còn phụ-nữ Hoa-kỳ thì gần đây lại có một số chịu không nổi vì kêu rằng ông quá bảo-thủ: ông chủ trương mẹ phải nuôi con.

Bác sĩ Spock thanh minh: Ông ta đứng về phía con nít, không ham đứng phía đàn bà. Đứng ở quan điểm của con nít, ông nhận thấy trẻ được mẹ nuôi thì không những được lợi-ích về sức khỏe, lại còn thông-minh hơn...

Đàn bà muốn chống đàn ông: tùy ý. Nhưng đàn bà không nên chống trẻ nít.

Chính trị gia làm lịch sử

Người ta đồn rằng Tổng-thống Nixon đang làm lịch sử. Không phải bằng cách xây dựng sự nghiệp hiển hách để đời về

sau, bằng một cách giản tiện hơn nhiều: Ông đang giao cho Viện Đại-học Whittier ở Californie trách-nhiệm sưu tầm tất cả lưu-tích trong cuộc đời thơ ấu và thanh niên của ông để tàng trữ vào một viện bảo-tàng và một thư-viện sắp sửa được thành-lập, do Fondation Richard Nixon.

Viện Đại-học Whittier là nơi Tổng-thống Nixon đã từng học, cử một sử gia đảm trách nhiệm vụ « lịch sử » nói trên. Tổ chức Fondation Richard Nixon do các bạn hữu của Tổng-thống chủ xướng, đã cấp cho Viện Đại-học này 30.000 phật-lãng để chi tiêu trong năm đầu vào « nhiệm vụ lịch sử »

TRÀNG THIÊN

Một kỷ lục khó phá

Nhà văn Thế Uyên đang bị đuổi nhà. Trong thời buổi này, đó không phải là truyện lạ. Điều lạ chẳng là ở chỗ đây là lần thứ 9 nhà văn này làm cảnh không nhà trong vòng 5 năm gần đây. Quả là một kỷ-lục khó phá!

Giun và kiến

Nhà văn bị đuổi nhà 9 lần trong 5 năm trên đây lại vừa đệ nạp Sở Phối-hợp Nghệ-thuật tập đoản-văn "khó" nhất của anh là «Đoạn đường Chiến binh». Nghe đâu anh nói với bạn bè rằng: Con giun xéo mãi cũng phải quắn, mà anh đâu có phải là... giun. Lần này cuốn sách của anh mà bị cấm hay cắt xén kiểu da beo, anh sẽ liệu vác đơn đi kiện Bộ Thông-tin lên tận Tối-cao Pháp-viện về tội vi hiến. Anh lý-luận rằng Hiến-pháp qui định rõ ràng là việc kiểm- duyệt chỉ được áp dụng cho phim ảnh và kịch trường thôi. Vậy cơ quan kiểm- duyệt ấn-loát-phẩm của Bộ Thông-tin

(tức Sở Phối-hợp Nghệ-thuật) là cơ quan vi hiến và công tác kiểm-đuyệt sách là phi pháp !

Thế-Uyên còn cho biết, bản dịch của anh về cuốn Trần «Điện-biên-phủ» của Jules Roy bị Sở PHNT giữ lại ba năm rồi chưa cho, trong khi nhật báo Công-luận của các cựu tướng Đôn Đỉnh đã tà tà cho dịch nguyên-văn và đã đăng gần xong. Khó thật !

Nhà văn Thế-Uyên nói rằng đi kiện như thế, dám là con kiến đi kiện củ khoai lắm, nhưng cũng đành. Sau vụ «con ruồi» và «con bọ xít» ồn ào dạo nào trên nhật-báo Độc-lập, thế là bây giờ lại đến vụ «con kiến Thế-Uyên».

Văn-hóa Việt-nam

Nhà văn Nguyễn thị Hoàng, tác giả «Vòng tay học trò» và trên một chục tác phẩm khác, sau chuyển đi Đài-loan và Đại-hàn với phái đoàn Văn-bút Việt-nam trở về, đã nói chuyện tại Thính-đường trường Quốc-gia Âm-nhạ: vào sáng Chủ nhật 16-8-70 về đề-tài «Nghĩ về Văn hóa Việt-nam hiện tại».

Buổi nói chuyện do Hội Bút Việt tổ chức. Số thính giả tham dự khá đông đảo nhất là các người trong văn giới.

Bài nói chuyện có 3 phần chính :

- Diễn-trình hình-thành của văn-hóa.
- Căn-bản ý-thức và cảm-thức văn-hóa
- Các tổ chức văn hóa (các nhà xuất bản, phát hành... Hội Bút Việt, Hội đồng Văn-hóa Giáo-dục)

Mở đầu diễn giả cho biết là «Văn hóa hiện tại quan trọng ở điểm là nó sẽ giữ vai trò chủ yếu vào bậc nhất để giải quyết «hiến cuộc đôi bên». Sau khi xác định «yếu tính của sáng tạo là

tự do, căn bản của văn hóa là tự do.» diễn giả đã «đứt khoát quan niệm là không thể bao giờ có một chính sách văn hóa thực sự, lại càng không thể trong một hoàn cảnh xã hội phân hóa như hiện tại».

Theo nhà văn Nguyễn-thị-Hoàng một đường lối văn hóa chỉ có thể có trong 4 điều kiện :

- Hoàn cảnh đất nước yên ổn,
- Dân chúng có đời sống đầy đủ,
- Giữa chính quyền và dân chúng có sự thông cảm sâu xa
- Những người làm văn hóa phải có tự do

Và văn-hóa chỉ nảy sinh với 2 điều kiện : môi trường xã hội (như trên) và môi trường tâm thức cộng đồng khích lệ sáng tạo văn hóa, đón nhận văn hóa...

Đề kết thúc, diễn-giả «nghĩ về văn hóa V.N. hiện tại là nghĩ về một khoảng trống, một sự xa vắng, một nỗi bơ vơ, hoang mang, bởi vì tất cả những điều kiện để có một nền văn hóa V.N. đích thực thành hình đều vắng bóng trên đất nước này». Tuy nhiên, tác giả «Vòng tay học trò» khuyên chúng ta không nên bi quan bởi vì «hy vọng sống còn của chúng ta là văn hóa».

Một hành động bất chính trong làng văn

Đó là nhan đề lá thư gửi các nhà văn nhà báo... của Ô. Nam Chi Vũ-đình-Lý, một cây bút phiên dịch nhiều tác phẩm ngoại-ngữ, tổ cáo ông Phạm đình Tân, Giám đốc Tinh-Việt Văn-đoàn, đã có một «hành động bất chính» đối với ông.

Hành động ấy như thế này : ông Vũ

đình Lý cộng tác với ông Tân gần 3 năm nay về việc dịch thuật những tác phẩm ngoại quốc. Trong thời gian này riêng ông Lý đã dịch một mình được 9 cuốn sách, trong đó 4 cuốn đã xuất bản. Những sách dịch này ông Tân đều yêu cầu ông Lý cho ghi thêm bút hiệu ông Tân kèm theo bút hiệu ông Lý: Nhưng khi ông Lý dịch đến bộ Lịch-sử các nền văn chương (Histoire des Littératures-Tome 1. Encyclopédie de la Pléiade) thì sau khi trao bản thảo cho ông Tân được khoảng 2 tuần, ông Lý thấy bản thảo của mình đã được cho sắp chữ và tên dịch-giả thì bị xé đi và để thay vào là: Bản dịch của Phạm Đình Tân (!) riêng mình Phạm Đình Tân mà thôi.

Lá thư của ông Lý nói trên đã được gửi cho các nhà văn, nhà báo... và nhiều báo đã đăng nguyên văn lá thư, gây dư luận sôi nổi trong văn-giới. Người ta được biết ông Phạm đình-Tân là Trưởng-ban dịch thuật về Kim-văn (có 1 ban cổ văn nữa) trong một Ủy-ban dịch thuật do Phủ Đặc trách văn hóa tổ chức và Cụ Mai Thọ Truyền làm Chủ tịch, và người ta chờ đợi sự lên tiếng của ông Phạm đình Tân để được nghe thêm một tiếng chuông nữa, nếu có.

Hưng Giáo Văn Đông

Cái tên bí hiểm trên đây có nghĩa là: Chấn hưng tinh-hần tôn-giáo và văn hóa Đông Phương. Tại Saigon, một tổ chức tôn giáo và văn hóa đã hoạch định một chương trình hoạt động mang tên là "Chương trình Hưng-Giáo Văn-Đông" để chống những trào lưu văn-hóa ngoại lai, chặn những luồng sóng duy vật, chấn hưng tinh thần tôn giáo, bảo vệ những giá-trị nhân bản về thiêng liêng cổ truyền của gốc gác nòi.

Chương trình này đã được lên được:

— 2 lớp triết giáo về Thời Việt (1) (niên khóa 1969-70).

— Một lớp Thiền-định nhập môn

— Một buổi thuyết trình.

Chương trình sẽ xuất bản một tạp-chí định-kỳ để phổ biến tư tưởng Nhập-thể cùng nếp sống Đông phương và sẽ mở nhà xuất bản.

Người ta nhận thấy nhóm văn hóa này do các Linh-mục dòng Tên tổ-chức (trong có Linh-mục Hoàng-sỹ-Q 17, một cây bút quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa) nơi liên lạc là 161 Yên đồ Saigon.

Trong bản giới thiệu mục đích của chương trình người ta thấy tổ chức Hưng Giáo Văn Đông chủ trương «không nên quá vụ vào một số những hình-thức đã lỗi-thời, nhưng nắm chắc những gì là tinh-hoa của Đông-phương còn tiềm-tàng trong vô-thức, để sống tinh-hoa ấy với những hình-thức đổi mới, sao cho thích-ứng, với thời-đại của chúng ta.»

Tổ chức này đã biết quan tâm đến Đạo Công-giáo ở Việt-nam, và «muốn đưa nó nhập thể vào văn-hóa dân-tộc, để ở nơi văn-hóa ấy đã được đổi mới và nâng cao lên, con người Công-giáo Việt-nam cũng được thần-hóa từ chính nền-tảng của mình. Đó là theo đúng hướng đi của Công đồng Vatican II và giúp cho Đạo khỏi chịu mang tiếng mãi là đồ ngoại hóa.»

THU THỦY

Khi người điên...
nhớ lại

Từ nửa tháng trước biến cố Mậu-Thân tôi tinh thần bất định và hay «đi lang thang» cho đến giữa năm Kỷ-Dậu:

trong thời gian này, chẳng rõ tôi đã gửi, hay đề quên hay vứt càn :

— Trên hai ngàn trang đánh máy về những bài nói đến truyện Kiều và Nguyễn-Du từ khi Đoàn trường tân thanh ra đời đến khi Đất nước chia hai, do tôi sưu tầm, đóng làm 3 tập bìa cứng, với cái nhan: *Bất tri tam bách...* hay là *Chưa đầy 300 năm xung quanh truyện Kiều và Nguyễn-Du*.

— 5 tập bài phỏng vấn về truyện ngắn Việt và quốc-tế hay nhất (đã kiểm duyệt), về quan niệm sáng tác : Văn, Họa, Nhạc (bài cắt ở Bách-khoa), về phụ nữ với chức nghiệp, về giáo dục sinh lí, về sinh viên, về chương trình Trung-học (cắt ở báo Mai).

— 3 bản thảo (đánh máy) cổ văn do Bình-Nguyễn-Lộ và tôi giới thiệu: Chiêu

hồn và Tiếc thay duyên Tấn phận Tần (đã kiểm duyệt), Tự tình khúc và Thu dạ lữ hoài ngâm, Tì bà hành và trường hận ca.

Một số Bách-Khoa đóng thành nhiều tập.

Một tập kỉ niệm hai người, giấy xanh.

Các bạn quen biết hay không quen biết được tôi gửi, hay giữ giùm tôi, hay tình cờ bắt gặp những «đứa con đi lạc» này, xin hoặc gửi đến tôi, hoặc cho tôi hay đề đến nhận, thì tôi xin muôn vàn cảm tạ.

Ngư-Í Nguyễn-Hữu-Ngư
do Tạp chí Bách-Khoa
160 Phan-Đình-Phùng
Saigon

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách-khoa đã nhận được bài của quý bạn sau đây :

Lê-văn-Trung ; Lan Điền Nguyễn Thử ; Trần Hữu Nghiễm ; Huỳnh Kim Sơn ; Phan Phụng Thạch ; Cao Nguyên Vũ ; Trần Châu Hồ ; Võ Chân Cửu ; Chu Minh Thụy ; Trần Dạ Lê ; Trần Hoài Thư ; Hà Lê Cau ; Phạm văn Nhân ; Quang Ngọc ; Nguyễn Quang Bằng ; Ngọc Thủy Khanh ; Lê Từ Nương ; Hằng Hà ; Lê Bí Lăng ; Nguyễn Đại Miên ; Y-Yên ; Võ văn Phòng ; Khúc Đoàn Nguyễn ; Hồng Khanh ; Đỗ Quang ; Hoàng-Đình Huy-Quan ; Thượng Thuật ; Phạm Cao Hoàng ; Chu Vương Miên ; Cao Ngọc Sa ; Lê Nhược Thủy ; Đỗ trí ; Nguyễn Bắc Ninh...

Xin trân trọng cảm ơn quý-bạn. Những bài nào đáng được, chúng tôi

sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc: nhắn tin trên 2 số báo tới đây.

— *Yā - Hạc* Nguyễn văn Trung (Bạc-Liên) : Có được 2 « Thơ điên » gửi báo đảm về trường cách đây 3 tháng không mà chẳng được tin gì. Sao chẳng có thư thẳng cho Trinh-Nguyên mà lại hỏi thăm qua Trang-Thiên ? Được Mặc Lâm cho biết về vụ Liêu-trai. Gửi bản thảo với bài ngữ - vịnh Liêu-trai với mười năm trước. *Nguyễn Hữu Ngư*.

— Cùng quý bạn hỏi về bộ **Bách-Khoa** đóng tập.

Hiện nay Ban Trị-sự đã đóng xong được thêm mấy bộ nữa. Đã có đóng tập từ số 1 đến số 323 (thiếu các số 9, 12, 28.) Một bộ từ 1957 đến 1969 gồm 40 tập giá 900đ. Gửi máy bay ra người Trung thêm cước phí 1.500đ. Quý bạn nào đã đặt mua, xin gửi ngay bưu phiếu về Tòa soạn để tên Ô. Lê-Ngô-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon. Những bộ đóng về sau sẽ thiếu nhiều số hơn nữa.